

ĐẶNG-DUY-CHIỀU

HÀ-MAI-ANH

Tập đọc

QUỐC-VĂN

LỚP BA



SOẠN THEO ĐÚNG CHƯƠNG TRÌNH MỚI SỬA ĐỔI LẠI
DO NGHỊ ĐỊNH SỐ 485 — GD/PC/NB NGÀY 29-6-1956
CỦA BỘ QUỐC GIA GIÁO DỤC

NHÀ IN VIỆT-LIÊN, 193 GIALONG — SAIGON
XUẤT-BẢN

ĐẶNG-DUY-CHIỀU

HÀ - MAI - ANH

TẬP ĐỌC QUỐC-VĂN

Lớp Ba

*Soạn theo đúng chương-trình mới sửa-đổi lại do
Nghị-dịnh số 485 GD/PC/NĐ ngày 29-6-1956
của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục*

Họa-sĩ NGUYỄN-MẠNH-TUẦN minh-họa



1957

NHÀ IN VÀ XUẤT - BẢN VIỆT - LIÊN

193, GIA-LONG - SAIGON

KÍNH GỬI CÁC VĂN NHÂN,
THI - SI, KÝ - GIẢ CÓ TÁC - PHẨM TRÍCH IN
TRONG SÁCH NÀY :

THƯA QUÝ - VỊ

Vì không có đầy-đủ địa-chỉ của quý-vị để gửi thư xin
phép riêng, chúng tôi xin mượn mấy dòng sau xin phép
Quý - vị cho chúng tôi được trích những tác - phẩm của Quý-
vị để binh-giảng và in vào sách này, mong Quý-vị vui lòng
vng-thuận cho, chúng tôi vô cùng cảm-lạ.

KÍNH THƯ,
SOẠN G Ắ.

Thay lời nói đầu

« ... Muốn cho cuộc tranh-đấu của chúng ta có hiệu-quả hơn, chúng ta phải làm thế nào để vận-dụng một cuộc cách-mạng linh-thần rộng lớn, phổ biến trong khắp từng lớp nhân-dân.

Muốn như thế, các bạn Giáo-chức cũng như các bạn Cán-Bộ Thanh-Niên phải lo làm sao gây được một tinh-thần Quốc-gia mạnh-mẽ trong học-đường và phát-huy được tinh-thần ấy trong đầu óc tất cả Thanh, Thiếu-Nhi của chúng ta.

Gây một phong-trào Tổ-Cộng mạnh-mẽ cùng thực-hiện được hai mục-tiêu nói trên là ý-nghĩa và mục-dịch của Đại-Hội-nghị Giáo-dục và Thanh-Niên toàn-quốc họp tại Thủ-đô nước Việt-Nam Tự-do trong những ngày mồng 2 và mồng 3 tháng mười năm 1955 ».

Trích trong bài diễn-văn của ông Tổng-Trưởng Bộ Quốc-gia Giáo-dục và Thanh-Niên đọc trong buổi lễ khai-mạc Đại-Hội-nghị Giáo-dục và Thanh-Niên toàn-quốc ngày 2 và 3 tháng 10 năm 1955.

BỨC THƯ CỦA ÔNG CHỦ - TỊCH QUỐC - HỘI VIỆT - NAM

QUỐC HỘI VIỆT - NAM

VĂN PHÒNG CHỦ-TỊCH Saigon, ngày 20 tháng 9 năm 1956

Số 2079 QH/P.STNC

✱

CHỦ - TỊCH QUỐC - HỘI VIỆT - NAM

Kính gửi :

Quý Ông ĐẶNG - DUY - CHIỀU và HÀ - MAI - ANH

436/18A đường Lê-văn-Duyệt.

SAIGON

Thưa Quý Ông,

Nhận được cuốn « Tập đọc Quốc-Văn Lớp Ba » của Quý Ông đề tặng, tôi xin gửi lời trân trọng cảm ơn.

Đọc qua những bài mà Quý Ông đã biên-soạn và trích-diễm, dù không thuộc giới sư-phạm, tôi cũng cảm - thông sự cố - gắng đáng khen của Quý Ông và nhận chân giá-trị của sách giáo khoa này.

Giữa lúc nền giáo - dục quốc gia chuyển hướng và các học sinh đang thiếu sách phù - hợp với chương-trình, tôi tin rằng công-trình của Quý Ông sẽ giúp ích nhiều cho giáo-giới và phụ-huynh học-sinh.

Với tin - tưởng ấy, tôi xin thành thật chúc Quý Ông thành - công và xin Quý Ông nhận nơi đây lời chào thân - ái.

Chủ-tịch Quốc-Hội Việt-Nam

TRẦN - VĂN - LÂM

I.- CHỦ-ĐỀ : THÂN-THỂ

1.— KHỎE ĐỂ PHỤNG-SỰ TỔ-QUỐC

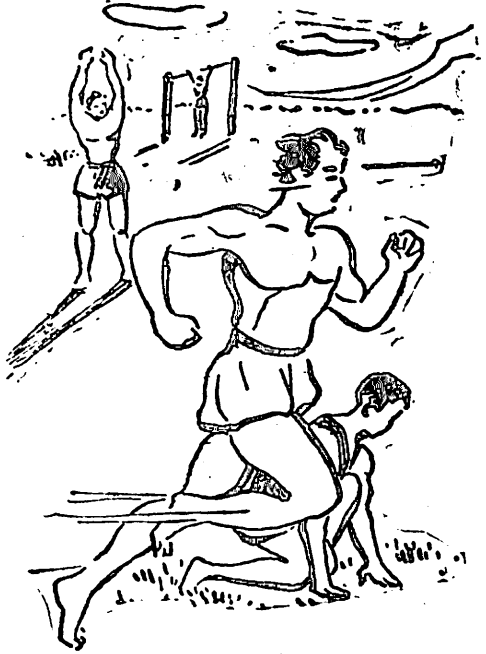
Giờ thể-dục, bài thể-dục đầu tiên trong niên-học.

Thầy giáo dẫn chúng tôi ra bãi. Chúng tôi xếp hàng ngay-ngắn, đứng im-lặng chờ lệnh.

Trước khi tập, hướng về chúng tôi, thầy nói, giọng hùng-hồn và cảm-động :

« Các con là tương-lai của đất nước. Nước Cộng-hòa Việt-Nam yêu quý của chúng ta sau này yếu hay mạnh, thịnh hay suy là do ở các con. Các con không những phải cố-gắng học hành để mai sau đem tài-năng ra giúp nước, mà lại còn phải luyện tập thân-thể cho khỏe-mạnh : khỏe để bảo-vệ tự do, khỏe để cải-tiến xã-hội.

Các con cần phải khỏe. Bài thể-dục các con tập hàng ngày không ngoài mục-đích luyện cho các con thành những thanh-niên hùng-tráng, xứng-đáng với dòng máu anh-dũng của ông cha ».



PHÁT ÂM.— Trước, giúp, hùng-tráng, suy.

GIẢI NGHĨA.— Hùng-hồn : mạnh-mẽ và tự-nhiên. Tương-lai : mai sau, ý nói nước nhà sau này trông vào đàn trẻ hiện nay. Thịnh : phát-đạt. Suy : sút kém. Bảo-vệ : giữ-gìn. Cải-tiến : sửa đổi cho ngày một khá hơn. Hùng-tráng : mạnh-mẽ.

CÂU HỎI.— Giờ thể-dục thầy dẫn học-trò ra đâu ? Học-trò xếp hàng thế nào ? Thầy giáo nói gì với các học-trò ? Tại sao học-trò là tương-lai của đất nước ? Tại sao ta phải luyện tập thân-thể ?

TRÁI TIM ĐẬP

Giờ cách-trí, thầy gọi Tâm lên bảng, bảo anh đề tay lên ngực, hơi chềch về phía trái và hỏi :

— Con thấy gì ?

— Thừa thấy con thấy trái tim đập.

— Trái tim đập để làm gì ?

— Thừa thấy, trái tim đập làm cho máu chảy đều trong huyết-quản, đem chất bỏ đi nuôi thân-thể.

Thầy khen và hỏi tiếp :

— Tại sao trái tim đập được ?

Tâm không trả lời được và cả lớp cũng không ai biết.

Thầy đồng dục giảng :

— Trái tim đập được là do một sức mạnh đã sinh ra trời đất, sinh ra muôn loài. Sức mạnh ấy ta không nhìn thấy nhưng tất-nhiên phải có. Sức mạnh ấy là đấng Tạo-hóa đã cho ta tinh-thần để hiểu biết, tâm-hồn để thương-yêu và thể-chất để hoạt-động.

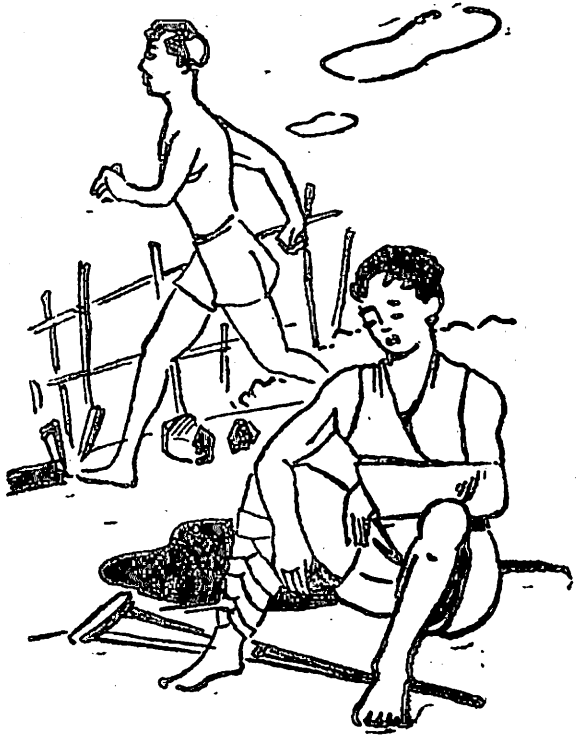
PHẬT AM.— Trái, trả lời, giảng, trời, sinh, sức.

GIẢI NGHĨA.— Huyết-quản : mạch máu. Đồng dục : chứng chạc, thông-thả rõ-ràng. Muôn loài : tất cả các loài. Tạo-hóa : chỉ đấng đã sinh ra muôn vật. Hoạt-động : cử động, làm việc.

CÂU HỎI.— Thầy gọi Tâm lên bảng bảo anh làm gì ? Thầy hỏi Tâm gì ? Tâm trả lời sao ? Trái tim đập để làm gì ? Do đâu mà trái tim đập được ? Tạo-hóa đã sinh ra gì ?

3.— ÓC VÀ CHÂN TAY

Óc ngồi điều-khiển
trên cao,
Chân, Tay làm-lụng xiết
bao nhọc-nhân.
Một hôm, Tay bàn
với Chân :
« Chúng ta cực khổ,
phải cần đấu-tranh.
Tội chi để Óc sai
mình,
Cần chi đến Óc, việc
mình mình lo ! »
Thế là hai chú « tự-
do » :
Chân đi bừa-bãi, Tay
quờ lung-tung.
Chân vấp : gãy, Tay
khuyu : sưng,
Lại gây đồ vỡ tứ-tung
trong nhà.



PHÁT ÂM.— Trên, đấu-tranh, trong, sai, sưng.

GIẢI NGHĨA.— Điều-khiển : sai khiển, ra lệnh. Nhọc-nhân : vất-vả. Cực-khổ : khổ-sở. Đấu-tranh : ý nói đòi lại quyền tự-do, không để Óc sai-khiển nữa. Quờ : sờ - soạng. Khuyu : chật xương, sai khớp.

CÂU HỎI.— Óc ngồi trên cao làm gì ? Tay Chân phải làm việc như thế nào ? Thế rồi hai chú làm gì ? Chân bị thế nào ? Tay bị thế nào ? Đồ-dạc trong nhà bị thế nào ? Bài này có ý khuyên ta gì ?

CỔ ĐẦU NGƯỜI

Nguyễn-Biểu làm quan đời Hậu-Trần, có tiếng là khảng-khái. Quân nhà Minh sang tàn-phá nước ta. Ông được cử sang điều-đinh với tướng giặc là Trương-Phụ.

Vào trại quân Minh, ông không chịu quy. Trương-Phụ tức giận sai luộ một cái đầu người đặt lên mâm mời ông ăn. Ông thản nhiên cười nói : « Mấy khi người Nam được ăn đầu người Bắc-quốc ». Nói rồi, ông lấy đũa khoét mắt, chấm giấm mà nuốt. Ăn xong, ông lại ứng-khẩu ngâm thơ, tỏ ý khoái-trá được ăn món đầu người ngon hơn cả các cao-lương mỹ-vị.

Trương-phụ thấy vậy cũng phải khen thăm ông là người thông-minh, có khí-tiết anh-hùng.

PHÁT ÁM.— Sang, trại, giận, giấm, khoái-trá.

GIẢI NGHĨA.— Khảng-khái : Không chịu quy-lụy, khuất-phục. Thản-nhiên : Bình-tĩnh như thường, vẻ mặt không thay đổi. Ứng-khẩu : ý nói đọc thơ ngay, không cần phải suy nghĩ. Khoái - trá : Vui thích sung-sướng. Cao-lương mỹ vị : ý nói những món ăn ngon.

CÂU HỎI : Ông Nguyễn - Biểu là người thế nào ? Ông được cử đi đâu ? Để làm gì ? Thấy ông không chịu quy, Trương-Phụ sai lính làm gì ? Ông nói gì ? Nói xong, ông làm gì ? Tại sao Trương-Phụ cũng phải khen thăm ông ?

5.— CHỈ CẦN VẬN - ĐỘNG



Ông Thanh giàu có, ở nhà lâu, đi ô-tô, ăn ngon, mặc đẹp. Nhưng người xanh-xao, yếu-đuối, về mặt lúc nào cũng ỉu-xiu.

Một hôm, ông về quê chơi, gặp một bác thợ cày người vạm-vỡ, da dẻ hồng-hào, nét mặt vui-tươi, nằm hát nghêu ngao dưới bóng cây đa, trên thảm cỏ xanh rờn.

Ông lại gần tâm-tắc khen: « Trông bác khỏe - mạnh quá nhỉ! Ước gì tôi được như bác thì sung-sướng biết bao! »

Bác nông - phu tươi cười đáp: « Thưa ông, muốn được như tôi kẻ cũng chẳng khó gì, chỉ cần luôn luôn vận-dộng ngoài trời ».

Ông Thanh lúc đó mới cảm thấy rằng cuộc đời nơi trường rử, màn che chưa hẳn đã là cuộc đời có hạnh-phúc.



PHÁT ÁM.— Giàu, xanh rờn, trông, sung-sướng, trời, trường rử.

GIẢI NGHĨA.— Ỉu xiu: không tươi-tỉnh. Thảm cỏ xanh: ví bãi cỏ như tấm thảm xanh. Nông-phu: người làm ruộng. Vận-dộng: hoạt-dộng, làm-ụng. Cuộc đời nơi trường rử, màn che: ý nói cuộc đời ở nơi kinh đô, sang trọng. Hạnh-phúc: sung-sướng.

CÂU HỎI.— Ông Thanh gia-đình thế nào? Nhưng người ông và về mặt ông thế nào? Ông về quê chơi gặp ai? Người này thế nào? Đang làm gì? Ông Thanh mong ước gì? Người nông-phu trả lời thế nào? Ông Thanh cảm thấy gì?

6.— MỒM VÀ CHÂN TAY

Tay, Chân làm vất-
vả,
Mồm vui hưởng
một mình.
Chúng nghĩ: « Ta
dại quá,
Tội chỉ nuôi thẳng
ranh !

°°°

Nó ăn rồi nói bẻm.
Ta khổ ai thấu
tình ? »
Nghĩ rồi, mọi việc
đình :
Mồm chể, không
gì chén.

°°°

Nhưng được vài ba hôm,
Tay, Chân đều mệt lử,
Lại phải làm nuôi Mồm,
Mới hồi sức như cũ.



PHÁT AM.— Ranh, gì, sức.

GIẢI NGHĨA.— Vui hưởng một mình : ý rồi chỉ một mình mồm được ăn sung-sướng. Thẳng ranh : thẳng tình-quái, chỉ cái mồm. Nói lểm : nói lém. Ai thi u tình : ai biết, ai hiểu cho, ai thương. Đình : thôi không làm nữa. Chén : ăn. Mệt lử : mệt lả, không muốn cử động nữa. Hồi sức : lại khỏe như cũ.

CÂU HỎI.— Tay, Chân phải làm việc thế nào ? Để làm gì ? Chúng nghĩ thế nào ? Nghĩ thế rồi chúng nhất định sao ? Mồm bị thế nào ? Nhưng Chân, Tay cũng bị thế nào ? Muốn hồi sức Chân, Tay phải làm gì ?



TRÊN BÀN MỒ

Anh Ba đã nằm trên bàn mổ. Tôi lại gần anh, mở băng xem vết thương : thịt và da nát rất nhiều, xương gãy làm ba bốn mảnh.

Trời đã gần tối. Hai ngọn đèn dãi ánh sáng đều đều trên vết thương. Chúng tôi yên-lặng, trầm-ngâm. Ai nói cho hết được những nỗi lo-lắng, băn-khoăn trong lòng người thầy thuốc, lúc quyết-định đường đi cho lưỡi dao, mũi kéo ?

Tôi cầm tay anh, cố hết sức dịu-dàng trong câu nói :

— Anh ạ ! Không chắc tôi có giữ được chân anh không. Nếu anh phải cưa, ý anh thế nào ?

Anh liếc mắt nhìn tôi, trả lời gọn-ghe :

— Vâng, cưa cũng được...

Bác-sĩ N.C.

PHÁT-ÂM.— Trên, trời, sáng, trầm-ngâm, giữ.

GIẢI-NGHĨA.— Dãi ánh-sáng : tỏa, chiếu ánh sáng. Trầm-ngâm : có vẻ nghĩ ngợi. Băn-khoăn : không yên lòng, lo-lắng, áy náy. Lúc quyết-định đường đi cho lưỡi dao, mũi kéo : ý nói lúc mổ vết thương.

CÂU HỎI.— Người ta đặt, anh Ba nằm ở đâu ? Vết thương anh thế nào ? Tại sao mọi người đều trầm-ngâm khi sắp mổ ? Tại sao Bác-sĩ nói không chắc có giữ được chân anh ? Câu trả lời gọn-ghe của anh Ba chứng tỏ anh là người thế nào ?

THĂNG TÝ ÔM

Thăng Tý bệnh càng ngày càng nặng. Nó sốt li-bì, người nóng ran, lại ho như xé phổi. Nó không đòi bú như mọi khi và cũng không còn nhiều hơi để khóc nữa. Da nó xanh-xao, thịt nó mềm nhẽo như tàu lá cải héo.

Bác Năm, mẹ nó, lo lắm. Bác xem bói, lễ hết đèn nọ, miếu kia; cho nó đeo bùa, uống tàn hương, nước thải, nhưng bệnh nó không thuyên-giảm.

Trong lúc bác ngồi ôm con, xụt-xùi, thất-vọng, thì bà con hàng xóm cho bác biết tin phái-đoàn y-tế đến làng và khuyên bác nên mời bác-sĩ đến thăm.

Thăng Tý được bác-sĩ trông nom, bệnh bớt dần và chỉ mấy hôm sau, nó lại ăn ngon, ngủ yên, chơi đùa như cũ.

PHÁT ÂM.— Nóng ran, giảm, trông nom, bác-sĩ.

GIẢI NGHĨA.— Sốt li-bì : sốt mê-man, không lúc nào dứt. Bùa : miếng giấy bản có viết chữ nho và làm phép, người ta xoắn lại đeo cho trẻ nhỏ, và cho rằng trừ được ma-quỷ. Tàn hương nước thải : tàn hương pha vào nước đã cúng cho người ốm uống. Thuyên-giảm : bớt. Thất-vọng : không còn mong gì con qua khỏi.

CÂU HỎI.— Bệnh thăng Tý thế nào? Tại sao nó không đòi bú và không khóc nữa? Bác Năm làm gì để chữa cho nó? Tại sao nó không khỏi? Người quen cho bác tin gì và khuyên bác thế nào? Thăng Tý được bác-sĩ trông nom thì bệnh tình thế nào?

9.— EM ĐAU

Những khi trái nắng, trở trời,
Em đau, là mẹ đứng ngồi không yên.
Tìm thấy, lo chạy thuốc men,
Đêm ngày săn-sóc, vì em nhọc-nhần :
Hết bóp trán lại xoa chân,
Lúc lỵ sữa ngọt, khi cần cam sành.
Em ho : ngực mẹ tan-tành,
Em sốt : lòng mẹ như bình nước sôi.
Em nằm khăn Phật, cầu Trời,
Sao cho chóng khỏi, mẹ cười, em vui.



PHÁT ÂM.— Trái nắng, trở trời, trán, sữa, sốt, sôi.

GIẢI NGHĨA.— Trái nắng, trở trời : ý nói thay đổi thời-tiết sinh ra ốm đau. Em ho : ngực mẹ tan-tành : ý nói khi con ho, vì thương con, nên mẹ thấy chính ngực mẹ vỡ tan. Lòng mẹ như bình nước sôi : ý nói mẹ nóng lòng, sốt ruột mong cho con chóng khỏi.

CÂU HỎI.— Khi em đau, mẹ em thế nào ? Mẹ em săn-sóc em như thế nào ? Khi em ho mẹ em thế nào ? Khi em sốt mẹ em thế nào ? Tại sao em mong cho chóng khỏi ? Tình mẹ đối với con như thế nào ?

10. BÁC XÂM DI-CƯ

Tôi gặp bác xâm mù dưới bóng cây đầu chợ, trên đường vào trại định - cư. Trước mặt bác để một cái chậu gi đựng tiền. Bác há mồm, gân cổ ngân theo tiếng đàn bầu hết điệu lưu-thủy đến hành-vân, sa mạc. Giọng bác lâu ngày như sợi dây đồng đã gỉ; nhưng những điệu hát Bác tự nhiên làm tôi dừng chân lại. Không bao giờ tôi lại thấy ưa thích những bài hát xâm đen thè.



Hát hết bài cò lả, bác nghỉ, hai tay thò trong chậu, quờ-quạng tìm tiền, bỏ gọn trong chiếc túi ngực khâu bên trong áo.

Tôi ngồi xuống cạnh bác, lân-la gởi chuyện:

— Bác mù-lòa như thế này thì di-cư làm gì cho khổ?

Bác cười khềnh tỏ vẻ khinh tôi không hiểu gì:

— Tôi mù, nhưng vào đây, tai tôi còn được nghe, mồm tôi còn được nói, chứ ở ngoài ấy thì có mắt cũng như mù, có tai cũng như điếc, có mồm cũng như câm.



C. Đ.

PHÁT ÁM.— Trước, trại, trong, sa-mạc, gì.

GIẢI NGHĨA.— Di - cư : dời chỗ ở cũ đi một nơi xa. Trại định - cư : nơi ở những người di - cư. Như sợi dây đồng đã gỉ : ý nói giọng đã rề, không được trong. Quờ-quạng : sờ soạng.

CÂU HỎI.— Anh gặp bác xâm mù ở đâu? Bác đang làm gì? Tại sao anh dừng lại? Hát hết bài cò lả, bác làm gì? Anh hỏi bác thế nào? Bác trả lời thế nào? Ý định nói gì?

11.— ANH THƯƠNG - BINH

Sau nhiều năm chiến-đấu ngoài mặt trận, Tiến trở về làng. Nhưng anh không còn như trước nữa : cánh tay phải anh đã bị cưa cụt sau một trận tấn-công địch. Anh đã thành một thương-binh.

Anh thương - binh chỉ còn một tay trái, nhưng làm gì cũng được, ngay như viết bằng tay trái anh viết cũng rất nhanh.

Có một điều lạ là không bao giờ anh tỏ vẻ buồn rầu, thương tiếc cánh tay anh đã mất. Trái lại, anh coi đó là một vinh-dự, một kỷ-niệm quý-giá quăng đời niên - thiếu của anh. Anh thường nói với mọi người :

« Là con dân đất nước, dù có phải hy-sinh tính mệnh để bảo-vệ độc-lập cũng vui lòng ; huống chi tôi mới hiến cho Tổ-quốc có một cánh tay thì đã có gì đáng kể ».



PHÁT-ÂM.— Trận, trái, quý-giá, hy-sinh.

GIẢI-NGHĨA.— Chiến - đấu : đánh nhau. Tấn - công : đánh vào. Vinh - dự : tiếng tăm vẻ-vang. Kỷ-niệm : việc đáng ghi nhớ. Niên-thiếu : trẻ tuổi. Hy-sinh tính-mệnh : chết, bỏ mình.

CÂU HỎI.— Sau nhiều năm chiến-đấu, Tiến đã trở nên thế nào ? Anh thương-binh làm việc và viết như thế nào ? Tại sao anh không buồn rầu và thương tiếc cánh tay anh đã mất ? Anh thường nói với mọi người như thế nào ?

12.— CÔ NỮ CỨU-THƯƠNG



Cô đã ra đi một
sớm hồng,
Đem ngày xuân
thăm hiểm non-
sông.
Nặng tình đất nước
cô tha thiết,
Với những vết
thương đâm máu
hùng.
Gian lao cô chẳng
ngại ngùng,
Giữa trường bom
dạn mà lòng
không nao.
Tay hiền xoa dịu
hết thương-dau,
Mắt sáng xua tan
mọi u-sầu.
Cô đến đem niềm
tin-tưởng đến :
Ngày mai lành-
mạnh trả thù sâu.



PHAT ÂM.— Gian-lao, trường, trả, sâu.

GIẢI NGHĨA.— Nữ-cứu-thương : đàn-bà săn-sóc những binh lính bị thương ngoài mặt trận. Sớm hồng : một buổi sáng sớm dưới ánh nắng hồng. Đem ngày xuân thăm hiểm non-sông : ý nói hy-sinh tuổi trẻ cho đất nước. Gian-lao : khổ sở, khó-khăn. Không nao : không nao núng, sợ-sệt. Tay hiền : tay êm-dịu.

CÂU HỎI.— Có nữ-cứu-thương ra đi để làm gì ? Lòng yêu nước của cô như thế nào ? Vì sao cô không sợ gian-lao, nguy-hiểm ? Lòng bác-ái của cô làm cho các chiến-sĩ bị thương như thế nào ?

II.— CHỦ ĐỀ : AN UỐNG

13.— BỮA CƠM ĐOÀN-KẾT QUÂN-DÂN

Ba anh chiến-sĩ đã ngồi vào bàn ăn cùng với tất cả gia-đình tôi. Cha tôi đứng lên, thân - mật nói : « Sau những ngày chiến-đấu gian - khổ, các anh đã đem lại vinh-quang cho dân-tộc. Để tỏ tình quân-dân nhất-trí, xin mời các anh nâng ly ăn mừng chiến - thắng » ... Bữa cơm bắt đầu. Mẹ tôi niềm-nở, khéo-léo giới-thiệu các món ăn : nem « Độc-lập », chả « Cộng-hòa », nộm « Tự-do ». Món chả rán cuộn tròn mẹ tôi gọi là chả rán « ba-dô-ka » và những khoanh giò là những « bánh xe đại-bác ». Đặc-biệt nhất là món « chim tần hòa-bình » và món cá hấp tượng-trưng cho tình « cá nước quân-dân ».

Bữa cơm tiếp-diễn thân-mật. Mọi người cảm thấy cùng vui cái vui chung của đất nước, cùng mừng cái mừng chung của dân-tộc.



PHÁT-ÂM.— Gia-đình, nhất-trí, giới-thiệu, tượng-trưng.

GIẢI-NGHĨA.— Vinh-quang : vẻ vang rực-rỡ. Chiến-thắng : thắng trận. Quân-dân nhất-trí : quân và dân cùng một lòng. Tượng-trưng cho tình « cá nước quân-dân » : ý nói trông thấy món cá, người ta nghĩ tới tình quân và dân như cá với nước.

CÂU HỎI.— Nhân dịp nào nhà anh mời các chiến-sĩ ăn cơm ? Trước khi ăn, cha anh nói gì ? Mẹ anh giới-thiệu những món ăn như thế nào ? Có những món gì ? Những món gì đặc-biệt nhất ? Tại sao món chim lại gọi là « Chim tần hòa-bình » ? Mọi người cảm thấy thế nào ?

14.— BỮA QUÀ TRƯA



Mặt trời đã đứng bóng. Những thợ gặt đều nghỉ. Họ tìm chỗ có bóng mát ở chân đồi, đem cơm nếp ra ăn. Đây là bữa quà trưa vì sáng sớm, trước khi ra đồng, người nào cũng ăn cơm cả rồi.

Họ ăn rất ngon lành. Tân cũng ngồi xuống gốc cây, cùng ăn với họ một ít cho vui. Thấy Tân dễ-dãi và vui tính, ăn xong, ông cụ già gọi chàng đến bên cạnh, mời hút thuốc lão và uống nước. Cụ rót

trong cái vò sành một bát nước đổ thêm đường cho Tân.

Tân chưa uống bát nước nào ngon hơn bát nước với của ông cụ. Chàng nghĩ đến khi còn ở Đô - thành uống nước bia và nước chanh ngâm đá, nhưng chưa bao giờ thấy khoan-khoái như bây giờ.

T. L.



PHÁT ÁM.— Trời, cụ già, rượu, rót, sành.

GIẢI NGHĨA.— Mặt trời đứng bóng : ý nói giữa trưa
Dễ-dãi : dễ tính, không hách-dịch. **Vò** : đây là cái ấm sành
Khoan-khoái : thích thú, dễ chịu.

CÂU HỎI.— Buổi trưa, những người thợ gặt nghỉ ở đâu ? Họ ăn gì ? Tại sao Tân cũng ăn với họ ? Ăn xong, ông cụ già mời Tân gì ? Tân uống bát nước với của ông cụ thấy thế nào ?

15.— MỐC HỌNG TRÀ CỔ



Ông Trần-thời-Kiến Thiên-trường,
Nghìn thu liêm-khiết nêu gương sáng ngời.
Bữa kia, sở-tại có người,
Biểu ông măm cổ, khó lời từ nan.
Rồi sau đó một thời-gian,
Người kia đến cậy lo toan việc nhà.
Thời-Kiến móc họng nôn ra,
Ngụ ý trả lại xôi gà trót ăn.
Khen thay ! chẳng vị miếng ăn,
Mà làm thiên-lệch cán cân công-bình !



GIẢI NGHĨA.— Thiên trường : một phủ thuộc Nam-định. Liêm-khiết : trong sạch, không tham-những. Từ nan : đây có nghĩa là từ-chối, không nhận.

CÂU HỎI.— Ông Trần-thời-Kiến trước kia làm quan ở đâu ? Ông là người thế nào ? Một hôm có người biểu ông gì ? Vì sao ông phải nhận ? Rồi sau người đó đến nhờ ông việc gì ? Ông bèn làm thế nào ?

16.— ĐÓI

Sinh thấy đối, đối như cào ruột. Mùi xào nấu đồ ăn ở dưới sân nhà đưa lên làm cho chàng khó chịu vô cùng. Chàng cúi đầu trên bao-lơn nhìn xuống xem họ làm bữa cơm chiều. Mấy miếng đậu vàng trong chảo mỡ phồng dần trên ngọn lửa ; mấy con cá rán bắt đầu cong lại, làm cho chàng ao-ước đến rung-động cả người. Không bao giờ chàng thèm muốn như bây giờ cái miếng ăn kia.

Tự-nhiên Sinh cảm thấy căm-thù vô-hạn bọn giặc xâm lăng đã tàn-phá xóm làng, để chàng phải rời bỏ quê hương lên tỉnh, sống cuộc đời vất-vưởng, bữa đói, bữa no, trong xó gác chật hẹp, tối-tăm này.

Theo T. L.



PHÁT ÂM.— Ruột, trong, giặc, rời, sống.

GIẢI NGHĨA.— **Đối như cào ruột :** ý nói đối hết sức, nôn - nao cả ruột. **Vô hạn :** vô cùng, không có giới - hạn. **Đời vất-vưởng :** đời lang-thang, không chắc-chắn. **Giặc xâm-lăng :** giặc cướp nước.

CÂU HỎI.— *Sinh thấy đối như thế nào ? Chàng cúi đầu trên bao-lơn làm gì ? Chàng trông thấy gì ? Những thức ăn ấy làm chàng ao-ước như thế nào ? Tại sao chàng cảm thấy căm-thù bọn giặc xâm-lăng ?*

17.— BÀI THUỐC TRÀNG-SINH

Xưa có một ông cụ già đã ngoài chín mươi tuổi mà đa-dễ vẫn hồng-hào, thân-thể vẫn khỏe-mạnh, tinh-thần vẫn sáng-suốt. Có người hỏi cụ dùng thuốc gì mà được sống lâu, khỏe-mạnh thế ? Cụ trả lời : « Tôi có bài thuốc tràng-sinh ».

Người kia khần-khoăn, đưa giấy bút xin cụ kê cho bài thuốc quí-giá ấy. Cụ tươi-cười nói : « Bài thuốc tràng sinh này có khó gì đâu, ai làm cũng được ; chỉ có một vị, ấy là « ăn uống có điều-độ ». Tôi được thế này là vì ngày thường, tôi không bao giờ ăn uống quá độ ».

Người kia cho là phải. Thế mới biết điều-độ thì mạnh-khỏe, sống lâu.

Theo V.H.T.



PHÁT ÂM.— Tràng-sinh, sáng-suốt, trả lời, giấy, quí-giá.

GIẢI NGHĨA.— Tràng-sinh : sống lâu.

Khần-khoăn : cầu xin mãi.

Điều-độ : có chừng mực.

Quá độ : không có chừng mực.

CÂU HỎI.— Xưa có một cụ già đã ngoài chín mươi tuổi mà vẫn thế nào ? Có người hỏi cụ dùng thuốc gì, cụ trả lời thế nào ? Người kia khần-khoăn xin cụ bài thuốc tràng-sinh, cụ trả lời thế nào ? Ăn uống có điều-độ thì lợi gì ?

18.— CẬU BÉ THAM ĂN

Bình nũng-nịu đòi mẹ
cho kẹo :

— « Lọ kẹo kia, lấy
khéo khéo rơi ! »

Bình ta vồn tính
tham « rơi »,
Thò tay trong lọ, anh
« chơi » nắm đầy,
Bốc to quá rút tay
không lọt,

Chàng tham ta hoảng-
hốt, kêu la.

Trong nhà mẹ Bình
chạy ra,

Bảo anh : « Bỏ bớt kẹo
là thoát nguy ! »

Chú tham tiếc, tiếc chi
được nữa !



Đành nghe lời, chú lựa rút tay.

« Tham thực cực thân » chẳng sai,
Cỗ-nhân đã dạy, lời này nên ghi.



PHÁT ÂM.— Sơi, trong, rút, sai.

GIẢI NGHĨA.— Sơi : ăn (ý chế riều). Chơi : đầy tức là bóc (ý chế riều) Hoảng - hốt : sợ-hãi. Cỗ-nhân : người xưa. Tham thực cực thân : tham ăn thì khổ thân.

CÂU HỎI.— Bình đòi mẹ gì ? Mẹ Bình bảo Bình thế nào ? Anh bốc nhiều kẹo hay ít ? Tại sao anh không rút được tay ra ? Mẹ anh bảo anh thế nào ? Anh nghe lời mẹ thì thế nào ? Bài này khuyên ta gì ?

19.— TIỆC TRÀ CUỐI NĂM

Gọi là tiệc trà cho nó sang. Chứ thực ra chỉ có nước với vài thứ bánh bồng, kẹo vừng, kẹo lạc, chè lam và một ít quít bày trên một dãy bàn kê dọc lớp, trên phủ giấy bóng màu hồng. Nhưng đối với chúng tôi, những học trò trường làng, như thế kể cũng là « linh-dinh » lắm.

Mở đầu bữa « tiệc », anh Thắng thay mặt cả lớp đọc chúc-từ tỏ lòng biết ơn thầy và kính chúc thầy một năm vui mạnh.

Thầy cảm-động đáp lời, đại ý nói : « Trong năm qua, các con đã ngoan ngoãn, cố gắng học hành. Sang xuân Bính-thân, mùa xuân Cộng-hòa đầu tiên của nước ta, thầy tin rằng các con sẽ cố gắng nhiều hơn nữa, để xứng đáng là những thiếu-nhi của một quốc gia độc lập... ».

Thầy trò uống nước, ăn bánh, kẹo, vui vẻ. Buổi liên-hoan cuối năm tuy giản-dị nhưng đầm ấm và đầy ý-nghĩa.



PHÁT ÂM.— Trà, trường, quốc-gia, giản-dị.

GIẢI NGHĨA.— Linh-dinh : to lớn, rộn-rịp. Chúc-từ : lời đọc để chúc mừng. Thiếu-nhi : trẻ em. Đầm-ấm : êm-ấm.

CÂU HỎI.— Tiệc trà gồm có những gì ? Các thứ ấy bày ở đâu ? Mở đầu bữa tiệc, anh Thắng làm gì ? Thầy tỏ vẻ thế nào ? Thầy khuyên học-sinh gì ? Thầy trò uống nước, ăn bánh kẹo thế nào ?

20.— UỐNG TRÀ ĐÀM ĐẠO

Ông Ba đổ một ít chè vào nắp chai, nhẹ nhàng đổ vào chiếc ấm chuyên bằng sành màu nâu thẫm, chế nước sôi lên, để một lát, rót vào chén uống. Chờ cho cần chè lắng xuống, ông chuyên sang chén con.

Ông mời ông Tư uống trà và mở đầu câu chuyện :

— Còn mấy hôm nữa tổng-tuyển-cử Quốc-hội, ông đã định bầu cho ai chưa ?

Ông Tư thông-thả đưa chén trà lên môi nhấp-nhấp :

— Tôi định bầu cho ông Hùng, ông là một chiến-sĩ cách-mạng quốc-gia trước kia đã bị nhiều phen tù-đày mà vẫn bền gan tranh-đấu.

Ông Ba gạt-gù, pha thêm nước sôi vào ấm chuyên :

— Tôi cũng một ý-định như ông. Chính tôi đang vận-động dân-chúng quận ta đồn phiếu cho ông Hùng.

Hai ông vừa uống trà vừa đàm-đạo. Trà đã pha đến nước thứ ba mà chuyện vẫn chưa vãn.



PHÁT ÁM.— Rót, trà, tranh-đấu, chiến-sĩ.

GIẢI NGHĨA.— Chén tổng : chén to. Cần : đây tức là những cánh chè vụn. Đàm-đạo : nói chuyện. Bền gan : kiên nhẫn, không nản. Đồn phiếu : bỏ hết phiếu. Vãn : hết.

CÂU HỎI.— Ông Ba pha chè như thế nào ? Ông hỏi ông Tư thế nào ? Ông Tư trả lời ra sao ? Ý định của ông Ba thế nào ? Tại sao hai ông cũng có ý định bỏ phiếu cho ông Hùng ?

21.— MA MEN

Mình trước kia
là người đức-
hạnh,
Nhưng từ khi
mắc bệnh ma-
men.
Rượu say lâm-
nhảm như
điên,
Áo quần xóc-xếch,
bước xiên,
bước quàng.
Hết chữ con lại
phang đến vợ,
Phá cửa nhà, đập
vỡ tan-hoang;
Kêu la ầm - ỉ
xóm làng:
Bạn bè xa lánh, họ
hàng rẻ khinh!
Ấy cái hại lưu-
linh là thế;
Giấu sang đâu đến kẻ say-sưa.
Làm trai ta phải phòng ngừa,
Ma men ám-ảnh là nhớ-nhuộc đời!...



PHÁT AM.— Trước, rẻ, trai, giấu sang.

GIẢI NGHĨA.— Đức-hạnh : nết-na. Bệnh ma men : ý nói b nh nghiện rượu. Lâm-nhảm : nói không đầu vào đầu. Phang : cầm gậy đánh. Tan-hoang : tan vỡ, tan nát. Hại lưu-linh : ý nói cái hại nghiện rượu. Nhớ-nhuộc : xấu-xa.

CÂU HỎI.— *Mình trước kia là người thế nào ? Từ khi nghiện rượu quần áo anh thế nào ? Nói năng ra sao ? Đi đứng thế nào ? Về nhà, anh thường làm gì ? Bạn bè, họ hàng đối với anh thế nào ? Tại sao ta không nên uống rượu ?*

22.— HÀNG NƯỚC

Nhà hàng đây là một cái bàn khá rộng, thấp lè - tè, vừa bằng gỗ, vừa bằng tre và bốn chiếc ghế gỗ dài lại còn thấp hơn nữa, tất cả kê dưới bóng một cây bàng to, trên đường về quận.

Bác Tư dừng xe « xích lô » dưới gốc cây, ghé vào hàng. Cô hàng múc cho bác một bát nước chè tươi nóng, đơn-đả :

— Thế nào, bác Tư ? Được bao nhiêu rồi ?



Bác Tư đặt bát nước nóng uống dở xuống bàn, thở một cái thật dài, khoan khoái :

— À, khá lắm. Hôm nay nhiều người lên quận dự mít-tinh nghe các ứng-cử viên Quốc-hội nói chuyện, nên mới từ sáng đến giờ đã được trăm rưởi rồi.

Cô hàng nhìn những khẩu-hiệu xanh đỏ bác dán xung quanh xe, cười hóm hỉnh :

— Thảo nào mà xe bác hôm nay như kết hoa vậy.

— Ấy, vừa đẹp vừa cổ-động bầu - cử, chả là một công đôi ba việc à.

Thơ T. V.



PHÁT ÂM.— Tre, trên, trăm rưởi.

GIẢI NGHĨA.— Ghé : tạt vào. Đơn đả : sôi sảng, niềm nở. Khoan-khoái : thích-thú, dễ chịu. Hóm-hỉnh : láu lỉnh.

CÂU HỎI.— Hàng nước đặt ở đâu ? Bác Tư ghé vào hàng làm gì ? Cô hàng hỏi bác thế nào ? Bác trả lời ra sao ? Xung quanh xe bác Tư dán những gì ? Bác dán những khẩu hiệu ấy để làm gì ? Bác Tư là người thế nào ?

23.— ANH HÀNG NƯỚC MÍA

Anh múc một cốc nước mía màu vàng nhạt đưa cho tôi, rồi lại lạng-lẽ cho những cây mía đã róc sạch vỏ vào bàn ép, một tay vít bánh xe quay.

Khi trả tiền, tôi bỗng để ý đến cái tay áo sơ-mi buông thông che cánh tay phải bị cụt đến khuỷu.

Tự nhiên, tôi thấy có cảm-tình với anh, lân-la hỏi chuyện. Anh nhìn tôi, vẻ mặt thoáng hiện một nỗi đau buồn :

— Tôi ở Nghệ-an di-cư vào đây. Tôi đã tham - gia kháng-chiến cho đến khi cánh tay phải bị cưa sau trận Điện-biên-phủ. Hòa-bình trở lại, về làng được ít lâu, tôi đành bỏ lại mẹ già, mang vợ con trốn ra đi...

Anh lại tiếp-tục ép mía, nét mặt trầm-ngâm. Có lẽ anh đang nghĩ đến người mẹ hiền ngoài kia, mà đời sống không khác gì những cây mía bị ép đi ép lại cho đến khi hết nước.

C. Đ. V.

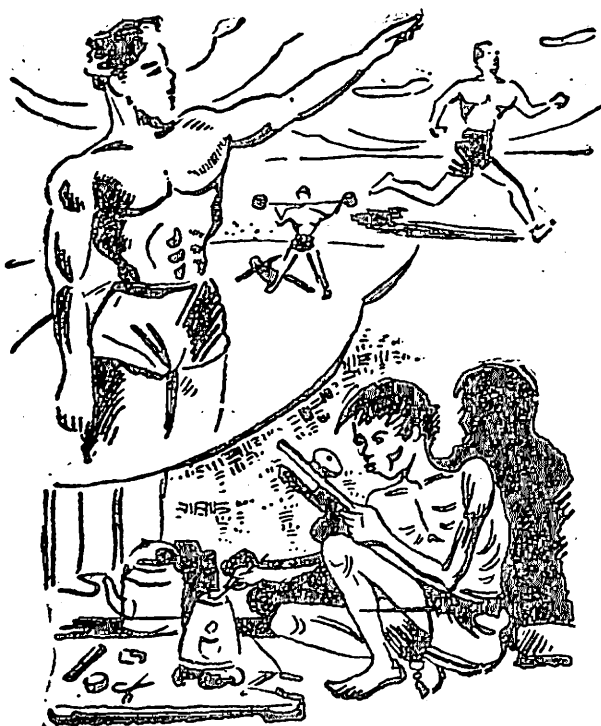


PHÁT ÂM.— Róc sạch, tham - gia, trở lại, trầm-ngâm.

GIẢI NGHĨA.— Vít : kéo mạnh xuống. Tham-gia : dự vào. Tiếp-tục : làm tiếp, nối theo. Trầm-ngâm : suy-nghĩ.

CÂU HỎI.— Anh hàng nước mía múc nước mía đưa cho khách rồi lại làm gì ? Khi trả tiền khách nhận thấy gì ? Tại sao khách có cảm-tình với anh hàng nước mía ? Anh ở đâu di-cư vào Nam ? Anh đã tham-gia kháng-chiến cho đến bao giờ ? Tại sao anh phải trốn ra đi ?

24.— NHÂN ANH NGHIỆN HÚT



Có ai về qua
xóm Đoài,
Làm ơn cho gửi
mấy lời
hỏi thăm :
Nhấn chàng mắt
trắng, môi
thâm,
Xo vai, rứt cổ, hư
thân, hại đời,
Hãy mau tỉnh-
ngộ đi thôi !
Nước non đương
dời những
người trượng-
phu.
Người ta cứu
nước, diệt thù,
Sao chàng vẫn cứ
mật-mù lợ, xe !
Làm trai chớ để
người chê,
Rượu chè, nghiện
hút : ấy bia
miệng đời !



PHÁT ÂM — Trắng, rứt trượng-phu, trai.

GIẢI NGHĨA.— Mắt trắng, môi thâm, xo vai, rứt cổ : tả người nghiện thuốc phiện. Tỉnh ngộ : ý nói phải bỏ nghiện hút, đừng đam-mê nữa. Trượng - phu : người đàn ông giỏi, có đức-hạnh. Mật mù lợ xe : ý nói say mê nghiện hút. Bia miệng đời : ý nói người đời cười mãi mãi.

CÂU HỎI.— Người nghiện hút thì thân-thể như thế nào ? Nghiện hút thì có hại cho mình, cho gia - đình và cho xã-hội, như thế nào ? Nước nhà đang cần những người như thế nào ? Tại sao ta không nên nghiện hút ?

III.— CHỦ-ĐỀ: QUẦN ÁO

25.— QUYỀN QUẦN ÁO

Đội chúng tôi lên đường, gọn-gàng trong bộ quần áo ngắn, lưng đeo « ba-lô ».



Chúng tôi vào ngay ngôi nhà đầu phố. Sau khi biết chúng tôi đi quyền quần áo cho đồng bào bị bão lụt ở Trung-Việt, bà chủ niềm-nở mời chúng tôi ngồi, tắt-tả vào nhà trong. Một lát sau, bà mang ra một ôm quần áo : quần tây, quần ta, « sơ-mi », áo cánh, quần đùi, đủ thứ. Có chiếc mới tầu-tầu, có chiếc đã vá một vài miếng, nhưng cũng có một bộ « bà-ba » bằng lụa còn nếp gấp. Lại có cả mấy đôi bít-tết đã bạc mẫu và vài chiếc khăn bông còn trắng, nõn.

Chúng tôi sung-sướng xếp quần áo vào « ba-lô » cảm ơn bà chủ, đi ra. Bà nhìn chúng tôi, cảm-động :

— Các em còn bé, đã biết thương yêu đồng-bào, ngoan lắm !



PHÁT ÂM.— Trung-Việt, trắng, sung-sướng.

GIẢI NGHĨA.— Ba-lô : túi bằng vải dày đeo sau lưng. Tắt-tả : vội-vã. Tầu tầu : không mới không cũ. Bộ bà-ba : bộ quần áo cánh. Đồng-bào : người cùng nòi giống.

CÂU HỎI.— Đội các em ăn-mặc thế nào ? Các em vào đâu trước ? Bà chủ tỏ vẻ thế nào ? Bà tặng đồng-bào Trung-Việt những gì ? Tại sao các em sung-sướng ? Tại sao bà chủ cảm-động ? Bà khen các em thế nào ?

26.— BỘ QUẦN ÁO MỚI

Bác Năm nâng đệm xe « xích-lô », lấy ra một gói bọc giấy báo, vội-vã bước vào nhà đưa cho vợ :

— Hôm nay đạp cổ, lấy thêm tiền mua cho thằng Thìn bộ quần áo để hôm nay nó đi dự tết Trung - thu ở Phủ Tổng-thống.

Bác Năm gái tay run run gỡ gói ra. Thấy cái quần tây cộc tím và chiếc « sơ-mi » xanh mùi thơm phảng-phất, bác sung-sướng :

— Thằng Thìn được bộ quần áo này thì nhớn người lên. Khốn-khờ ! nó cứ ló lên với Tổng - thống mà mặc quần áo vá thì anh em họ cười chết !

Thì đi chơi đâu về, được bộ quần áo mới, mắt sáng lên, reo mừng, mặc thử liền. Nó liền-láu khoe :

— Mỗi lớp chỉ được một người. Con học giỏi và ngoan nhất lớp mới được đi đấy ba má ạ.

Vợ chồng bác Năm nhìn con, sung-sướng :

— Vì thế mới thưởng cho con bộ quần áo này.



PHÁT ÂM.— Giấy, Trung-thu, run-run, gỡ, reo, giỏi.

GIẢI NGHĨA.— Phảng-phất : thoang-thoảng. Mắt sáng lên : ý nói hết sức vui mừng. Liền-láu : nói hoạt-bà, không vấp.

CÂU HỎI.— Bác Năm làm nghề gì ? Hôm nay bác đạp cổ để làm gì ? Tại sao bác mua quần áo mới cho thằng Thìn ? Vợ bác thấy bộ quần áo thì tỏ vẻ thế nào ? Thìn đi chơi về thấy bộ quần áo thì làm gì ? Nó khoe thế nào ? Tại sao vợ chồng bác Năm sung-sướng ?

27.— TẶNG ÁO CHIẾN-SI

Mùa đông tới, nơi
sa-trường giá
lạnh,
Người quân - nhân
lăn-lộn với
gió-sương.
Gia-đình em êm-ấm
cảnh yêu đương,
Em đâu nỡ quên
chàng trai dũng
mãnh.
Đây chiếc áo len
đan trong đêm
lạnh,
Nền xanh lam thêu
nổi nét vàng
tươi.
Em gửi tặng người
chiến-sĩ xa-xôi,
Mong ấp-ủ lòng ai
nơi biên-ải...



PHÁT ÂM.— Sa-trường, giá lạnh, gió sương, trai.

GIẢI NGHĨA.— Sa-trường : nơi đánh nhau. Quân-nhân : người nhà binh, người trong quân-dội. Dũng-mãnh : mạnh mẽ, hùng-tráng. Ấp-ủ : ý nói làm cho ấm-áp. Biên-ải : cửa ải, đồn binh ở nơi giáp-giới hai nước.

CÂU HỎI.— Mùa đông, nơi sa-trường thế nào? Người quân-nhân gian-khổ như thế nào? Chúng ta được sống như thế nào? Vậy bốn-phận chúng ta phải thế nào? Đan áo tặng chiến-sĩ để tỏ gì?

28.— RẾT

Tâm co-ro trong bộ quần áo râu bạc, rách vá nhiều chỗ, đứng nép dưới gốc cây bàng ngoài sân trường. Anh run cầm-cắp, hai hàm răng đập vào nhau.

Thầy nhìn anh, ái-ngại : cha mẹ anh đi dân-công tận Yên-bái đã ba bốn tháng nay vẫn chưa về. Anh ở nhà với bà già và hai em nhỏ. Nhà anh cơm không đủ ăn, còn lấy gì mà may mặc !

Thầy lại gần anh, ân-cần hỏi :

— Trời rét, áo len đâu, con không mặc ?

Lời thầy hỏi làm anh nhớ tới chiếc áo len xanh mẹ anh mua cho anh khi trước, khi mà ngọn cờ quốc-gia còn phấp-phới bay ở cổng quận. Anh nghẹn-ngào đáp :

— Thưa thầy, áo len bà con đã phải đem đổi lấy hai bơ gạo nấu cháo ăn dần.

N. L.



PHÁT ÂM.— Rách, trường, răng, già.

GIẢI NGHĨA.— Co-ro : ý nói đứng xo người lại vì rét. Ái-ngại : ý nói thầy tỏ vẻ thương-hại, không yên lòng. Nghẹn-ngào : cảm-động, nói không ra lời.

CÂU HỎI.— Tâm mặc quần áo thế nào ? Anh đứng ở đâu ? Cha mẹ anh đi đâu ? Anh ở nhà với ai ? Tại sao nhà anh không có tiền may quần áo cho anh ? Thầy hỏi anh thế nào ? Lời thầy hỏi làm anh nghĩ tới gì ? Hồi trước gia-đình anh thế nào ? Bây giờ thế nào ? Câu chuyện này xảy ra ở đâu ?

29.— BẮC HÀNG GIÒ

Bác bận cái áo cánh nâu và cái quần cùng một thứ vải nhưng màu bạc hơn một chút. Hai túi áo cánh to, rộng, sâu. Không biết chứa đựng những gì, dày cộm hẳn lên, kéo hai vạt áo thẳng căng. Hai thớ thịt nở-nang hai bên vú in hẳn rõ-rệt giữa hàng khuy bảy chiếc bằng bột đỏ, chạy dài từ cổ xuống quá rốn. Mỗi bước đi những vật nhỏ nhỏ trong túi lại va mạnh vào cái dạ cá thắt ngang lưng, như bề đánh nhịp theo ngọn đèn chai lúc-lắc dưới bàn tay phải.

Ngọn đèn chai ấy là cái nhãn-hiệu đặc-biệt của bác hàng giò, khiến người ta nhận ngay được bác từ đằng xa.

N. Đ. L.



PHÁT ÂM.— Rộng, rõ-rệt, trông, giò

GIẢI NGHĨA.— Dầy cộm : ý nói cái túi đựng nhiều thứ phồng căng lên. Va : chạm, đập. Dạ cá : ví đựng tiền luồn vào thắt lưng da. Nhãn hiệu : cái để làm hiệu.

CÂU HỎI.— *Bác hàng giò bán gì ? Hai túi áo cánh thế nào ? Hai túi ấy làm cho hai vạt áo thế nào ? Mỗi bước đi những vật nhỏ trong túi va mạnh vào cái gì ? Tay bác hàng giò xách cái gì ?*

80.— CHIẾC NGỰ-BÀO

Lý - thánh - Tôn
 Ông vua nhân-
 đức,
 Lòng thương dân
 tiếng nức sử-
 xanh.
 Bữa kia, vua
 dạo quanh
 thành,
 Thấy một xác chết
 xám xanh mặt
 mày ;
 Áo quần rách che
 thân không đủ,
 Dãi gió sương,
 nằm rũ bên
 đường.
 Ngậm-ngùi vua
 động lòng
 thương,



Cởi ngay áo ngự, đắp choàng lên cho.
 Gương nhân-dạo ngàn thu sáng tỏ,
 Thẹn chẳng ai, kẻ dẫu-tổ dân ?
 Gây đói rét, gieo hờn-căm,
 Lao-tù vui dập muôn ngàn sinh-linh !



PHÁT ÁM.— Rách, gió, gieo, sinh-linh.

GIẢI NGHĨA.— Ngự-bào : áo của vua. Tiếng nức sử-
 xanh : ý nói sử còn chép lại và ca ngợi lòng nhân-dức của
 vua Lê-thánh-Tôn. Ngậm-ngùi : thương xót. Dẫu-tổ : buộc
 tội và kết án hành-hạ. Vui dập : ý nói hành-hạ cho chết.
 Sinh-linh : mạng người.

CÂU HỎI.— Vua Lý-thánh-Tôn là ông vua thế nào ? Một
 hôm vua đi chơi gặp gì ? Xác chết quần áo thế nào ? Vua động
 lòng thương và làm gì ? Tại sao ta khâm-phục cử-chỉ của vua
 Lý-thánh-Tôn ?

31.— TẶNG QUẦN ÁO TẾT

Phòng học hàng ngày giản-dị và thân-mật, hôm nay được bài-trí trang-nghiêm, khiến Bảo trở nên nhút nhát: anh rón-rén bước vào, ngồi xen giữa các bạn, tất cả đều là học trò nghèo như anh.

Trước mặt anh, trên hai cái bàn to phủ khăn trắng, bày những chồng quần áo học giấy bóng hồng: « sơ-mi » xanh, quần tím.

Buổi lễ phát quần áo Tết bắt đầu. Thầy giáo nhấn mạnh vào sự sẵn-sóc của Chính-phủ đối với trẻ em các gia-đình lao-động và nhắc-nhở mọi người phải ngoan-ngoãn học-tập. Sau đó, thầy gọi từng em lên lĩnh tặng-phẩm.

Trò nào trò ấy tỏ vẻ cảm động. Thầy cũng sung-sướng trước sự vui mừng của đàn trẻ nghèo được bộ quần áo mới đón xuân, mùa xuân Độc-lập, tung bừng ánh sáng Tự-do.



PHÁT ÁM.— Bài-trí, trang-nghiêm, rón-rén, trắng, giấy, sẵn-sóc, sung-sướng.

GIẢI NGHĨA.— Bài-trí: trưng-bầy đẹp-dẽ. Nhút-nhát: rụt-rè, không bạo-dạn. Nhấn mạnh: nói nhiều về một điểm gì. Gia-đình lao-động: đây tức là gia-đình thợ-thuyền nghèo túng. Tặng - phẩm: vật phẩm tặng cho ai. Tung - bừng: rực-rỡ.

CÂU HỎI.— Phòng học được bài-trí thế nào? Trước mặt học trò bày gì? Bao người vào đâu? Trước khi phát quần áo thầy giáo nói gì? Học trò đều tỏ vẻ thế nào? Tại sao thầy cũng sung-sướng?

32.— XẾP QUẦN ÁO



Hương vẫn ngồi thờ trước bộ quần áo của con. Nàng gấp mấy lần mà chưa xong một cái áo, tay vân-vê mãi đường tà. Nàng không muốn rời chiếc áo, cũng như nàng không muốn rời con. Nàng tha-thiết nhìn mớ y-phục đợm hơi - hướng đứa con. Nàng muốn giữ lại vài cái cũ-kỹ mà con nàng thường mặc cho đỡ nhớ.

Tuấn trong nhà đi ra, thấy mẹ đang xếp quần áo của mình vào va-li, bùi-ngùi :

— Phải đi học xa má, con buồn lắm má ạ.

Hương nhìn con, âu-yếm. Nàng muốn nói cho con hiểu bốn - phận phải trả thù cha đã bị địch giết chết, phải cứu thoát đồng-bào khỏi ách bạo - tàn của quân phản nước ; nhưng nàng nghẹn-ngào chỉ nói được :

— Nếu thương má thì con phải vui-vẻ ra đi.

Theo T. N.



PHÁT ÂM.— Rời, trả thù, giết.

GIẢI NGHĨA.— Vân-vê : sờ đi sờ lại. Y-phục : quần áo. Bùi-ngùi : buồn rầu. Âu-yếm : tỏ vẻ yêu đương. Bạo-tàn : tàn ác, hung-bạo. Nghẹn-ngào : muốn nói mà không nói được vì cảm-dộng.

CÂU HỎI.— Tại sao Hương ngồi thờ trước bộ quần áo của con ? Nàng nhìn mớ y-phục của con như thế nào ? Nàng muốn giữ lại mấy cái cũ-kỹ để làm gì ? Tại sao Tuấn không muốn đi học xa ? Tại sao Hương muốn cho con đi học xa, mặc dầu nàng rất nhớ ? Quân phản nước đây là ai ?

33.— ÁO TÂY VÀ ÁO TA

Áo tây nói với Áo
ta,

Rằng: « Anh lụng-thụng,
thurót-tha, lỗi thời,

Đi đâu kẻ riêu,
người cười,

Tôi đây gọn, đẹp, hợp
thời văn-minh ;

Nhìn tôi ai dám rẻ-
khinh ? »

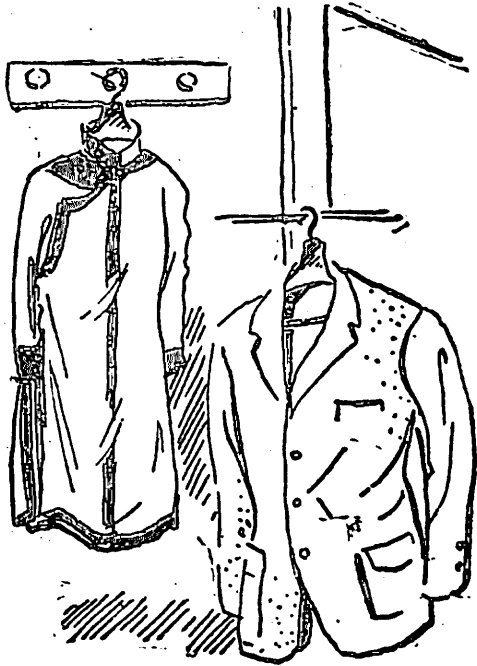
Áo ta rằng : « Chịu lời
anh phải rồi :

Coi anh tiến bộ hơn
tôi,

Nhưng khi cứng lẽ ai
thời hơn ai ?

Hèn, sang, xấu, tốt
tự người,

Dừng cho tại bộ mã ngoài mà sai ! »



° ° °

Mặc gì thì mặc, ai ơi,
Chớ quên cái gốc là người Việt-Nam.

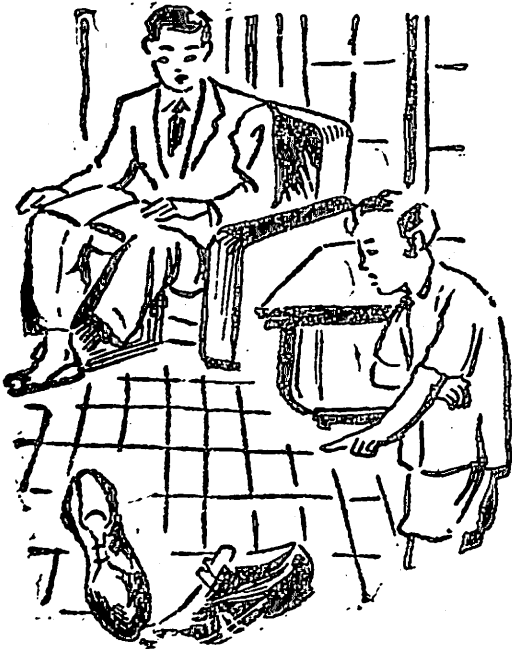


PHÁT ÂM.— Riêu, rẻ khinh, sang, sai.

GIẢI NGHĨA.— Lụng-thụng : rộng quá. Thurót-tha :
đây tức là dài quá, trông yếu-ớt. Lỗi thời : không hợp thời.
Riêu : chế. Tiến-bộ : tăng hay thêm lên. Bộ mã ngoài : ý
nói bộ quần áo.

CÁU HỎI.— Áo Tây chế Áo ta thế nào ? Áo Ta trả lời
ra sao ? Hèn, sang, xấu, tốt là do gì ? « Chớ quên cái gốc
là người Việt-Nam » có nghĩa gì ? Bài này khuyên ta nên
điều gì ?

34.— ĐÔI GIẤY CỦA ÔNG HIỀN



Ông Hiền nuôi được một thằng Nhỏ tinh - nết thì trung-thành, nhưng phải cái hay ngại việc. Một hôm, ông bảo nó lấy giấy để ông đi dự tiệc. Thấy đôi giấy bẩn chưa lau, ông tỏ vẻ không bằng lòng :

— Mày lại quên sáng nay không lau giấy rồi.

Nhỏ liếng - thoảng bào-chừa :

— Thưa ông, con nhớ ạ. Nhưng đường lội thế kia, có lau rồi ông đi về cũng lại bẩn thôi.

Ông Hiền cười, xỏ giấy đi. Ông vừa ra khỏi cổng. Nhỏ vội chạy theo :

— Thưa ông, ông quên cho tiền đong gạo thổi cơm trưa.

— Gạo à ? Gạo thổi cơm mày ăn hả ?

— Vâng.

— Thôi, ăn làm gì ! Vài giờ sau lại đói như bây giờ. Đẻ đến chiều ăn một thề.

Nhỏ hiểu ý, từ đấy lau giấy cẩn-thận lắm.



PHÁT ÂM.— Giấy, trung-thành, trưa.

GIẢI NGHĨA.— Trung-thành : hết lòng, có nghĩa. Ngại việc : ý nói sợ việc, lười. Liếng-thoảng : nói thật nhanh, không để cho ai kịp ngắt lời.

CÂU HỎI.— Thằng nhỏ của ông Hiền tinh nết thế nào ? Một hôm ông bảo nó lấy giấy làm gì ? Thấy giấy bẩn, ông bảo nó thế nào ? Nó bào chữa ra sao ? Ông Hiền ra khỏi cổng, Nhỏ chạy theo làm gì ? Ông trả lời Nhỏ ra sao ? Bài này khuyên ta gì ?

35.— MỘT VIỆC THIỆN

Trung về nhà quê chơi với thầy giáo. Tới đầu làng, anh thấy bọn trẻ chăn trâu đang tắm dưới ao, quần áo để trên bờ.

Trung tính vốn tính-nghịch, đợi lúc bọn trẻ bơi ra xa, định giấu quần áo đi, để lúc lên, chúng phải cuống-cuống đi tìm. Nhưng thầy giáo khuyên anh không nên làm như vậy :

— Tốt hơn là con nên bỏ vào túi áo một vài đồng bạc hoặc một thứ đồ chơi, rồi nấp một chỗ chờ xem.

Trung vâng lời.

Bọn trẻ khi lên bờ mặc quần áo thấy trong túi có tiền và đồ chơi thì hết sức ngạc-nhiên và vui-sướng. Chúng reo lên :

— A ! Ông tiên nào cho tiền và cái này, anh em ơi !

Trung ở chỗ nấp thấy chúng vui cũng sung-sướng vô cùng.



PHÁT ÂM.— Chăn trâu, trẻ, trên, reo, sung-sướng.

GIẢI NGHĨA.— Tính-nghịch : nghịch-ngợm, ranh-mãnh. Cuống-cuống : sợ hãi cuống quýt. Ngạc-nhiên : lấy làm Ạ.

CÂU HỎI.— Trung thấy bọn trẻ chăn trâu đang làm gì ? Quần áo của chúng để đâu ? Trung định nghịch như thế nào ? Thầy giáo khuyên anh như thế nào ? Anh có vâng lời không ? Bọn trẻ khi mặc quần áo thấy gì ? Chúng reo lên thế nào ? Tại sao Trung sung-sướng ?

36.— SÁO SẬU KHOẮC MÃ CÔNG

Một hôm, Công
mất áo ngoài,
Sáo Sậu bắt được
diện chơi phổ-
phường.
Nghênh - ngang,
điệu-bộ ra
tuồng,
Tưởng mình hãnh-
diện cũng hàng
Công-tôn.
Ngờ đâu, «lộ tẩy»
Sáo còm :
Bầy Công khiến
một trận đòn
nền thân.
Chạy về cầu-cứu
gia-nhân,
Vợ con tưởng kẻ
nhận sảng tổng
ra...
Ước làm chi cảnh
cao-xa !
Yên-vui sở - phận :
ấy là người
khôn.



PHÁT ÂM.— Sáo Sậu, trận, gia-nhân, sảng.

GIẢI NGHĨA.— Mã : ý nói bộ lông ngoài. Diện : mặc quần áo đẹp. Ra tuồng : ra vẻ lắm. Hãnh-diện : lên mặt, lấy làm oai. Công-tôn : ý nói con cháu nhà Công. Đây còn có nghĩa là Công-tử, công-tôn : con cháu nhà quan. Lộ tẩy : lộ mặt thật ra (ý chế riều). Khiến : đánh đau (ý chế riều). Gia-nhân : người nhà. Tổng : đuổi ra.

CÂU HỎI.— Một hôm Công mất gì ? Sáo Sậu bắt được làm gì ? Sáo tỏ vẻ thế nào ? Công nhận ra Sáo thì làm gì ? Sáo chạy về nhà bị vợ con xử ra sao ? Bài này khuyên ta gì ?

IV.— CHỦ-ĐỀ : GIA-ĐÌNH

37.— MỘT GIA-ĐÌNH NGHÈO KHỔ

Bác Tính ngồi ôm đứa con trong ổ rơm. Cu Sửu, con bác, quần áo rách-rưới, mới tím bầm, xách giỏ đi vào, run lập-cập :

— Hôm nay rét quá, chả mò được con cua, con ốc nào, u ạ.

U nó lo-lắng :

— Chết chữa ! thế thì lấy gì ăn chiều nay ? Ăn rau má không à ?

— Có mấy thúng thóc mới được đấy. Sao u không đem mà xay một ít ?

Bác Tính nhận thấy ý-kiến của con táo-bạo quá, vội gạt :

— Thế thuê nông-nghiep còn thiếu thì lấy gì đóng ? May muốn tao đi ngồi tù nốt à ?

Câu nói của bác Tính làm cu Sửu nhớ lại cái ngày bố nó bị người ta đánh đập lòi đi, vì người ta buộc cho là « ngoan-cổ thuê ». Nó sợ hãi :

— Thôi vậy, u ạ. Nhớ ra u bị tù nốt thì ai nuôi chúng con.

T. M.



PHÁT-ÂM.— Rơm, rách-rưới, giỏ, rau.

GIẢI NGHĨA.— Rau má : một thứ rau thường mọc ở bờ ruộng. Táo-bạo : liều-lĩnh. « Ngoan-cổ thuê » : ý nói chưa hiểu thuê là cần, không chịu đóng,

CÂU HỎI.— Gia-đình bác Tính thế nào ? Con nhỏ bác bị gì ? Thằng Sửu phải làm gì ? Tại sao nó không mò được con cua, con ốc nào ? U nó lo-lắng như thế nào ? Nỡ bảo u nó thế nào ? Tại sao bác Tính không dám nghe lời con ? Bố cu Sửu hiện ở đâu ? Nhớ đến bố, tại sao Sửu tỏ vẻ sợ hãi ? Chuyện này xảy ra ở đâu ?

38.— GIA-ĐÌNH TAN-NÁT

Tiếng trống ếch mỗi lúc một gần. Tiếng loa vang dội, hô-hào dân-chúng ra họp mít-tinh nghe giải-thích về nhiệm-vụ đi dân-công.

Bà Phúc thở dài, ngao-ngán :

— Lại mít-tinh ! Lại dân công ! Đến chết hết mất !..

Tiếng trống ếch, tiếng loa bà nghe sao rùng - rợn thế ! Nó nhắc bà nhớ lại bao cảnh đau lòng : cửa nhà tan-nát ; chồng bà bị máy bay bắn chết trong khi tản cư ; con trai bà bỏ xác tại chiến-trường Hòa-bình. con gái bà vừa bị chôn - vùi nốt trên đường xe lửa Nam-quan.

Còn trơ lại mình bà, sống âm-thầm, cực khổ trong túp lều tranh, bữa rau, bữa cháo, chẳng dám hé răng than thở, thỉnh-thoảng chỉ se-sẻ kêu trời !..

H. S.



PHÁT ÂM —. Trống, giải-thích, rùng-rợn, chiến-trường.

GIẢI NGHĨA — Hô-hào : kêu gọi. Nhiệm-vụ : bổn phận. Đi dân-công : đây tức là đi phu làm những công việc nặng nhọc. Ngao-ngán : buồn chán. Rùng-rợn : ghê sợ. Chiến-trường : nơi đánh nhau.

CÂU HỎI — Cửa nhà bà Phúc bị thế nào ? Chồng bà bị tai nạn gì ? Con gái bà tại sao bị chết ? Con gái bà chôn xác ở đâu ? Đời sống của bà Phúc hiện giờ như thế nào ? Tại sao nghe tiếng trống ếch và tiếng loa bà ghê sợ ? Vì đâu gia-đình bà bị tan nát ?

39.— LỜI CHA KHUYÊN CON

Làm trai cho xứng danh trai,
Tài cao, chí cả sáng ngời sử - xanh.
Nước nhà gặp buổi điều - linh, :
Giang-sơn chia cắt, gia-đình ly-tan !
Quê-hương dưới gót bạo-tàn,
Thịt rơi, máu chảy, xóm làng xác-xơ !
Sầu nhà, hận nước, thù xưa.
Con ơi, sông núi trông chờ chí trai.
Tiên lên ! giải - thoát giống - nòi,
Lấp sông Bến-hải, quét trời Thăng-long !



PHÁT ÂM.— Trai, giang-sơn, rơi, sầu, giải thoát.

GIẢI NGHĨA.— Chí cả : chí lớn. Điều-linh : long-dong, khồ sờ. Giang-sơn : nước non. Ly-tan : tan-nát, mỗi người một ngã. Xác-xơ : ý nói bị phá-ph ch, tan-hoang không còn gì, dân chúng nghèo đói. Giải thoát : cứu khỏi. Lấp sông Bến-Hải : ý nói thống nhất nước nhà. Quét trời Thăng-long : làm cho bầu trời Hà-nội sáng-sủa. Ý nói đánh đuổi quân thù miền Bắc, đem lại hạnh-phúc cho đồng-bào.

CÂU HỎI.— Làm trai phải rèn luyện tài chí như thế nào ? Nước nhà hiện nay thế nào ? Mọi gia - đình đều thế nào ? Quê-hương bị thế nào ? Làm trai có bổn-phận gì ?

40.— ĐƯA CON BẮT HIẾU

Cụ Bá độ này phởn-phơ lắm. Ngừng bán rồi. Con giai, con rề cụ sắp cưới ngựa về làng, ông nào cũng cao-cấp cả, tha hồ mà mở mày mở mặt. Kể cũng bỏ những lúc lén-lút gửi nhẵn vàng, đồng hồ, bút máy, ra cho các quý-tử và dõc tiền ủng-hộ kháng-chiến.

Nhưng lạ thật ! một tháng ! hai tháng ! rồi ba tháng ! chẳng thấy mặt mũi các ông con đâu cả ! Một hôm lại nhận được giấy triệu ra Ủy-ban. Thì ra cụ thiếu thuế nông-nghiệp, Ủy-ban mời cụ tạm vào nghỉ trong nhà giam.

Bữa kia, cụ bà tới thăm cụ ông, mếu máo :

— Người ta gặp chúng nó qua tỉnh nhiều lần, bảo chúng về thăm ông thì chúng trả lời : « Chúng tôi không có bố mẹ là địa-chủ. Chúng tôi đã thoát-ly lâu rồi ».

V. T.



PHÁT ÂM.— Giai, rề, triệu, giam, trả lời.

GIẢI-NGHĨA.— Phởn-phơ : Vui-vẻ, khoan-khoái. Cao-cấp : ý nói làm to. Mở mày mở mặt : ý nói danh-giá, vẻ-vang. Lén - lút : dấu-diểm, vụng trộm. Triệu : mời. Thoát-ly : ý nói bỏ gia-đình.

CÂU HỎI.— Vì sao độ này cụ Bá vui-vẻ ? Các con cụ làm gì ? Các con cụ về thì gia-đình cụ được thế nào ? Cụ Bá đợi các con đã mấy tháng ? Tại sao Ủy-ban giam cụ ? Một hôm, cụ bà đến thăm nói với cụ ông như thế nào ? Tại sao các con cụ từ cụ ? Ai xui-giục các con cụ từ cụ ? Ai phá-hại nền đạo-ly Việt-Nam ?

41.— MỘT GIA-ĐÌNH DI-CU

Hai vợ chồng bác Trình và ba đứa con dắt nhau từ thang tàu thủy xuống.

Người chồng bộ mặt rám đen vì sương nắng ; người vợ đầu tóc rối bù, trên tay bồng đứa con nhỏ. Thằng Tị và thằng Tẹo xuýt-xoát tuổi nhau, luôn luôn cho ngón tay chỏ vào mồm mút chun-chút. Họ đều mặc quần áo nâu bạc phếch, vá tứ-tung. Đồ đạc vền-vện ba cái bị cũ, cũng quê mùa như họ.

Vợ chồng bác Trình nhìn cảnh nhộn-nhip xung quanh, lạ-lùng, bỡ-ngỡ. Một thanh-niên tiến đến đưa hai bác mấy hộp sữa và gửi vào tay cu Tị, cu Tẹo hai cái bánh mì to-tướng. Hai bác tưởng như vừa qua một cơn ác-mộng, cảm-động nhìn nhau :

— Thôi thế là thoát ! Từ nay hẳn được tự-do, no ấm.

Theo Văn-Trình



PHÁT ÂM.— Rám đen, rối, sữa.

GIẢI NGHĨA.— Xuýt-xoát : gần bằng. Vền-vện : chỉ có Nhộn-nhip : tấp-nập, ồn-ào. Bỡ-ngỡ : ngờ-ngác. Ác-mộng : mộng không lành, ý nói vừa thoát khỏi cảnh khổ-sở ngoài Bắc.

CÂU HỎI.— Gia-đình bác Trình gồm mấy người ? Người chồng bộ mặt thế nào ? Người vợ đầu tóc thế nào ? Thằng Tị và thằng Tẹo làm gì ? Quần áo họ thế nào ? Một thanh-niên đưa gì cho hai vợ chồng bác Trình và cu Tị, cu Tẹo ? Hai bác tỏ vẻ thế nào ?

42.— THƯƠNG NHỚ

Tôi trốn vào đây
có một mình,
Vì không muốn
chết uống ngày
xanh.

Cha tôi bị giữ
không đi được,
Mẹ ở cùng cha, khổ
cũng đành !

o o
Đành cho tàn - tạ
tuổi già nua,
Đói rét, buồn đau,
sống vật-vờ !
Thôi hết những
ngày êm-ấm cũ !
Đau giàn thiên-lý
vỏ i vườn dưa !

o o
Tôi thương cha
mẹ, nhớ quê-
hương,

Nhớ mái trường yêu dưới bóng bàng,
Nhớ buổi chợ chiều bên bến nhỏ...
Giờ đây, cảnh ấy đã tan - hoang !...



PHAT AM.— Trốn, giữ, rét, giàn, trường.

GIẢI NGHĨA.— Uống : phi. Ngày xanh : tuổi trẻ. Tàn-tạ : ủa héo. Ý nói chết dần. Sống vật-vờ : sống khổ-sở, thiếu-thốn, không chắc-chắn. Thiên-lý : một thứ cây có hoa thơm, leo ở giàn. Tan-hoang : tan-nát.

CÂU HỎI.— Tại sao người thanh-niên trốn ra đi ? Cha người này bị thế nào ? Và mẹ ? Đời sống của cha mẹ người thanh-niên như thế nào ? Quê-hương người ấy bị thế nào ? Tâm-tình người ấy thế nào ?

43.— LÒNG HIẾU THẢO



Xưa có ông Hoàng-Hương thờ cha mẹ rất là hiếu-thảo. Lúc bé đã làm nên sự-nghiệp vẻ-vang, nhưng vẫn một niềm cung-kính cha mẹ, cơm bưng, nước rót. Gặp khi mẹ ốm, chính ông đi sắc thuốc lấy, ngày đêm săn-sóc bên giường.

Có người bảo ông sao không sai đây tớ. Ông trả lời : « Công cha mẹ như trời như biển, làm con có hầu-hạ cha mẹ khó nhọc đến đâu cũng không đền đáp được công-ơn ấy. Nay các ngài còn sống, tôi phải hết bôn

phận nuôi-nấng, sau này các ngài trăm tuổi, dù có muốn hầu-hạ cũng không được nữa ».

Tấm gương hiếu-thảo của ông Hoàng-Hương đáng để cho người đời soi chung.

Theo Q.V.G.K.T.



PHÁT ÂM.— Rát, rót, săn-sóc, giường, trăm.

GIẢI NGHĨA.— Hiếu-thảo : đối với cha mẹ hết lòng. Làm nên sự-nghiệp : làm nên to-tát giàu sang. Cung-kính : tôn-trọng, lễ phép. Trăm tuổi : ý nói chết.

CÂU HỎI.— Ông Hoàng-Hương thờ cha mẹ thế nào ? Lúc bé ông hầu-hạ cha mẹ thế nào ? Khi ông làm nên vẻ-vang, ông đối với cha mẹ ra sao ? Khi mẹ ốm, ông làm gì ? Tại sao ông không sai đây-tớ hầu-hạ cha mẹ ? Vì sao ta nên theo gương ông Hoàng-Hương ?

44.— MỘT NGƯỜI ANH TỐT

Ngày xưa có ông Thôi - Lượng là người rất hiếu-đễ. Cha mẹ mất sớm, ông chăm nom nuôi-nấng các em. Nhà nghèo, ông phải đi viết mướn kiếm ăn. Bấy giờ có ông Lý-Sùng quyền-thế, giàu-sang, nhiều người đến nhờ-vả. Anh ông Thôi-lượng cũng đi theo Lý-Sùng.

Một hôm, người anh họ đến bảo Thôi-Lượng rằng : « Tôi gì mà đi viết thuê mãi, đi theo Lý-Sùng như tôi, tha hồ mà sung-sướng ».

Ông đáp lại rằng : « Tôi sung-sướng lấy một mình để các em tôi ở nhà phải đói rét thì tôi không đành. Thà rằng cứ chịu nghèo mà anh em sum-họp với nhau còn hơn ».

Ai cũng khen ông là người anh tốt, không tham phú-quí, biết cùng các em chia sẻ sự nghèo-khổ.

Q. V. G. K. T.



PHÁT ÂM.— Giầu sang, sung-sướng, sum-họp, rét.

GIAI NGHĨA.— Quyền-thế : có quyền-hành và thế-lực. Viết mướn : viết thuê. Phú quý : giầu sang.

CÂU HỎI.— Ông Thôi - Lượng là người thế nào ? Cha mẹ mất sớm ông phải làm gì để nuôi các em ? Bấy giờ có Lý - Sùng là người thế nào ? Em họ ông Thôi-Lượng khuyên ông thế nào ? Ông đáp lại thế nào ? Tại sao ai cũng khen ông Thôi-Lượng ?

45.— GIỎ MẸ

Ông Hiền nhớ
hôm nay giỗ
mẹ,
Sửa cơm canh
cúng lễ tỏ
lòng;
Thắp hương,
khăn-vải tôn-
sùng,
Bùi-ngùi nhớ lại
những công-
ơn người.
Em ông, cán-bộ
« đòi sống
mới ».
« Cự : « sao anh
vẫn thói hủ-
nho ?
Chết là ăn đất,
thành tro,
Bày chi giỗ tết, cúng thờ ! dị-đoan ! »
Ông Hiền đáp : « Chú làm cán-bộ,
Tinh-thần cao, quên tổ-tiên nhà !
Còn tôi công mẹ, nghĩa cha !
Ghi lòng ngày giỗ gọi là nhớ ơn.
Tôi ngu !... Chú giác-ngộ hơn !... »



PHÁT ÂM.— Giỗ, tôn-sùng, tro, giác-ngộ.

GIẢI NGHĨA.— **Tổ lòng** : đây tức tỏ lòng nhớ ơn. **Tôn-sùng** : tôn-trọng và sùng-bái. **Hủ-nho** : nhà nho cổ-hủ, không hợp-thời. **Dị-đoan** : tin nhầm, tin những việc không căn-cứ. **Giác-ngộ** : hiểu, thông suốt (ở đây có ý chế riếu).

CÂU HỎI.— Ông Hiền nhớ ngày giỗ mẹ làm gì ? Em ông làm gì ? Em ông cự ông thế nào ? Ông trả lời ra sao ? Lời đáp của ông Hiền có ý gì ?

46.— VỀ THĂM NHÀ



— A! anh cả đã về! ba má ơi!

Anh cả lưng đeo « ba-lô », dẫn dõ trong bộ binh-phục, nắm chặt lấy tay Sơn, rảo bước vào nhà.

Bà Toàn mừng cuống-quýt:

— Con được về phép có lâu không?

Ông Toàn cũng vui-vẻ:

Trông nó độ này đen và khỏe quá nhỉ!

Anh cả gỡ « ba-lô » lấy gói táo, gói nho biếu cha mẹ:

— Thừa ba, suốt

mấy tháng ở rừng Sát làm gì mà chả đen... Bọn phiến-loạn bị tiêu-diệt hết! Quân ta toàn thắng! Chiến-dấu gan dạ lắm! Sáng nay, dân-chúng đô-thành đón tiếp cảm động vô cùng, ba má ạ.

Ông bà Toàn nghe con kể chuyện, sung-sướng. Bà bảo thằng Sơn:

— Con săn bắt lấy con gà thật to nhé!

Ông Toàn cũng sai tiếp:

— Rồi sang mời bác Hai, chú Tư và cô Bảy chiều sang chơi cơm nghe!

✕

PHÁT ÂM.— Rảo bước, rừng Sát, sung-sướng.

GIẢI NGHĨA.— Binh-phục: quần áo nhà binh. Rảo bước: đi nhanh. Rừng Sát: sào huyệt cuối cùng của phiến loạn Bình-xuyên. Tiêu-diệt: giết chết. Gan dạ: can đảm.

CÂU HỎI.— Anh cả đi đâu về? Bà Toàn thấy con về thì thế nào? Ông Toàn tỏ vẻ gì? Anh cả kể chuyện gì cho cha mẹ nghe? Tại sao ông Toàn, bà Toàn sung-sướng khi nghe con kể chuyện?

47.— GIA-ĐÌNH ÔNG THẮNG

Di-cư vào Nam với hai bàn tay trắng, gia-đình ông Thắng nay đã có vẻ dễ chịu lắm.

Ông dựng được ba gian nhà lá dưới chân đồi, xung-quanh trồng rau, khoai, ngô, sản mùa nào thức ấy. Ông vỡ được ba sào chè, lại được cấp hai mẫu ruộng và một trâu cày.

Con trưởng ông, sau trận miền Tây, vừa được thăng Thượng-sĩ. Thắng Bính, thằng Đình học trường công, chiều về đi chăn trâu hay giúp chị nó hái chè. Bà Thắng trông nom mấy sào vườn, nuôi con gà, con vịt, thỉnh-thoảng đi chợ mua món cá về kho, miếng thịt bò hay cân mỡ lợn.

Hôm nay, ngày Trưng-cầu dân-ý, cả nhà nghỉ việc. Ông Thắng đi bỏ phiếu về, thấy Bính và Đình chơi ở cổng hỏi :

— U đi bầu về chưa ? Bảo u đập con vịt làm cỗ nhé !

Hai đứa bé reo vang :

— A ! Làm cỗ ăn mừng Ngô Tổng-thống !



PHÁT ÂM.— Trảng, gian, trồng rau, trâu, ruộng.

GIẢI NGHĨA.— Hai bàn tay trắng : ý nói không còn gì. Vỡ : khai-khẩn. Được cấp : được Chính-phủ phát cho.

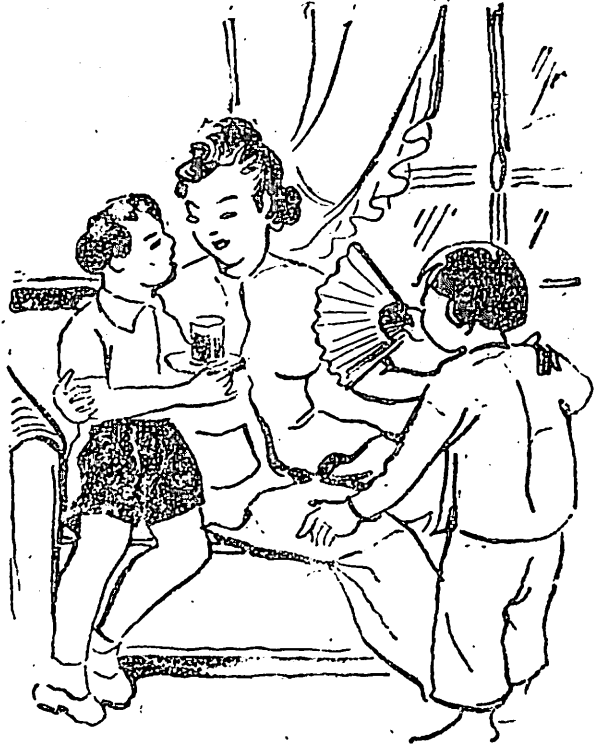
CÂU HỎI.— Gia-đình ông Thắng khi mới di-cư vào Nam thì thế nào ? Ngày nay gia-đình ông thế nào ? Con trưởng ông vừa được thăng gì ? Bính và Đình học ở đâu ? Bà Thắng ở nhà làm gì ? Tại sao hôm nay cả nhà nghỉ việc ? Ông Thắng giết vịt làm gì ?

48.— LÒNG MẸ

Ai có yêu tôi bằng
mẹ tôi ?
Mẹ tôi vui-vẻ lúc
tôi cười,
Mẹ tôi sung-sướng
khi tôi mạnh,
Mẹ xót thương tôi
lúc trở trời.

Khi tôi ngoan -
ngoãn, mẹ mừng
khen,
Nhưng lúc tôi hư
mẹ ủ-phiên.
Mẹ dỗ - dành khi
tôi bực tức,
Tôi buồn là mẹ
khó ngồi yên.

Tôi yêu mẹ quý
nhất trên đời,
Chỉ muốn quanh năm sống cạnh người,
Rót nước, bưng cơm hầu-hạ mẹ,
Đáp đền lòng mẹ mến thương tôi.



✱

PHÁT ÂM. — Sung-sướng, trở trời, trên, rót.

GIẢI NGHĨA. — Trở trời : thay đổi thời-tiết, sinh đau ốm. Ủ-phiên : buồn rầu. Bực-tức : tức-lỗi, không bằng lòng.

CÂU HỎI. — Khi em vui, mẹ em thế nào ? Khi em khỏe mạnh ? Khi em ốm đau ? Khi nào mẹ em khen em ? Khi nào mẹ em buồn rầu ? Khi em bực-tức mẹ em làm gì ? Khi em buồn ? Em yêu mẹ em như thế nào ? Để đền đáp lòng mẹ yêu em, em phải làm gì ?

V.— CHỦ-ĐỀ: NHÀ CỬA

49.— NGÔI NHÀ NGÔI

Một nếp nhà gỗ bảy gian rộng thênh-thang, trong toàn cột lim và cánh cửa bức-bàn. Mái lợp ngói.

Ở dưới, một chiếc nhà ngang bằng tre lợp rá dùng làm bếp, chuồng lợn và chuồng trâu.

Đằng trước ngôi nhà chính là cái sân gạch để kéo đá về ngày mùa. Đằng sau là cái ao thả cá có cầu xây để vo gạo, rửa bát hàng ngày. Rồi đến thửa vườn trồng những hàng cau thẳng tắp và xen vào những cây cam, cây đào, cây bưởi, cây khế vân vân. Mùa nào thức ấy, quả sai trĩu-chặt.

Chung quanh tất cả là giậu tre góá um-tùm, có rất nhiều tổ cò. Cứ chiều tối, chúng bay về kêu âm-ĩ.

Đây là dinh-cơ ông Hai Tới, cái dinh-cơ rộng-rãi, mát-mẻ nhất làng.

Theo L.D.



PHÁT ÂM.— Rộng, tre, rá, trâu, trước, sân, sau, trồng.

GIẢI NGHĨA.— Cánh cửa bức bàn : cánh cửa có khung và kẻ chỉ cho đẹp. Kéo đá : kéo quả lựu bằng đá lên lưá cho rụng thóc. Dinh-cơ : nhà to đất rộng.

CÂU HỎI.— Ngôi nhà làm bằng gì ? Mái lợp gì ? Cột và cánh cửa có gì đặc biệt ? Đằng trước nhà có gì ? Đằng sau có gì ? Chiều đến có gì lạ ? Dinh-cơ ông Hai là một dinh - cơ thế nào ?

50.— TẬP LỀU TRANH

Nếp nhà tranh lùn-cùn nấp dưới rặng tre la-ngà
Toàn thể gồm có một chái và hai gian.

Gian đầu là buồng. Bức màn rách mướp lướn-
thurót rủ ngoài cửa buồng như để giữ cho căn phòng
có vẻ bí-mật. Nhưng qua những khe hở ở cạnh cửa
và những lỗ thủng ở chân phen, ai cũng nhìn rõ : một
chiếc giường tre gầy giát và một lư chum mẻ, vại
hàn chen nhau đứng bên cạnh đồng đất hang chuột.

Đầu kia là chái dùng làm bếp.

Giường thờ giống như cái chạn đựng bát, lơ-
lửng gác giữa khoảng cột cửa bếp và buồng.

Rồi ở giữa nhà, chiếc chiếu rách thủng xộc-xệch
phủ trên tấm phản mộc.

Và ở giữa phản, mấy con chó đói đòi ăn, ăng-
ăng kêu không dứt tiếng.

Theo N. T. T.

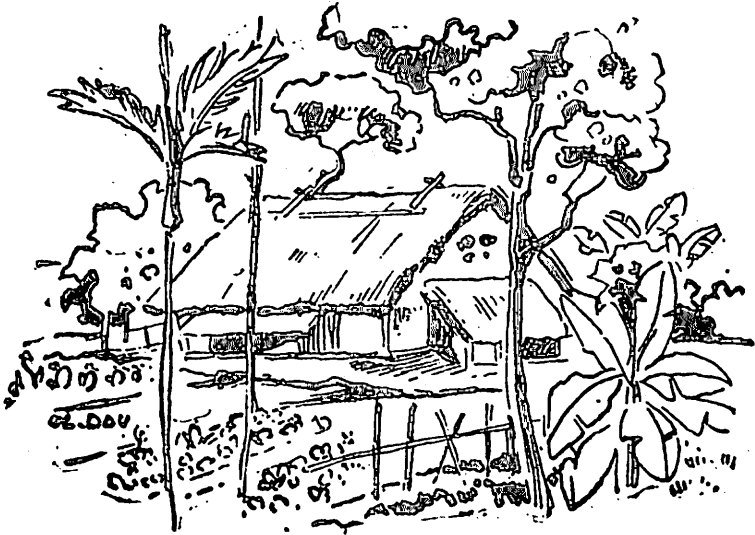


PHÁT ÂM.— Tranh, rặng tre, gian, rách, rủ, giữ, giường,
giát, giữa.

GIẢI NGHĨA.— Tre la-ngà : thứ tre to, chắc và thẳng,
Rách mướp : xơ-xác như xơ mướp. Giát giường : những
tre dài dùng mây hay dây thép ghép lại với nhau để lót
giường.

CÂU HỎI.— Nếp nhà tranh ở chỗ nào ? Có mấy gian ?
Gian đầu là gì ? Tại sao người ta lại trông thấy rõ những
dờ-dạc trong buồng ? Tại sao con chó lại kêu mãi ? Trông cảnh
nhà ấy thì biết chủ nhà là người thế nào ?

51.— NHÀ TÔI



Nhà tôi ở xóm làng xa,
Tâm thường vách đất cùng là mái tranh.
Tôi yêu chỉ vị chút tình,
Trên song-đường, dưới là mình ở đây.
Cha tôi xây dựng bao ngày,
Đắp nền cất nóc chính tay người làm.
Nghĩ thân ấm-cúng muôn vàn,
Những nơi lầu gác cao sang nào bằng.

Như-Tuyết



PHÁT ÂM.— Tranh, song-đường, xây-dựng, cao-sang.

GIẢI NGHĨA.— Song-đường: cha và mẹ. Ấm-cúng: êm-dềm, vui-vẻ. Muôn vàn: nhiều lắm, không thể kể hết được. Cao-sang: to lớn, sang-trọng, giàu có.

1 **CÂU HỎI.**— Nhà em ở đâu? Mái và vách làm bằng gì? Em ở nhà ấy với ai? Ai đã xây-dựng ngôi nhà ấy? Sống trong nhà ấy, em thấy thế nào? Tại sao em lại yêu-quí căn nhà tâm-thường của em?

52.— NHÀ SÀN



Nhà người Mường, bất ứ lớn hay nhỏ cũng đều làm theo một kiểu. Nhà làm toàn bằng gỗ, bằng tre nữa, trên lợp cỏ tranh hay lá gồi. Tầng dưới gọi là « khương » cách mặt đất độ thước rưỡi tây dùng để nuôi trâu, bò, gà, lợn. Tầng trên gọi là « nhà sàn » thường rộng thênh thang và cao - ráo, nhưng hơi tối vì cửa ngõ ít và hẹp.

Đồ đạc bày - biện trong nhà rất sơ-sài : vài ba cái chiếu và mấy cái ghế bằng tre hay bằng mây vừa thấp lại vừa bé. Chính giữa là bàn thờ tổ-tiên, nánh sang một bên là cái bếp.

Nhà người Mường thường chia làm hai gian : gian ngoài là nơi tiếp khách của đàn ông, gian trong là nơi tư-thất của đàn bà con gái.

Học-Báo



PHÁT ÂM.— Sàn, tre, tranh, rưởi, rộng, ráo, sơ-sài giữa, sang.

GIẢI NGHĨA.— Mường : dân-tộc thiểu-số ở miền rừng từ Hòa-bình vào đến Nghệ-tĩnh. Sơ-sài : qua-loa, không kỹ. Nánh : xế, chệch về một bên. Tư-thất : nhà riêng, đây là phòng riêng.

CÂU HỎI.— Nhà người Mường thường làm bằng gì ? Nhà chia làm mấy tầng ? Tầng dưới là gì ? Dùng làm gì ? Tầng trên gọi là gì ? So với tầng dưới thì tầng trên thế nào ? Tại sao trong nhà hơi tối ? Trên sàn chia làm mấy gian ? Gian ngoài dùng làm gì ? Gian trong dùng làm gì ?

53.— NHÀ GÁC

Anh Hải ở trên một căn gác phổ bờ sông. Qua một cái cầu thang bằng gỗ, tôi bước lên thấy một căn phòng vuông-vắn, hơi hẹp nhưng cao. Bốn mặt đều mở cửa sổ, chấn song sắt.

Về phía trước mặt, nhìn ra chỉ thấy những túm lá xanh bóng của cây bàng xòe ra và một cái cột điện cao vót. Mặt sau trông ra sông Trà, lúc nào cũng thấy thuyền nan, chiếc ngược chiếc xuôi. Bên kia sông là một cánh đồng bát - ngát xanh - rì, rải - rác đây đó những lũy tre xanh biếc in lên nền trời trắng đục, khác nào như một bức tranh.

Thỉnh-thoảng một làn gió nhẹ ở ngoài sông đưa vào, khiến tâm-thần rất khoan-khoái. Bàn viết của anh kê liền cửa sổ. Thực là một phòng học tĩnh-mịch, mát-mẻ ở giữa nơi thành-thị.

Như-Tuyết

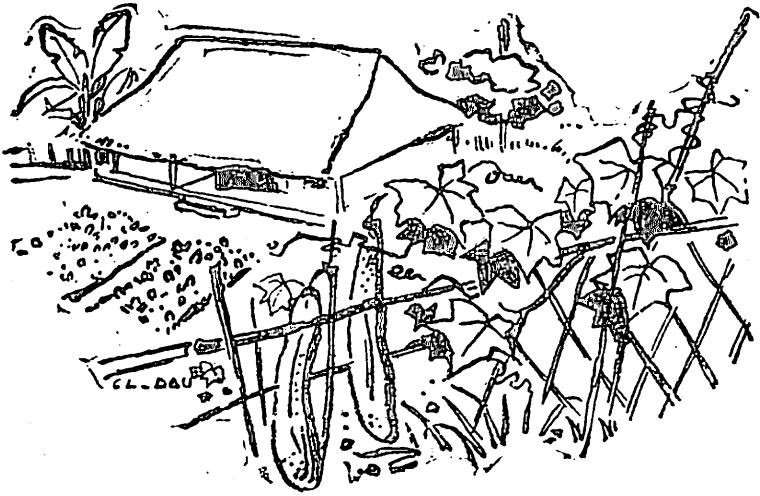


PHÁT ÁM.— Trên, sông, sổ, song, sắt, trà, xanh-rì, rải-rác, tre, trời, trắng, tranh, gió, giấy, giữa.

GIẢI NGHĨA.— Chấn song: những then bằng gỗ hay bằng sắt chấn cửa sổ. Lũy tre: tường thấp và dài, bên trong trồng tre. Tâm-thần khoan-khoái: trong lòng, trong óc thấy êm-ái dễ chịu. Thành-thị: nơi cô phố sá buôn-bán đông-đúc.

CÂU HỎI.— Anh Hải ở đâu? Căn gác anh ở thế nào? Bốn mặt tường có mở gì? Cửa sổ đằng trước trông ra đâu? Cửa sổ đằng sau trông ra đâu? Đứng ở cửa sổ đằng sau, nhìn thấy gì? Bàn viết của anh kê ở đâu? Tại sao lại kê ở chỗ ấy?

57.— LÀM VƯỜN



Giữa vườn một nếp nhà tre,
Ba gian lợp cỏ trông về hướng nam.
Trước nhà dầy mướp một giàn,
Rung-rinh trước gió hoa vàng lá xanh.
Hai bên nào ớt, nào hành,
Nào cam xā Thượng, nào chanh bốn mùa.
Ngoài vườn, mấy luống khoai, ngô,
Quanh năm vun-xới, tha hồ bán, ăn.
Tăng gia sản xuất góp phần,
Nước nhà, nông-nghiệp đang cần mở mang.

Như-Tuyết



PHÁT ÂM.— Tre, giữa, gian, trông, rung-rinh, tăng-gia, sản-xuất.

GIẢI NGHĨA.— Rung-rinh : đưa đi, đưa lại nhẹ-nhàng. Chanh bốn mùa : thứ chanh có quả quanh năm. Tăng-gia : thêm lên. Sản-xuất : làm ra, tạo ra ; ý nói trồng-trọt thêm cho có nhiều hoa-lợi. Nông-nghiệp : nghề làm ruộng.

CÂU HỎI.— Nhà người làm vườn ở đâu ? Trước nhà trồng gì ? Hai bên có những cây gì ? Trong vườn trồng gì ? Tại sao người làm vườn thu được nhiều hoa-lợi ? Những người chăm làm vườn đã giúp ta những gì ?

55.— TÒA NHÀ CỒ

Tâm qua cổng đến dãy tường hoa cao ngất, rồi vào sân gạch rộng, bước lên cái nhà ngói năm gian, trông to hơn đình làng Tâm.

Trong nhà bày-biện rất lịch-sự. Trên sà, ba bức đại-tự thẳng hàng chói lọi. Ở giữa là bức sơn son chữ, vàng, hai bên hai bức sơn then chữ bạc. Năm gian treo năm bức y môn đỏ thêu kim-tuyến. Mỗi cột, một đôi câu đối sơn đen bóng nhoáng, chữ khảm xà-cừ. Ở tường treo những bức tranh Tàu. Ghế vuông ghế dài, bằng gụ đen bóng như sừng bò, chạm trổ rất công-phu.

Cái gì cũng lạ cả. Tâm mãi ngắm-nghía không nghĩ gì đến người ta trò-chuyện ở chung-quanh.

C. T.

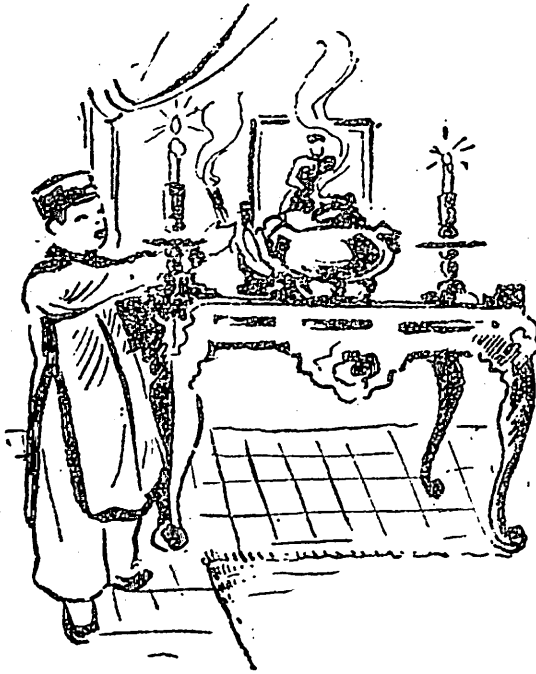


PHÁT ÁM.— Sâu rộng, gian, trông, sự, sà, sơn son, treo, sừng, chạm trổ, trò-chuyện.

GIẢI NGHĨA.— **Sà** : cây gỗ nối đầu cột này sang đầu cột kia. **Đại-tự** : chữ hán viết thật to. **Sơn then** : sơn ta màu đen bóng. **Y-môn** : cái diềm bằng vóc thêu hình chữ nhật treo ngang cửa, còn gọi là nghi-môn. **Kim-tuyến** : chỉ vàng dùng để thêu. **Xà-cừ** : thứ ốc bẻ, vỏ có nhiều sắc đẹp dùng để khảm.

CÁU HỎI.— Anh Tâm phải đi qua những gì rồi mới vào được ngôi nhà chính ? Trong nhà bày - biện thế nào ? Trên sà treo gì ? Có mấy cái y-môn treo ở đâu ? Các cột có treo gì ? Trong nhà có những ghế gì để tiếp khách ? Tại sao Tâm không đề ý đến những người chung-quanh đang nói chuyện ?

56.— MỘT ĐĂM GIỖ



Nhà bà Hai hôm nay được trang-hoàng và trần-thiết một cách sang-trọng, rực-rỡ.

Bàn thờ được chăm chút hơn hết. Các đỉnh đồng, cây nến mới đánh, sáng-loáng dưới ánh đèn. Hai bó sen trắng cắm trong bình tỏa ra mùi thơm mát, lẫn với mùi trầm và mùi hương vòng. Cái khung ảnh ông cụ ngồi nghiêm-trang trong ghế, cũng đã lau rửa sạch-sẽ, như sẵn-sàng để dự tiệc. Một chiếc màn the đỏ che trước bàn thờ, treo từ bức hoành phi xuống.

Khách đến đông, các cụ già lẫn người trẻ ngồi trên mấy dãy ghế kê sát tường, vừa uống nước trà vừa căn hột dưa. Bà Hai luôn tay pha nước và xếp trầu cau vào quả. Cô Tuyết chạy loanh-quanh bên sập tiếp nước cho khách.

T.H.N.S

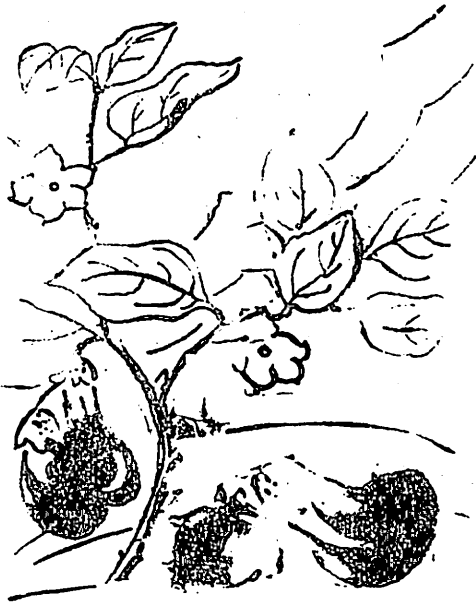


PHÁT ÂM.— Giỗ, trang, sang trọng, rực-rỡ, sáng, sen, rửa, sẵn-sàng, trẻ, sập, trà, trầu, sập.

GIẢI NGHĨA.— Trang hoàng : sửa-sang, bày-bien cho đẹp. Trần-thiết : bày-bien, sắp đặt. Tỏa : bay ra xung-quanh. Nghiêm-trang : có vẻ oai-nghi làm cho người ta phải kính-sợ.

CÂU HỎI.— Nhà Bà Hai trang-hoàng thế nào ? Đỉnh đồng, cây nến, khuôn ảnh được chăm-chút thế nào ? Khách ngồi ở đâu ? Bà Hai luôn tay làm gì ? Cô Tuyết chạy loanh-quanh bên sập làm gì ? Tại sao nhà bà Hai hôm ấy lại đông khách ? Khách đến để làm gì ?

57.— VƯỜN CÀ TÍM



Trong ánh nắng, gió
đồng quê mát rượi,
Giọt sương mai lấp-
lánh lá cà xanh.
Những trái cà chen-
chúc bám trên cành,
Căng nhựa ngọt, da
non khoe sắc thắm.

..

Vườn cà tím của nhà
ai xinh lắm ?
Kìa ! anh Tam đang
cặm-cui vun-trồng.
Vuốt mồ hôi, nhìn ánh
mặt trời hồng,
Lòng tràn ngập một
niềm vui chiến-thắng.

Đề-Quyên



PHẬT AM.— Trong, mát rượi, trái, sac, trồng, trời,
tràn-ngập.

GI. I NGHIA.— Mát rượi: mát lạnh. Cặm-cui: mài-
miết làm một việc gì. Chiến-thắng: đánh được, ý nói
dùng sức phá đất hoang, trồng-trọt có kết-quả.

C. U HỒI.— Sáng sớm qua khu vườn hia, người ta trông
thấy lá cà, quả cà thế nào ? Vườn cà tím của nhà ai ? Tại sao
anh Tam có được vườn cà tươi tốt và sai quả như thế ? Ngắm
vườn cà, lòng anh Tam thấy thế nào ?

58.— CẢI ĐÈN

Cải đèn nhà tôi làm bằng một thứ đồng đỏ ói như vàng, bóng lộn có thể soi gương được. Bầu dầu hình trụ, nom bè-bè, ở giữa đánh đai tròn và chứa được đèn non nửa lít. Trên miệng ống bắc có chụp một cái mũ cho ngọn lửa tỏa ra như hoa sen cum-cúp để tăng ánh sáng. Thông-phong làm bằng pha-lê trong suốt.

Tối đến tôi rót dầu và thắp đèn, ngọn lửa bốc to, tôi vặn bắc thấp xuống cho vừa. Ánh sáng tỏa ra khắp trong phòng. Đèn để giữa bàn. Chúng tôi ngồi quây-quần lại: mẹ tôi khâu vá, tôi xem sách, còn em tôi hăm-hở đọc tiếp chuyện Tấm Cám.

Theo Nghiêm-Toàn



PHÁT ÂM.— Soi, trụ, giữa, ra, sáng, trong, suốt, rót, sách.

GIẢI NGHĨA.— Hình-trụ: hình cột tròn. Đai: cái vòng đeo ngang lưng. Pha-lê: chất thủy-tinh quý. Hăm-hở: vội-vàng.

CÂU HỎI.— Đèn nhà em làm bằng gì? Bầu nó thế nào? Trên miệng ống bắc có gì? Tại sao phải chụp thêm cái mũ trên ống bắc? Tối đến, em làm gì? Nếu ngọn lửa bốc cao, em làm thế nào? Khi đèn thấp lên rồi thì gia-đình em mỗi người làm một việc gì? Trông cái cảnh quây-quần ấy, em nghĩ thế nào?

50. = CẢI CỐI XAY

Chúng tôi vào chơi, gặp lúc bà Hai đang xay thóc. Bà vừa làm vừa tiếp chuyện chúng tôi. Hai tay bà cầm hai đầu cán cày xay đùn đi kéo lại, coi rất nhịp nhàng. Đầu cối quay tròn chung quanh cái ngỗng. Những hạt thóc bị nghiền tua-tủa bắn ra, rơi xuống cái nong ở gần cối ào-ào như mưa nặng hạt. Tuy có cái áo bằng cốt quây quanh thân cối, nhưng cũng còn có một vài hạt gạo bắn ra đất. Hai chú gà ranh-mãnh rón-rén đến nhặt.

Bà xay đều tay, tiếng cối quay nghe ù-ù theo một điệu. Một lúc lâu, thóc ở miệng cối xuống đã hết, bà kéo nong ra, được gần đầy một nong gạo lẫn trấu. Bà sàng lấy gạo, còn hắt trấu riêng ra một đồng cao có ngọn.

Như-Tuyết



PHÁT ÂM.— Rát, tròn, ra, rơi, rón-rén, trấu, sàng, riêng.

GIẢI NGHĨA.— Cày xay : cái đòn dài, một đầu mắc vào tai cối mà kéo. Ngỗng : trụ đóng ở giữa cối cho đầu cối quay chung-quanh. Rón rén : đi sẽ không cho ai nghe thấy tiếng bước chân. Sàng : dùng cái sàng đưa đi đưa lại cho hạt gạo lọt xuống, còn trấu ở lại.

CÂU HỎI.— Bà Hai đang làm gì? Khi xay thì đầu cối thế nào? Hạt gạo bị nghiền vỡ rồi đi đâu? Tại sao người ta phải dùng cái áo cối quây xung-quanh thân cối? Khi xay thóc xong, phải làm thế nào cho gạo và trấu riêng ra?

60.— NOI GƯƠNG NGƯỜI TRƯỚC

Hai lần đánh vỡ Nguyên-Binh,
Đức Trần-hưng-Đạo oai linh ai bì.
Bắt Toa-Đô, giết Mã-Nhi,
Bạch-đăng một trận, để ba muôn đời.

Lam-sơn quân xuống từ trời,
Hoàng-Lê, tiêng đã dậy ngoài Chi-Lăng,
Bắt Mộc-Thạnh, giết Liễu-Thăng.
Núi muôn trùng giã cho bằng mới thôi,

Tiếng thơm dài để trên đời,
Làm gương cho chúng ta ngồi mà soi.

Dương-bà-Trạc



PHAT ÂM.— Giết, trận, Lam-sơn, trời trùng, giã, soi.

GIẢI NGHĨA.— Oai-linh: vẻ tôn-nghiêm, thiêng-liêng, làm cho người phải kính sợ. Bì: so-sánh. Dậy: nổi lên. Giã: bặt đi cho phẳng.

CÂU HỎI.— Ai đánh phá quân Nguyên? Đức Trần-hưng-Đạo đánh quân Nguyên mấy lần? Bắt và giết được những tướng nào? Trận nào oanh-liệt nhất? Ai khởi-nghĩa ở Lam-Sơn? Vua Lê bắt và giết được những tướng nào? Trận nào oanh-lũy nhất? Đối với các vị anh-hùng ấy ta phải thế nào?

VI.— CHỦ-ĐỀ : THÔN QUÊ

61.— NĂM MỚI

Sáng mừng một, cơm nước xong, bà Chánh ra chùa lễ rồi mới đến các nơi họ-hàng qu yễn-thuộc.

Trên con đường đi rải đá, người đi lại tấp - nập, quần áo mới sột-soạt, giầy guốc kéo lê, gặp nhau quen là cười nói, chúc - mừng ríu-rít.

Quanh năm chân lấm tay bùn, chỉ có mấy ngày Tết là dân quê mới giở đến bộ cánh xếp nếp trong hòm ra mặc. Người nào cũng hớn-hở, tươi cười, nhất là các cô con gái đi từng bọn năm, bọn ba, khăn vuông mỏ quạ trùm-hụp, mồm nhai trầu bồm-bẻm, áo tứ-thân, mớ ba mớ bảy, tay bụng quả lê, trông trưng-bưng rộn-rịp, rõ ra cái cảnh ngày Tết.



Đồ-thức-Vinh
(Bóng tre xanh)



PHÁT ÂM.— Sáng, rải, sột-soạt, giầy, ríu-rít, giở, trông, rõ ra, rộn-rịp.

GIẢI NGHĨA.— Qu yễn-thuộc : họ-hàng thân-thuộc. Bộ cánh : bộ quần áo đẹp để mặc khi ra ngoài. Trùm - hụp : thấp đến mắt. Áo tứ-thân : áo chùng dài bà, không cổ vạt cả, hai vạt đằng trước bằng nhau.

CÂU HỎI.— Sáng mừng một, cơm nước xong, bà Chánh làm gì? Ngoài đường, mọi người ăn mặc thế nào? Khi gặp người quen, họ làm gì? Ngày thường, họ xếp bộ cánh ở đâu? Tại sao? Các cô con gái ăn mặc thế nào? Các cô cùng nhau đi đâu? Các cô tỏ vẻ thế nào?

62.— MỘT LÀNG NHỎ

Xuân-Trì là một làng nhỏ ở miền xuôi. Tất cả có độ dăm chục nóc nhà ẩn sau những tàu lá óng-ánh của các khóm chuối hay những cành tre rườm-rà.

Các nhà toàn đắp tường đất chấm mái. Vài cái cửa để lấy ánh-sáng vào trong. Cửa nhỏ và thấp : người ta phải cúi xuống mới đi lọt. Những bức tường ngăn các nhà cũng đều bằng đất. Tường không cao hơn thước, có lẽ là để đánh dấu lấy cái gia-thở hơn là để phòng gian - phi, vì trong làng chẳng mấy nhà có được cái cổng. Thế mà cũng ít khi thấy có người kêu mất trộm.

Giữa làng, một ngôi đình cổ soi gương xuống nước hồ trong vắt. Ở vườn sau, mấy rặng đào, cứ đến mùa, phô những đóa hoa tươi sáng trước gió đông.

Hoài-Lan



PHÁT ÂM.— Xuân-Trì, sau, trè, rườm-rà, sáng, trộm, giữa, rặng, trước, gió.

GIẢI NGHĨA.— Chấm : vừa đúng đến. Gia-thở : đất của nhà mình. Gian-phi : trộm cướp. Mùa : đây là mùa xuân. Phô : bày ra, khoe.

CÂU HỎI.— Trong làng có độ bao nhiêu nóc nhà ? Những nhà ấy thế nào ? Tại sao người ta cúi xuống mới vào được cửa ? Những bức tường thấp dùng làm gì ? Đình làng có cảnh gì đẹp ?

63.— TỈNH NAM BẮC

Quê anh miền Lục
Tỉnh,
Có hàng dừa xanh-
xanh.
Có « sầu riêng »
thơm ngọt.
Đồng lúa ngát
hương lành.
Anh hẹn tôi Tết
đên,
Sẽ về quê thăm
anh.
Tôi nhìn anh char-
chứa...
Mắt ngời sáng
lung-linh.
Tay nắm tay hỉ-
hả,
Xe chặt mỗi giao-
tinh.



Hẹn rằng: xuân tới mùa Bắc-Tiến,
Muôn cánh hoa đào lại thắm xinh.
Anh về quê tôi nhé !
Chung hưởng Tết thanh-bình.

Nguyễn-Thụy-Long



PHÁT ÂM.— Sầu riêng, sẽ, sáng ngời, rằng.

GIẢI NGHĨA.— Lục - tỉnh : nói chung những tỉnh ở chung-quanh đô-thành. Sầu riêng : thứ quả giống như mít, thơm ngọt, thổ-sản ở Nam-Việt và Cao-miền. Lung-linh : sáng-lanh. Giao-tinh : tình bè - bạn, chơi với nhau. Thanh-bình : yên-lặng, thái-bình, không loạn-lạc.

CÂU HỎI.— Quê bạn ở đâu ? Có gì đặc-biệt ? Bạn hẹn em thế nào ? Em cảm-động thế nào ? Em hẹn lại cùng bạn thế nào ? Mùa Bắc-Tiến là gì ? Khi nào ta mới có hẳn Tết Thanh-bình ?

64.— CẢNH THÔN DÃ

Vùng này phong-cảnh đẹp thật ! Về phía hữu, sườn đồi thoai-thoải xuống một cái thung-lũng hẹp. Ở giữa có một lạch nhỏ chạy dài. Về phía tả, đi ngược lên ngọn đồi, các vườn rải thành bậc rộng, đất vàng. Trong vườn mọc um-tùm và không thành lối thành hàng, biết bao nhiêu thứ cây : nào mít, nào đào, nào bưởi, nào cam. Thỉnh-thoảng trong đám lá xanh lại nhô ra vài cái mái nhà lợp lá gồi màu nâu thẫm.

Ở bên đường đi, có những bức tường đất để ngăn những nương vườn cao ấy. Những bức tường này hình như chỉ có để làm vì, hoặc để trang - hoàng cái cảnh thôn dã ấy cho tôn thêm vẻ đẹp mà thôi, vì không những tường đã thấp mà nhiều chỗ lại bỏ hổng, như để mời khách qua đường bước lên chơi.

K. H.



PHÁT ÂM.— Sườn, rải, rộng, trang-hoàng.

GIẢI NGHĨA.— Hữu : bên tay phải. Tả : bên tay trái. Thung-lũng : vùng đất trũng ở vào giữa hai dãy núi hay đồi. Làm vì : gọi là có, chứ không cần lắm. Thôn - dã : miền nhà quê.

CÂU HỎI.— Về phía hữu, người ta thấy gì ? Về phía tả có gì ? Thỉnh-thoảng người ta lại trông thấy gì hiện ra ? Những bức tường đất dùng làm gì ? Những bức tường đất ấy thế nào ? Phong-cảnh vùng này đẹp là bởi có những gì ?

65.— ĐƯỜNG VỀ QUÊ

Sau ngày ngừng bản, trên mọi nẻo đường về quê, người đi lại rộn-rịp. Người ta mong về tìm lại hương-vị của đồng-quê sau tám năm trời xa - cách. Những người của đất ruộng trở về với đất ruộng. Họ về nhúm lại bếp lửa tàn, che lại mái lều tranh và đồ lại mồ-hôi cho lòng đất thân-yêu. Họ về để gây-dựng lại quê-hương sau một thời tan-nát.

Trời xanh cao. Gió lộng thổi. Càng đi xa, làng mạc tiêu-diêu càng hiện ra. Ngàn cây xanh, tre lả-lướt không còn nữa. Vài ba nóc nhà lụp-xụp, tiêu-tụy nằm sát vệ-đường, bên cạnh những nương khoai xơ-xác.

Ruộng lúa bắt đầu lỏ, nhưng giữa màu xanh đẹp-đẽ ấy nổi bật lên màu nâu thẫm của đất cằn cỗi cháy nhiều hơn. Vài tiếng hò đập nước văng lên giữa đồng-quê hiu-quạnh.

Phong-Son



PHÁT ÂM.— Bộn-rịp, trời, ruộng, tranh, sát.

GIẢI NGHĨA.— Hương-vị : hương là mùi thơm, vị là mùi nếm ; đây là hứng - thú. Nhúm : gây lên. Lộng : thổi mạnh. Lỏ : đâm lên. Cằn : còi lại, không lớn lên được. Đất cằn : đất xấu, đất hoang. Hiu-quạnh : vắng vẻ.

CÂU HỎI.— Sau ngày ngừng bản, những người dân quê & đầu trở về làng ? Họ trở về quê để làm gì ? Nhà cửa, ruộng nương của họ còn nguyên-vẹn không ? Tại sao ? Những làng mạc trông thế nào ? Những người dân quê đã bắt đầu làm gì ?

66.— QUÊ TÔI

Quê hương tôi,
Mùa xưa tươi
đẹp lắm.
Mái tranh hiền tồ
thăm một miền
quê.
Những chiều
đông,
Và những buổi
hè về,
Hương lúa mới
đượm tình quê
thơm ngát.

..

Nhưng một chiều,
Tình quê xáo-
động !
Xóm làng vắng
bóng những
chàng trai.
Họ ra đi,
Vượt dòng Bến-
Hải,
Hẹn ngày về xây
lại một «mùa thu».

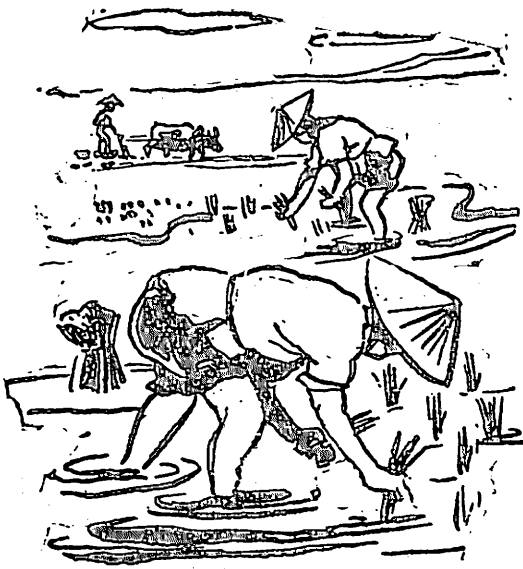


PHÁT ÂM.— Tranh, chàng trai.

GIẢI NGHĨA.— Mùa xưa : ngày xưa, mùa xuân xưa.
Xáo-động : rộn-ràng, hỗn-dộn. **Mùa thu :** ý nói mùa thu năm 1945, dân-tộc ta giành được độc-lập nhưng bị Việt-Minh phản bội, mong một mùa thu khác ta sẽ diệt được Cộng-sản và thống-nhất lãnh-thổ.

CÂU HỎI.— Ngày xưa, quê hương em thế nào ? Những chiều đông và những chiều hè là những buổi gì ? Tại sao vui ? Nhưng một buổi chiều, làng em bị thế nào ? Những người trai tráng phải bỏ đi đâu ? Tại sao họ đi tồ lăm lăm ?

C7.— NHỮNG KHÓM LÚA NON



Đất đã ải rồi, người ta chỉ cày qua một lượt, rồi người ta bừa, người ta cấy.

Một vài ruộng đã phủ lượt lúa non mơn-mơn.

Nhiều người đã bừa xong thửa ruộng của mình, họ thả trâu, bỏ ra ung - dung gặm cỏ. Rồi lên trên bờ ruộng hay dưới gốc cây, họ nghỉ-ngơi. Họ lấy chiếc điều cày ra hút một hơi thuốc Lào và bình - tĩnh nhìn làn

khói trắng tự miệng mình thở ra.

Trước mặt họ, trong những thửa ruộng đầy ắp nước và không một gợn cỏ, bàn tay rám nắng của các cô gái đen giòn lằn tới đâu, tức thì ở đó, những khóm lúa xanh non thì nhau đứng lên, xếp theo hàng lối và nhón-nhờ trước gió thu êm...

N.K.M,



PHÁT ÂM.— Ruộng, rám nắng, đen giòn, giờ.

GIẢI NGHĨA.— ải : đất để lâu ngày, mất cả chất dẻo, Ung-dung : hòa-nhã, khoan-thai, không vội - vàng, hấp-tấp. Bình-tĩnh : yên-lặng. Rám : sạm đen.

CÂU HỎI.— Khi đất đã ải rồi, người ta làm gì? Thửa ruộng đã bừa xong, người ta làm gì? Những thợ bừa nghỉ, lên bờ làm gì? Các cô gái đang làm gì trong ruộng? Tại sao bàn tay các cô lại rám đen? Những khóm lúa đã cấy trong ruộng trông xa thế nào?

68.— TẮT NƯỚC

Gà gáy. Vợ chồng bác Xà đã lục-đục dây thối cộm. Ăn xong, vừng đông vừa rạng, chồng vác cuốc, vợ xách gầu ra đồng.

Đến nơi, trên bờ ngòi đã thấy vài bọng ở đấy rồi. Tiếng vục nước, tiếng đổ nước nghe ỹ-ôm.

Bác Xà liền lấy cuốc sửa lại nong nước. Vợ buộc dây vào gầu. Xong mỗi người đứng một bên « sòng », hai tay cầm dây, bắt đầu tát.

Nước ngòi cạn, phải thả chùng dây và cúi mình xuống mới vục được một gầu nước. Hai vợ chồng yên-lặng, cầm đầu, cầm cổ tát. Mặt trời đã lên cao, mồ hôi chảy dòng-dòng trên trán và ước dầm cả lưng áo, hai người cố tát cho nước bén chân lúa mới chịu nghỉ.

Ngồi trên bờ nhìn xuống, nét mặt bác Xà gái đã thấy tươi tươi như những ngọn lúa cần khô vừa được tưới mát.

Như-Tuyệt

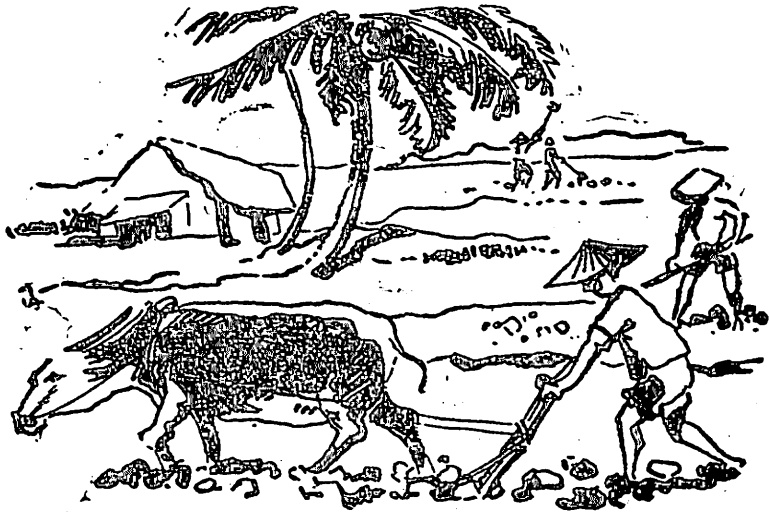


PHÁT ÂM.— Rạng, sửa, trên, trán.

GIẢI NGHĨA.— Lục-đục: nói về cái gì dụng chạm nhau lũng-cũng; tiếng cất nhắc đồ-dạc. Nong: bờ nhỏ đắp từ chỗ tát đến ruộng mình lấy lối nước vào. Sòng: vũng nhỏ để tát nước vào rồi do nong dẫn vào ruộng. Bén: tới. Cần khô: còi và héo vì nắng quá.

CÂU HỎI.— Vợ chồng bác Xà dậy từ bao giờ? Để làm gì? Hai vợ chồng bác có phải là những người đi làm sớm nhất không? Tại sao? Hai người tát vất-vả thế nào? Tại sao? Ruộng được tát vừa nước, ngọn lúa trông thế nào?

CO.— QUÊ ANH ĐÂU ?



— Quê anh đâu ?

— Tận miền Trung xa tắp,
Đồng xanh dợn sóng lô-nhô,
Lúa hai mùa thơm ngát,
Quê không nghèo xơ-xác,
Nhưng đủ ấm, đủ no.
Có những bàn tay đen, chắc,
Siêng-năng, chăm-chỉ, cần-cù.
Sức trai đem đổ lên bờ ruộng nâu.
Dầm mưa dãi nắng,
Nào có quản gì đâu !
Lo cuộc bầm cây sấu,
Đem mồ-hôi đổi hoa mầu tốt tươi.

Ngô-Thế-Hoàn

PHÁT ÂM.— Trung, xanh, dợn sóng, siêng-năng, sức trai, ruộng, sấu.

GIẢI NGHĨA.— Dợn : nói về mặt nước gợn sóng lên. Đây là gió thổi vào đồng lúa nhấp-nhò như sóng gợn. Cần-cù : chăm-chỉ, khó nhọc. Nâu : màu đất ruộng. Cuộc bầm : cuộc sấu cho lúa tốt.

CÂU HỎI.— Cánh đồng quê ở quê em thế nào ? Quê em có nghèo lắm không ? Những trai làng làm ruộng thế nào ? Chăm làm thì kết-quả thế nào ?

70.— GẶT LÚA



Yên lặng, bọn thợ gặt bước ủa xuống ruộng lầy. Những bông lúa chín bắt đầu bị cắt dưới lưỡi hái, tiếng kêu sột-soạt: vài ba con cò bợ thấy động nặng-nề cất cánh, đuổi chân, rướn cổ vừa kêu vừa bay, lẫn vào trong sương...

Mười hai giờ, ăn uống xong, nghỉ-ngơi chuyện - vân một lúc, bọn thợ gặt bắt đầu gặt. Sợ tối, họ mãi-miết cho chóng xong công việc

dù trời nóng quá. Ngoài những tiếng sột-soạt của lúa bị cắt, không còn một tiếng gì khác. Chung quanh bát-ngát những lúa chín vàng chói dưới ánh nắng gay - gắt tháng năm.

Mấy người thợ thôi gặt để ôm những lượm lúa đặt ngang trên các mô rạ, đem lên bờ, cứ xếp lại bầy lượm thành một bó.

Trần-Tiêu



PHÁT ÂM.— Sột-soạt, rườm, trong, sương.

GIẢI NGHĨA.— Ủa : xô vào, tràn vào. Lượm : bó lúa nhỏ độ hai, ba gài. Mô rạ : những ngọn rạ bẻ khum xuống làm chỗ để đặt những lượm lúa.

CÂU HỎI.— Bọn thợ gặt bước ủa xuống ruộng lúa làm gì? Khi họ cắt lúa, ta nghe thấy tiếng gì? Buổi trưa bọn thợ làm gì? Ăn xong họ làm gì? Tại sao bọn thợ gặt lại mãi-miết làm không ngại nóng bức? Máy người thợ thôi gặt trước để làm gì?

71.— ĐÊM TRĂNG NGÀY MÙA

Trăng đã lên khỏi rặng tre, soi xuống thôn - dã một màu sáng dịu.

Đêm về, những đêm mùa lúa chín, dân quê làm việc suốt đêm với sự vui thích hào-hứng, và hình như họ cho làm việc không phải là cực-khổ vất-vả.

Trên các ruộng lúa đã gặt còn trơ gốc rạ, dưới ánh trăng trong, các cô thôn-nữ sắp hàng bên những đồng lúa xếp có thứ-tự, cạnh chiếc bồ to-tướng. Họ say sưa với công việc. Âm-thanh của lúa rơi xuống bồ nghe rào-rào. Tiếng hò, giọng hát của các cô nàng xen lẫn với tiếng lúa rơi làm thành một âm-thanh nghe đến thích-thú.

Không-khí ngày mùa thật là hỗn-loạn. Song, trong cái hỗn-loạn cuồng-nhiệt ấy, nó ngấm bao sự mơ-ước mộc-mạc, đầy chan-chứa của người dân lành.

Minh-Ngọc



PHÁT ÂM.— Trăng, rặng tre, ruộng, trơ gốc rạ, trăng trong, say-sưa, rơi xuống, rào-rào, giọng.

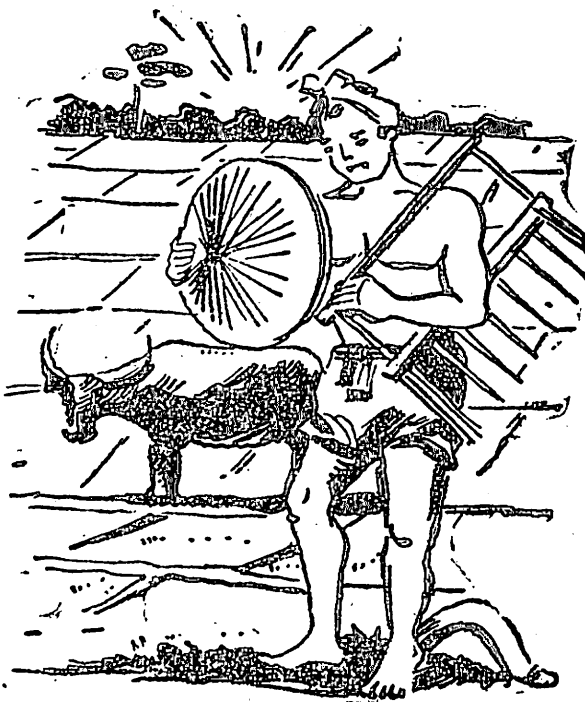
GIẢI NGHĨA.— Thôn-dã : miền nhà quê. Hào hứng : có nhiều hứng-thú, thú-vị. Thôn-nữ : con gái quê. Âm-thanh : những tiếng. Hỗn-loạn : lộn-xộn. Cuồng-nhiệt : cuồng-quýt, hăng-hái. Mộc-mạc : chất-phác, không chau-chuốt.

CÂU HỎI.— Đêm ngày mùa, ánh trăng thế nào? Dân quê làm việc thế nào? Các cô thôn-nữ đập lúa ở đâu? Tiếng lúa rơi nghe thế nào? Trong khi đập lúa các cô làm gì cho quên nhọc? Không-khí ngày mùa thế nào? Tại sao?

72.— NGƯỜI NÔNG-PHỤ

Đôi cánh tay
rắn-chắc,
Anh xới lúa
vun dâu.
Mồ hôi rơi
thấm đất :
Tình anh tràn
ruộng sâu.
Tóc anh vương-
văn gió chiều,
Hồn anh thấm lúa,
lan vào hương
quê.

...
Đôi trâu bạn
bè,
Cuốc, cày tri-
kỹ,
Khỏe làm,
mệt nghỉ,



Đời đẹp như thơ.
Lòng anh hòa với lũy tre,
Hòa trong lòng đất, đem về nguồn vui.

Cao-thành-Nhân



PHÁT ÂM.— Rắn-chắc, tràn, ruộng sâu, gió chiều, tri-kỹ, lũy tre.

GIẢI NGHĨA.— Tình tràn ruộng, hồn thấm lúa : để tất cả tâm-trí vào ruộng đất. Tri-kỹ : người bạn biết tâm-tính của mình. Hòa : cho lẫn vào, trộn vào, ý nói yêu mến vô cùng.

CÂU HỎI.— Người nông-phụ làm ruộng khí-nhọc thế nào? Anh để cả tâm-hồn vào đâu? Hàng ngày anh làm bạn với cái gì? Anh có vui làm không? Tại sao?

VII.— CHỦ-ĐỀ: THÚ-VẬT

73.— GÀ GẦY

Chú Mào-Tía nghiêng đầu, hé một mắt biếc nhìn xung-quanh. Bầu trời mờ mờ tái ngắt đã rạng trắng ở phương đông. Lá cây, lá cỏ thoi ủ-rủ từ bao giờ, đang vươn thẳng mình tươi tắn. Rạng đông rồi !

Chú Mào-Tía nằm yên một phút rồi mở cả hai mắt, chớp chớp. Chỉ một lúc nữa là sáng. Chú đứng phắt dậy, vỗ cánh phành phạch như muốn bay tít lên cao, chếp chếp mổ rồi vươn cổ thoi một hồi kèn « rạng đông » :

Tác ! Ta... Ta... Ta !
Bình minh đang dựng,
Bóng tối đang nhòa,
Một đêm đã qua,
Nắng sớm sắp tỏa,
Trên khắp đồng hoa,
Tác ! Ta... Ta... Ta !

Chú thót bụng lại, choãi cánh về đằng sau, cúi rạp xuống để vận hơi lên cổ, kéo thật dài tiếng ngân. Tiếng gáy của chú hay thật, lạnh-lạnh vang khắp xóm.

Bạch-Đặng



PHÁT ÂM.— Trời, rạng, trắng, sáng, rap.

GIẢI NGHĨA.— Tươi-tắn : tươi tốt. Rạng-đông : phương đông trắng dần ra, mặt trời sắp mọc. Bình-minh : lúc rạng đông. Vận : đem đưa lên.

CÁU HỎI.— Chú Mào-Tía hé mắt nhìn thấy bầu trời thế nào ? Lá cây ngọn cỏ lúc ấy thế nào ? Chú nghỉ một lúc rồi làm gì ? Hồi kèn « rạng đông » của chú thế nào ? Lúc chú gáy thì thân-hình chú thế nào ? Tiếng gáy của chú thế nào ?

74.— CHIM BÓI CÁ



Trên một cành tre mảnh dễ lứt xuống mặt ao, một con chim bóí cá đỗ, coi rất treo-leo.

Lông cánh nó xanh-biết như lơ. mình nó nhỏ, mỏ nó dài; lông ức nó màu hung-hung nâu, coi xinh lạ. Nó thu hình trên cành tre, cổ rụt lại, đầu cúi xuống như kiểu soi gương. Nó lẳng-lẳng như vậy khá lâu, ai cũng tưởng nó nghỉ.

Vụt một cái, nó lao đầu xuống nước rồi lại bay vút lên, nhanh như cái cắt: trong cái mỏ dài và nhọn, người ta thấy một

con cá nhỏ mình trắng như bạc mắc nằm ngang.

Bay lên cành cao, lấy mỏ đập đập mấy cái, nó nuốt xong mồi rồi lại xuống đỗ nhẹ-nhàng trên cành tre như trước

Lê - văn - Hòe



PHÁT ÂM.— Tre, rất, treo-leo, rụt, soi, trong, trắng.

GIẢI NGHĨA.— Treo-leo: không vững-vàng, dễ đỗ, dễ rơi. Ưc: ngực. Cắt: loài chim dữ bay đánh các giống chim nhỏ khác.

CÂU HỎI.— Con chim bóí cá đỗ ở đâu? Lông nó thế nào? Mình nó thế nào? Khi nó đỗ thu hình thì đầu nó, cổ nó thế nào? Vụt một cái nó làm gì? Nó bắt được gì? Nó làm thế nào mà nuốt được mồi? Tại sao người ta gọi giống chim này là chim bóí cá?

75.— EM BÉ VÀ CON CHIM



— Chim ơi! Hãy xuống cùng ta,
Lồng son, ống sứ, đệm hoa sẵn-sàng.
Có gạo trắng, có kê vàng,
Ở đây no ấm, vẻ-vang một đời.

— Thôi, thôi! Ta đã biết rồi,
Lồng son cũng thể là nơi ngục-tù.

Hay gì cái kiếp ăn nhờ,
Cánh ràng, chân buộc, quyền do ở người.

Chỉ bằng rừng nọ thanh-thời,
Tổ tuy bé nhỏ, nhưng đời tự-do!

Như-Tuyệt



PHÁT ÂM.— Son, sứ, sẵn-sàng, ràng-buộc.

GIẢI NGHĨA.— Kê: thứ ngũ cốc, hạt nhỏ sắc vàng.
Ngục-tù: những nhà giam người có tội. Ràng: chẳng nhiều
dây để buộc cho chặt. Tự-do: được thung-dung theo ý
muốn của mình, không bị ai bó buộc, kiềm-chế.

CÂU HỎI.— Em bé dỗ con chim thế nào? Con chim có
xuống không? Nó trả lời thế nào? Ăn nhờ thì mất quyền gì?
Con chim thích đời sống thế nào?

76.— CÁ VÀNG

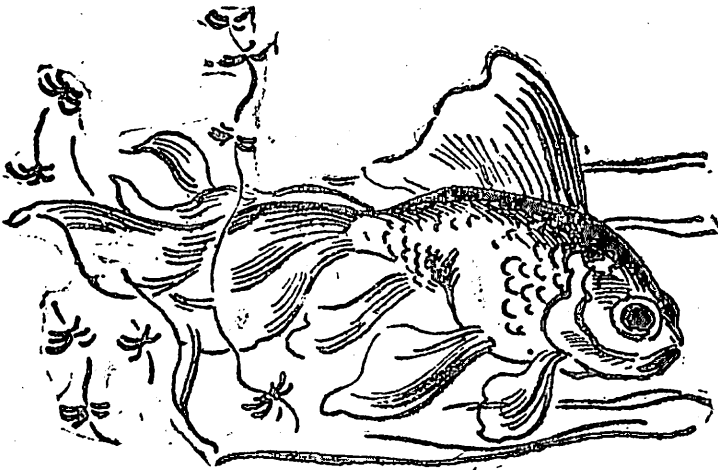
Trong bể, một con cá vàng to, màu đỏ tươi uốn-éo trên những cặp vây mỏng như những giải lụa hồng. Mỗi khi nó bơi lượn, những cặp vây chuyển động nhẹ như cái bơi chèo. Chiếc đuôi mềm-mại xòe ra như những cánh quạt lụa mỏng, vừa rộng vừa dài lê-thê.

Nó bơi thông-thả, hóp nước đều-dặn trong khi hai chiếc vây nhỏ ở bên tai luôn luôn mở ra khép vào. Khi nó bơi thẳng, khi nó quạt ngang, khi nó lách mình giữa đám rễ cây, hốc đá.

Thỉnh-thoảng, nó lên gần mặt nước, đớp một hạt nẻ, rồi lại nhả ra, rồi lại đớp lại, tưởng chừng như còn muốn đùa giỡn trước khi nuốt hẳn.

Một chiếc lá rụng làm mặt nước rung chuyển. Thế là chỉ trong nháy mắt, chú cá vàng đã lặn xuống đáy bể.

Vân-Trinh



PHÁT ÂM.— Trong, trên, ra, rất, rễ, giỡn, rụng, rung-chuyển.

GIẢI NGHĨA.— Uốn-éo : oằn mình bên này bên kia một cách mềm-mại. Lê-thê : dài lợt-thuột. Hốc đá : hang nhỏ.

CÂU HỎI.— Trong bể có gì ? Mỗi khi cá vàng bơi thì cặp vây chuyển-động thế nào ? Nó vừa bơi vừa làm gì ? Khi nào nó lên gần mặt nước ? Nó đớp hạt nẻ thế nào ? Tại sao nó lại lặn nhanh xuống đáy bể ?

77.— BẮT CÁ AO

Ao tát đã cạn. Cuộc bắt cá bắt đầu. Gần một chục người, đàn ông có, đàn bà có, trẻ con có, cõng trần, quần xắn quá đùi, cùng lội xuống. Bên sườn người nào cũng lủng-lẳng cái giỏ hoặc cái thòr dể đựng cá. Chân ngập bùn quá nửa, họ dăng thành một hàng dài từ bờ bên này sang bờ bên kia. Lưng cúi, tay mò, họ nhặt từ con tôm nhỏ.

Những chú « Cá chép » ; mình đầy vảy óng-ánh xanh đỏ, nằm ngửa bụng như chờ đợi họ đến bắt. Những chị « Cua » bò lồm-ngồm dể rồi gặp người, giơ vôi đôi càng ra chống cự. Ranh-mạnh nhất là những anh « Chuối », anh « Trê », cứ chúi xuống bùn và ngoi trong bùn lẫn trốn. Nhưng một con « Quả » lớn, hằm-hiu thế nào không trốn kịp. Tức thì cả đoàn người quây lại tóm được, hò reo ầm-ĩ.

Văn-Trinh

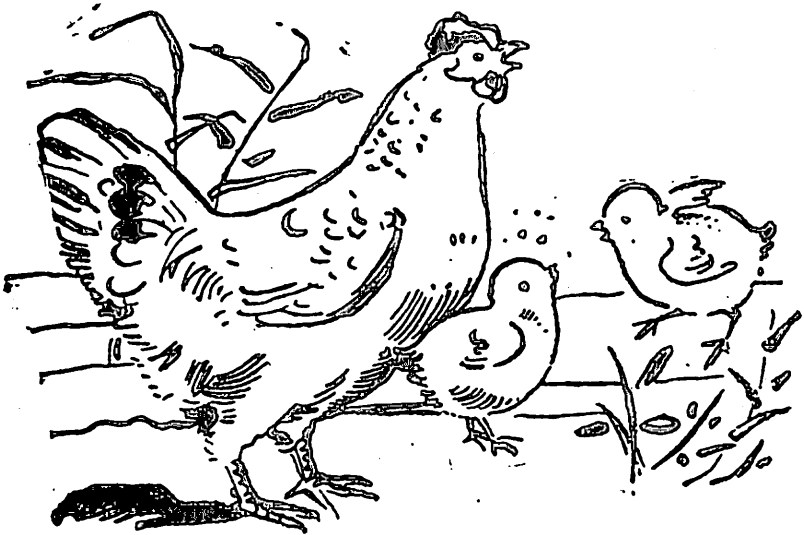


PHIAT ẨM.— Trần, sườn, giỏ, giơ, tre, trốn, tròn, hò reo.

GIAI NGHĨA.— Thời : đồ đan bằng tre dể nhốt cua, cá, ếch. Ngòi : rướn sức mà đưa mình đi. Hằm-hiu : không may.

CÂU HỎI.— Người ta tát ao dể làm gì ? Những người bắt cá ăn mặc thế nào ? Bên sườn, họ đeo gì ? Họ bắt cá thế nào ? Họ bắt được những thứ cá gì ? Những cá gì khó bắt ? Tại sao ?

78.— GÀ MẸ VÀ GÀ CON



Bên góc trại có đôi gà nọ,
Cùng anh em một ổ sinh ra.
Ngày ngày sát cánh vui hòa,
Cùng nhau bới đất gần, xa kiếm mồi.
Một bữa nọ, sân rơi hột đỗ,
Hai con cùng dăm bở tranh nhau.
Tranh nhau không được, đánh nhau,
Đánh nhau đến đổi sây đầu toạc da.
Gà mẹ biết liền ra mắng nhiếc :
« Chẳng thương nhau, chỉ thiết miếng mồi !
Khôn-ngoan đá-đáp người ngoài,
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau ».

Như-Tuyết



PHÁT ÂM.— Trại, sinh ra, sát, sân, rơi, tranh, sây đầu.

GIẢI NGHĨA.— Ổ : chỗ rải rơm rác cho gà đẻ và ấp cho yên ấm. Mồi : đồ ăn của chim, gà kiếm được. Dăm bở : húc dầu vào. Đối đáp : trả lời lại, địch lại, cự lại.

CÂU HỎI.— Bên góc trại có đôi gì ? Ngày thường, chúng cùng đi với nhau thế nào ? Một bữa, sây ra việc gì ? Hai con đánh nhau thế nào ? Gà mẹ mắng thế nào ? Bài này khuyên anh em, chị em ruột phải ăn ở với nhau thế nào ?

79.— CON HỒ

Hồ có cái oai đặc biệt, các loài cầm thú trừ trâu mộng, voi rừng, còn con gì thấy hồ cũng kinh sợ thất đảm, run lên không bước được. Chó giữ nhà thấy hồ đến, cúi xuống gằm giường, kêu không ra tiếng. Ngựa nghe tiếng hồ cũng cúi đầu vào bụi, hai chân sau đá vung trời không chạy được.

Sức hồ khỏe lắm. Một mình tha một con bò, con ngựa là thường. Có khi nhảy vào chuồng bò cẩu chết con bê, rồi để lên vai nhảy ra, một chân giữ bê, ba chân chạy.

Tính hồ tham-lam vô cùng và tục-tần hết sức. Bắt được con mồi to, ăn cho chán-chê, còn thừa để đó. Hôm sau lại đến ăn, có khi thịt thối, xương khô, cũng ăn cho kỳ hết. Vì thế, nhiều khi hồ bị thuốc độc hoặc bị bắn chết.

Song-An



PHÁT ÂM.— Trâu, sợ, trời, run, giữ, giường, ra, sức.

GIẢI NGHĨA.— Oai: vẻ tôn-nghiêm làm cho người ta phải kinh-sợ. Đặc-biệt: riêng hẳn, khác thường. Cầm-thú: cầm là loài chim, thú là giống vật có bốn chân. Thất đảm: sợ mất mật, kinh hồn. Tục-tần: thô bỉ.

CÂU HỎI.— Con hồ có oai thế nào? Các loài vật trông thấy nó thì làm gì? Sức hồ khỏe thế nào? Nó bắt bê và vác bê thế nào? Tại sao hồ dễ bị thuốc độc hoặc bị bắn chết?

80.— CẢNH SƠN LÂM

Theo con đường đất đỏ gập-nghềnh, khuất-khúc giữa ngàn cây vô tận, chúng tôi tiến sâu mãi. Bên vệ đường, cỏ cao đến ngực. Mấy tảng đá lớn chông-chất như choán cả lối đi. Đó đây ít vũng nước đọng, chòm dừa-dại phe-phẩy uốn mình. Muôn hoa rừng hé miệng, tô-diểm cảnh thiên-nhiên thêm phần ý-nhị. Từ bụi rậm, đàn chim con, lông xanh óng mượt đang nhầy-nhót thấy bóng người, nháo-nhác tung bay.

Bên kia, dòng suối quanh-co uốn khúc. Nước trong như lọc, đàn cá tung-tăng cố sức lội ngược dòng.

Đây là thác Đê - Linh nằm trên chòm núi cao, giữa hai trái núi thâm - u. Dòng nước trong xanh từ trên cao dội xuống ào-ào trắng-xóa. Hơi nước tung lên, đứng xa trông như những làn khói vẽ chiều.

Phong-cảnh thực hùng-vĩ và ngoạn-mục vô cùng.

Minh-Châu
(Ban-Mê-Thuật)

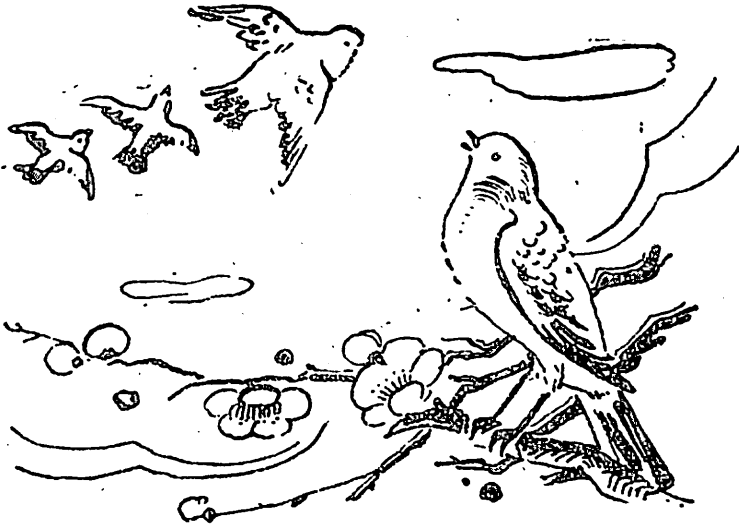


PHÁT ÁM.— Giữa, sâu, rừng, rậm, trái núi, dòng suối, trắng - xóa.

GIẢI NGHĨA.— Vô - tận : không bao giờ hết được. Choáng : Ngần. Ý nhị : tươi đẹp, có duyên-dáng. Thâm-u : sâu thăm và tối-tăm. Hùng - vĩ : mạnh-mẽ và to lớn. Ngoạn-mục : đẹp mắt.

CÂU HỎI.— Con đường vào rừng thế nào ? Hai bên đường có gì ? Tại sao đàn chim nháo - nhác bay ? Nước suối thế nào ? Nhìn dòng suối thấy gì ? Thác Đê - Linh thế nào ? Hơi nước tung lên trông xa như gì ? Phong - cảnh khu này thế nào ?

81.— CHIM VIỆT



Con chim Việt đậu cành Nam,
Dầu cay dầu đắng cũng cam tâm lòng.
Cành Nam chim Việt cùng chung,
Cùng đàn cùng giống mà cùng nước non.
Chim lớn thì bảo chim con,
Nghìn đời muôn thuở vẫn còn cành Nam.
Chăm lo, chăm học, chăm làm,
Cố sao giàu mạnh, vẻ-vang nước nhà.

V.H.T.C.



PHÁT ÂM.— Giống, sao, giàu.

GIẢI NGHĨA.— Chim Việt đậu cành Nam : con chim nước Việt vì nó sanh ra ở phương Nam, nên nó hay làm tổ hoặc hay đậu ở cành về phía Nam. Ý nói lòng người ta bao giờ cũng nhớ đến quê-hương và không quên được Tổ-quốc.

CÂU HỎI.— Con chim Việt tại sao hay đậu ở cành Nam ? Người ta khi đi xa thì nhớ đến gì ? Những người ngụ ở nước ngoài thì nhớ đến gì ? Muốn cho nước mình được giàu mạnh, vẻ-vang thì phải làm thế nào ?

32.— TRẠI ĐỊNH-CƯ HỒ-NAI

Suốt 12 cây số, khu nọ kề tiếp khu kia ở hai bên lề đường đi Đà-lạt, hết khu Hải-phòng đến khu Hà-nội, Thái-bình, Thanh-hóa, Bùi-chu, Bắc-ninh,

Nhà dựng liên-tiếp, khu thì vách gỗ mái tôn, khu thì nhà tranh vách nứa. Mỗi bên lề là năm dãy nhà, cứ năm căn lại kề một con đường thẳng, vuông vắn như trên họa-đồ.

Giữa mỗi khu có đủ chợ búa, trường học, nhà thờ, nhà phát thuốc, trụ-sở hành-chính.

Vườn rau cải đã bắt đầu mọc xanh um bên suối trong, nước tuôn róc-rách. Chiều về, mái nhà nào cũng tỏa khói bay lơ-lửng. Con trẻ vui chơi ngoài sân như ở quê nhà.

Thật là một thị-trấn nhỏ kết-hợp mọi tinh hoa từ tứ-phương dồn tới, vật lộn với Tào-hóa để giành quyền sống

Trích báo Thế-giới Tự-do



PHAT ÁM.— Trại, suốt, số, nhà tranh, tre, trụ-sở, suối trong, róc-rách, thị-trấn, giành.

GIẢI NGHĨA.— Hồ-nai : một thị-trấn nhỏ mới thành-lập ở hai bên lề quốc-lộ số 1, cách Biên-hòa 10 km. Trụ-sở : nơi làm việc của cơ-quan hành-chính. Thị-trấn : chỗ người ở đông-dúc. Tinh-hoa : ý nói những người tài - giỏi nhất. Vật-lộn với Tào-hóa : đây là đốt phá rừng hoang để lấy đất ở và trồng-trọt.

CÂU HỎI.— Trại định-cư Hồ-nai ở đâu? Trại này chia làm mấy khu? Là những khu nào? Những nhà ở làm bằng gì? Giữa mỗi khu có những công quán gì? Quang cảnh trại thế nào? Thành lập được trại Hồ-nai, người dân di-cư đã phải vất-vả thế nào?

83.— ĐI SĂN

Vai đeo súng, Dững chạy xuống chân đồi. Con chó săn lực-lượng như một con bê mộng vươn mình đuổi theo trên con đường đất đỏ. Có khi nó vượt lên trước Dững, có khi nó lùi lại phía sau. Hai tai cao nhọn vểnh lên để thu từng hơi động nhỏ trong bụi cây kẽ lá. Bụng nó thót lại. Chân nó đuổi dài, nhẹ như chân thỏ.

Bóng một con chim gáy trong bụi rậm! Dững ngấm bấm cò. Cùng theo tiếng nổ, con chim rơi tại chỗ. Chó săn rúc vào, ngoạm xác con chim, chạy ra với một vẻ mừng đắc thắng.

Dững tiến sâu vào. Hai bên đường, cỏ cao quá đầu gối. Chó săn xông pha tìm kiếm. Có lúc không nhìn thấy nó đâu, có khi chỉ nghe thấy tiếng xủa hoặc trông thấy cái đuôi ve-vẩy trên ngọn cỏ dầy.

Theo Ngọc-Giao



PHAT ÁM.— Súng, săn, trước, sau, rậm, rơi, rúc, sủa.

GIẢI NGHĨA.— Săn : rượt bắt các thú-vật ở rừng núi. Bê mộng : bò con to béo. Hơi : tiếng động nhẹ. Đắc-thắng : đánh được. Tiến : bước thẳng lên.

CÂU HỎI.— Dững đi đâu? Có vật gì theo Dững? Hình dáng nó thế nào? Thấy bóng con chim gáy, Dững làm gì? Khi bắn trúng thì chó săn làm gì? Rồi Dững đi đâu nữa? Lúc ấy chó săn xông-pha thế nào? Để làm gì?

34.— MỘT NGÀY VỀ

(Trang tặng chiến-sĩ Rừng-Sắt)



Đoàn quân bách-chiến đã về đây,
Về giữa lòng dân ngây-ngất say.
Điệp-khúc khải ca rung-chuyển đất,
Đỏ - thành hoan - hỉ rợp cờ bay.

Đây những người trai của nước non,
Vì dân khinh chết, phận lo tròn.
Ra đi một chuyến, danh muôn thuở,
Cứu-quốc, trừ gian, dạ sắt - son.

Hề-Quyến



PHÁT ÂM.— Giữa, say, rung-chuyển, rợp, trai, trừ gian, sắt son.

GIẢI NGHĨA.— Bách-chiến: đánh trăm trận. Say: vui sướng quá. Điệp-khúc: câu hát lại. Khải-ca: bài hát thắng trận. Hoan-hỉ: vui vẻ. Sắt son: ý nói người trung-nghĩa, thành-thực. Gian: đây là quân phiến-loạn.

CÂU HỎI.— Đoàn quân từ đâu về? Họ đã lập được công gì? Dân chúng đón tiếp thế nào? Những chiến-sĩ ấy là ai? Họ hy-sinh cho ai? Và để làm gì? Đối với các chiến-sĩ ấy ta phải thế nào?

VIII-- CHỦ-ĐỀ : THÀNH-THỊ

85.— SÀI - GÒN

Sài gòn, thủ-đô nước Việt-Nam Tự-do là một Hải-cảng quan-trọng nhất ở Châu-Á, một đô - thị lớn có những đường rộng-rãi, mát-mẻ và những lâu-đài, công-viên tráng-lệ.

Về phương Nam, đô-thành Sài-gòn tiếp giáp với con sông cũng mang tên Sài-gòn. Sông này đổ ra biển Nam-hải, là một đường thủy rất tiện-lợi cho các thương-thuyền. Khánh-hội, một bến tàu sầm-uất ở liền ngay trung-tâm thành-phố, xuất-cảng gạo, gỗ teck, cao-su lá, bông gạo hạt tiêu và cùi dừa.

Phi-trường Tân-sơn-nhất cách Sài-gòn độ 6 cây số, được coi như là một phi-trường to nhất Viễn - Đông. Phi trường này góp phần rất lớn vào công-cuộc xây-dựng một nền kinh-tế và thương-mại phồn-thịnh cho nước Cộng-hòa Việt-Nam.

Theo báo Thế-giới Tự-do



PHÁT ÁM.— Quan-trọng, rộng - rãi, tráng - lệ, sầm-uất, trung-tâm, cao-su, phi-trường, xây-dựng.

GIẢI NGHĨA.— Tráng - lệ : to-tát, đẹp-dẽ. Thương-thuyền : tàu bè chở hàng buôn. Sầm-uất : đông-dúc. Phi-trường : bãi máy bay. Kinh-tế : sự làm cho sinh-hoạt của nhân-dân được đầy-dủ.

CÂU HỎI.— Sài-gòn là một đô-thị thế nào? Sài-gòn còn là gì nữa? Phía Nam đô-thành Sài-gòn có sông gì? Sông này có ích gì? Kể những hàng xuất-cảng ở bến Khánh-hội? Phi-trường của Sài-gòn ở đâu? Phi-trường Tân-sơn-nhất là một phi-trường thế nào?

86.— NHỮNG CÔNG-THỰ Ở SÀI-GÒN

Những tòa công-thự đẹp-đẽ xây cất theo kiểu Đông-phương hoặc Tây-phương, làm cho thành-phố nhuộm một tính cách đặc-biệt.

Đáng chú-ý nhất là Đài Kỷ - niệm dựng trong Sở Thú, để suy-tưởng hương-hồn các vị anh-hùng dân tộc đã bỏ mình vì Tổ-quốc.

Viện Lão-tàng là một nơi mà những người yêu mỹ-thuật phải đến thăm. Bao nhiêu đồ cổ quý-giá trong đó chứng tỏ rằng đã từ lâu Việt-Nam có một trình-độ văn-hóa tới mức rất cao.

Nhà thờ Đức Bà, xây bằng gạch đỏ với hai gác chuông cao ngất với những cây « Thánh giá » bằng sắt uốn theo kiểu La-Mã, là một công-trình kiến-trúc xuất-sắc nhất.

Ngoài ra, còn tòa Đô-sảnh vĩ-đại và cổ-kinh thường được dùng làm nơi nhóm họp của các Hội-nghị quốc-gia và quốc-tế.

Theo báo Thế-giới Tự-do



PHAT ÂM.— Sở thú, suy-tưởng, quý giá, trình-độ, thánh-giá, công-trình, kiến-trúc, xuất-sắc, đô-sảnh, quốc-gia.

GIẢI NGHĨA.— Công-thự : tòa nhà công. Suy-tưởng : nhớ nghĩ đến. Mỹ-thuật : nghệ-thuật trình bày những cái khéo, cái đẹp. Văn-hóa : sự giáo-dục đã được thấm-thía vào trí-não người ta. Thánh giá : cái giá hình chữ thập. Kiến-trúc : xây-dắp. Xuất-sắc : đặc-sắc, khác người, hơn người.

CÂU HỎI.— Những công-thự ở Sài-gòn xây cất theo kiểu gì ? Tòa nhà nào được chú-ý nhất ? Tại sao ? Trong viện Bảo-làng có gì ? Những đồ cổ của ta chứng tỏ gì ? Nhà thờ Đức Bà có gì đặc-sắc nhất ? Tòa Đô-sảnh thế nào ? Thường dùng làm gì ?

87.— QUANG CẢNH ĐÔ-THÀNH NGÀY BẦU QUỐC-HỘI

Ngày bầu Quốc-hội
cảnh vui hòa,
Rực-rỡ cờ treo
khắp mọi nhà.
Phổ-sá tung bừng
trong nắng sớm,
Áo quần riêm-rúa
ngựa xe qua.

Bích-chương biểu
ngũ đẹp như hoa,
Hùng-tráng vang
lừng khúc hợp-ca,
Phòng phiếu huy-
hoàng đầy, đỏ mở,
Sóng người lớp,
lớp đến tham-gia.

Từ bạn thanh-niên
đến cụ già,
Nét mừng hiện-
hiện lúc đi ra :

Lá thăm vừa bỏ là viên gạch,
Xây - dựng muôn năm nước Cộng-hòa.

Như-Tuyết



GIẢI NGHĨA.— Tung-bừng : rộn-rịp vui-vẻ, riêm-rúa : sạch - sẽ, sáng-sủa, đẹp. Bích - chương : giấy tờ chữ in để dán tường cho mọi người trông thấy. Biểu - ngữ : một câu ngắn viết vào vải hay vào giấy to. Hợp - ca : nhiều người hát đồng thanh. Tham-gia : dự, góp phần vào. Hiện-hiện : tỏ ra rõ-ràng.

CÂU HỎI.— Ngày bầu quốc-hội, cảnh phố thế nào ? Trên các tường, người ta trông thấy gì ? Trong phố, người ta nghe tiếng gì ? Ở cửa những phòng phiếu, người ta trông thấy gì ? Những người vào bỏ phiếu rồi, lúc ra trông về mặt thế nào ? Tại sao ?

88.— ĐÀ - LẠT

Nói đến Đà-Lạt người Việt ta từ Bắc chí Nam không mấy ai là không biết tiếng.

Đó là một thị-trấn xinh-xinh, đầy thơ-mộng, nằm trên dải đồi cao hơn một ngàn mét. Nơi đây có hồ Than-thở, quanh năm một làn sương mỏng bao-phủ, rừng Ái-ân suốt tháng thông reo, thác Cam-lý với những bậc đá thấp, nước đổ ào-ào. Ở ngay bên thị-trấn, thác ngày càng làm cho cái đẹp thiên-nhiên của Đà-Lạt thêm phần hùng-vĩ.

Không những đẹp về cảnh, Đà-Lạt lại còn là một trong những nơi khí hậu tốt nhất ở Việt-Nam.

Đà-Lạt với « tên không » của nó, cũng đủ để quyến-rũ khách nhàn du rồi, không cần phải điểm lục tô hồng thêm nữa.

Trịnh-Bình-Đăng



PHÁT ÂM.— Thị-trấn, reo, quyến-rũ.

GIẢI NGHĨA.— Chí: đến. Thị-trấn: chỗ người ở đông đúc, thành phố. Hùng-vĩ: mạnh-mẽ lớn-lao. Nhàn du: thông-thả đi chơi. Điểm lục tô hồng: vẽ vôi màu xanh màu đỏ, ý nói tả hay, nói khéo.

CÂU HỎI.— Đà-Lạt là một thị-trấn thế nào ? Ở đâu ? Đà-Lạt có những cảnh gì đẹp ? Không kể cảnh đẹp, Đà-Lạt còn nổi tiếng bởi gì nữa ? Những khách nhàn-du thường đến Đà-Lạt để làm gì ?

89.— MỘT THÀNH-PHỐ NHỎ

Ở trên xe lửa bước xuống, tôi đã thấy hiện ra những tòa nhà ngói san-sát bên nhau, rời từ sân ga, tôi theo con đường về phố.

Trước mặt tôi trên một khu đất cao ráo, tòa Tỉnh-Đường đồ-sộ, oai nghiêm với lá quốc-kỳ bay phất phới trong đám cây xanh. Bên cạnh rải-rác những cơ-quan quân-sự với những tấm biển vàng trước cổng, mà ở đây, người chiến-sĩ quốc-gia, đến phiên mình gác, đang đi đi lại lại, tay cầm súng.

Ở cuối phố trong khu vườn rộng-rãi, tháp nước đứng ngạo-nghe giữa những hàng cây cao, in bóng xuống dòng sông bên cạnh.

Vào quán nghỉ chân, tôi vắng nghe những bản nhạc hùng tráng từ một cơ-quan Thông-tin đưa lại. Lòng tôi nao-nức một niềm vui mới.

Theo Phạm-văn-Tĩnh
(Phan-Thiết)



PHÁT ÂM.— San-sát, cao ráo, đồ sộ, rải rác, chiến-sĩ, quốc-gia, súng.

GIẢI NGHĨA.— San-sát : ở liền nhau. Đồ-sộ : to lớn. Tháp nước : thứ bệ tròn dựng trên những chân cao, chứa nước máy để dẫn đi các phố. Ngạo-nghe : coi khinh coi thường, ý nói cao hơn cả. Cơ-quan : một bộ-phận quan-yếu của một công cuộc gì, đây là phòng, là sở.

CÂU HỎI.— Ở trên xe lửa bước xuống, khách đã trông thấy gì ? Tòa Tỉnh-Đường ở chỗ nào ? Bên cạnh là những sở gì ? Tại sao biết đây là những cơ-quan quân-sự ? Ở cuối phố, có gì đáng chú-ý ? Người trong quán khách nghe thấy gì ? Những bản nhạc hùng-tráng đã làm cho lòng khách thế nào ?

90.— KÍNH MỪNG NGÔ TỔNG-THỐNG

Hương, Bình non
nước thiêng-
liêng,
Anh-hùng sinh lúc
ngửa-nghiêng
sơn-hà.
Hai vai nợ nước,
thù nhà,
Mãi gươm dưới
bóng trăng tà
bao năm.

Quyết lòng xây
lại trời Nam,
Trừ Phong, Thục,
Cộng kiện-toàn
quốc-gia.
Lập nên chính-
thể Cộng-hòa,

Muôn người hạnh-phúc, muôn nhà vui tươi.



Nước non rầy đã có người,
Đáng ngôi Tổng-thống đề dời cậy trông.
Toàn dân cương-quyết một lòng,
Cùng Người xây-dựng Công-bằng, Tự-do.

Nam-Chi



PHÁT ÂM.— Sinh, trắng, gương, quốc-gia, rầy, cậy trông.

GIẢI NGHĨA.— **Hương, Bình**: sông Hương-giang với núi Ngự-Bình, chỉ phong cảnh Huế, nói rộng ra là phong cảnh Trung-Việt. **Mãi gươm dưới trăng**: nung nấu chí căm thù. **Kiến-toàn**: làm cho mạnh-mẽ, bình-an. **Rầy**: từ nay. **Ngôi**: vị, bậc.

CÂU HỎI.— *Que Ngô Tổng-thống ở đâu? Đa từ lâu, ngài có chí gì? Nay ngài quyết tâm làm gì? Chính-thể Cộng-hòa đã đem lại gì cho nhân-dân? Dưới sự lãnh-đạo anh - minh của ngài, toàn dân có bồn-phận gì?*

C1.— BUỔI SÁNG TRONG THÀNH-PHỐ

Trên khắp các ngã đường, kẻ gánh người gồng, lũ-lượt kéo nhau tới chợ.

Ở hai bên đầu cầu, có một cảnh tấp-nập hiện ra, xe xích-lô, xe đạp, xe hơi cùng với khách bộ-hành, nối đuôi nhau chờ đến lượt qua sông. Trong ánh nắng sớm mai, những tà áo trắng của các em nữ-sinh tản ra các nẻo đường, đẹp như đàn bướm lượn.

Trong phố, các hàng đã mở cửa. Người ta trông thấy những ngôi hàng vải, những hiệu tạp-hóa không to lớn lòe-loẹt, nhưng nhã-nhặn ưa nhìn.

Mới sáng ra, phòng Triển-lãm đã rộn-rịp kẻ ra người vào, trông những bức ảnh trên tường, người ta nhận thấy nỗi hân-hoan vô bờ-bến của nhân-dân ở đây trong những cuộc biểu-tình ngày Trưng-cầu dân-ý, những buổi lễ lớn để chào mừng Ngô Tổng-thống và nhất là ngày bầu quốc-hội.

Theo báo Nhân-Loại



PHÁT ÁM.— Sớm mai, trắng, nữ-sinh, sáng ra, triển-lãm, rộn-rịp, trưng-cầu.

GIẢI NGHĨA.— Bộ-hành : người đi bộ. Tản : tan ra từng đám nhỏ. Nhã-nhặn : thanh-tao. Triển-lãm : phò bày những thứ đẹp, thứ khéo cho mọi người xem. Hân-hoan : vui mừng. Trưng-cầu dân-ý : tìm hỏi ý-kiến của toàn dân.

CÂU HỎI.— Sáng sớm, trên các ngã đường, người ta thấy gì? Ở hai bên đầu cầu, có cảnh gì tấp nập? Trong phố, các cửa hàng thế nào? Phòng triển lãm trình bày những gì? Những bức ảnh treo trên tường biểu lộ gì?

92.— ĐỐI VỚI THÀNH-PHỐ EM

Khi em ra phố, có ai hỏi thăm đường, em phải trả lời cho có lễ-phép, đừng chề-nhạo ai, đừng chạy nhẩy, nô-đùa, đừng hò-reo, xô đẩy. Em phải biết rằng chỉ liếc trông cái cử-chỉ của nhân-dân đi ngoài phố mà người ta có thể xét đoán được trình-độ giáo-dục của cả một dân-tộc.

Nếu một mai, em phải đi xa, em sẽ thấy hình-ảnh thành phố em, là nơi chôn rau cắt rốn, là chốn quê-hương của tuổi thơ, hiển-hiện luôn luôn trong óc em. Ở thành phố ấy, em đã tập đi những bước đầu tiên do tay mẹ em dắt; ở thành phố ấy, em đã học bài thứ nhất do thầy em dạy. Vậy em hãy yêu tỉnh-thành em cùng là phố-sá và nhân-dân, hễ ai nói động tới thành phố em, em phải hết lòng bênh-vực.

Hà-mai-Anh

(Tâm-hồn cao-thượng)



PHÁT ẨM.— Trả lời, hò reo, trình-độ, giáo-dục, chôn rau, cắt rốn, phố xá.

GIẢI NGHĨA.— **Cử-chỉ**: cách đi đứng, cất nhắc. **Trình-độ**: mức cao hay thấp. **Giáo-dục**: dạy dỗ, mở mang, trí thức, rèn luyện tâm-tính. **Hiển-hiện**: tỏ ra, bày ra rõ ràng.

CÂU HỎI.— Khi ra phố em phải giữ-gìn thế nào? Tại sao? Khi đi xa, em có quên được thành phố em không? Tại sao? Khi nhớ đến thành phố thì em nhớ đến ai nữa? Hễ ai nói phạm đến thành phố em, thì em có bôn phạt gì?

93.— CẢNH THÀNH-PHỐ BAN MAI

Đèn điện vừa mới
tắt,
Kẻ gánh gồng
thoán-thoắt,
Từ ngoại - ô kéo
vào,
Bán sớm mai cho
đất.

Hàng quà cùng
hàng cháo,
Tiếng rao, mời
huyền-náo.
Một em bé đạp xe,
Đèn từng nhà đưa
báo.

Cửa hàng mở sáng
chcang,
Xe đi lại ngập
đường.
Người công-nhân
đèn xướng.

Các em bé ra trường.
Rộn-rã khắp phố-phường,
Lao-động cùng doanh-thương.
Sau một đêm thư-thái,
Mạch sống lại tăng-cường.



Như-Tuyệt

GIẢI NGHĨA.— Ngoại ô : ở ngoài châu-thành. Huyền-náo : ồn-ào. Lao-động : những người làm-lụng khó-nhọc, thợ-thuyền. Doanh-thương : mưu việc buôn-bán để kiếm ăn. Thư-thái : thông-thả, nghỉ-ngơi. Mạch-sống : sức sống, sự hoạt-dộng. Tăng-cường : thêm mạnh.

CÂU HỎI.— Đèn điện trong thành phố vừa tắt, những người ở ngoại ô vào làm gì? Sáng sớm, người ta hay bán những quà gì? Tại sao em bé phải đạp xe đi đưa báo? Khi các hàng đã mở cửa, thì người ngoài đường có ai đi lại? Người ta đi tại để làm gì? Buổi sáng, quang-cảnh phố trông thế nào?

94.— CÔNG XE LỬA

Trên đường cái, xe cộ đi lại rộn - rịp. Đến gần đường sắt, bỗng có tiếng kèn : toe ! toe ! rồi tự-nhiên hai cây buồm dài từ từ hạ xuống chắn ngang đường.

Các xe ô-tô, mô-tô, xe đạp đều hãm lại. Chỉ trong hai phút, người ta thấy đủ các thứ xe tụ lại san-sát ở hai bên đường-tàu. Tiếng động-cơ phành-phạch nổ sốt ruột.

Đường đã chật ních, một chiếc xe xích-lô máy còn định phóng lên hàng đầu. Bình-tĩnh có mấy xe thô-mô thông-thả dẹp vào bên đường. Con ngựa được nghỉ, vươn cổ lên, cái đuôi ve-vẫy.

Sau một tiếng còi inh-tại, đoàn tàu xinh-xích kéo đến. Những làn khói đen phùn - phụt bốc lên. Tiếng bánh xe xoèn-xoẹt ghê người.

Tàu vừa qua. Hai cây buồm từ từ mở lên. Các xe lại chen-chúc, len-lỏi, nối nhau chạy.

Như-Tuyết



PHÁT ÂM.— Rộn-rịp, sắt, san-sát, sốt ruột, sau.

GIẢI NGHĨA.— Tụ : họp lại. San-sát : liền nhau. Động-cơ : máy phát-động. Phóng : cho chạy thật nhanh. Thở mợ : thứ xe ngựa chở người đi chợ.

CÂU HỎI— Có tiếng gì báo hiệu cho xe-cộ dừng ? Tại sao ? Kể các thứ xe tụ ở hai bên đường tàu ? Xe nào hay phóng nhanh ? Xe nào đi thông-thả ? Đoàn tàu đi qua, người ta thấy thế nào ? Tàu đi qua rồi, các xe cộ liếp-lục đi có dễ dàng không ? Tại sao ?

95.— XE ĐÒ BAN ĐÊM

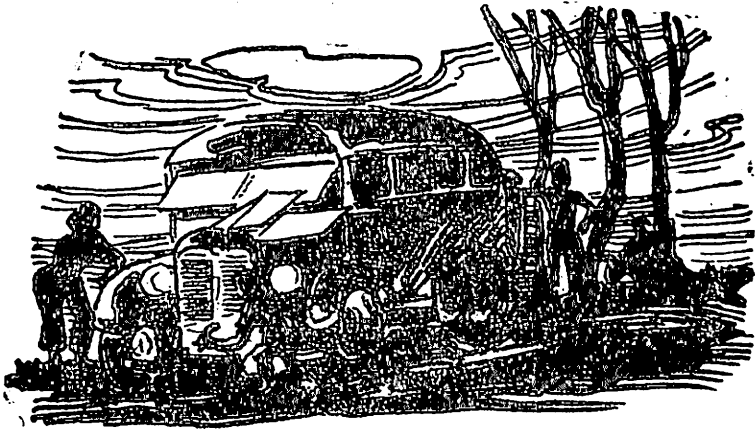
Chiếc xe quạt mãi than chưa hồng. Máy chú «ét» vừa phục-dịch vừa càu nhàu, hết quạt xè-xè như dổi, lại quay «ma-ni-ven» dùng dùng như phá. Chiếc xe cứ ỳ ra.

Nhưng rồi hòm than cũng rục lên, chiếu đỏ cả một góc đường. Lòng lữ-khách cũng nóng như lửa đốt.

Một hồi «ma-ni-ven» nữa. Chiếc xe lồng lên, rên hừ hừ rồi máy nổ vang rung cả vỏ sắt. Tất cả hành-khách đều trút một hơi thở dài lớn và lăm-le tranh nhau lên xe trước.

Xe chạy đến bãi tàu bay thì trắng tỏ. Ngồi trong xe nom rõ vành trắng vàng-vọt chơ vơ trên cánh đồng hiu quạnh. Đường xấu, xe long lên sòng-sọc, tưởng như bao nhiêu mũ ốc, đánh vít sắp tung hết cả ra như một chiếc xe trong phim hoạt-họa.

Trần-Cư



GIẢI NGHĨA.— **Ét**: do tiếng Pháp, người làm phụ. **Phục-dịch**: hầu hạ. **Dổi**: hờn giận, không bằng lòng. **Ma-ni-ven**: do tiếng Pháp, cái tay quay để quay cho máy chạy. **Lữ khách**: khách đi đường xa. **Hành khách**: khách đi tàu, đi xe. **Hiu quạnh**: vắng vẻ. **Phim hoạt-họa**: phim chiếu những hình vẽ hoạt động được.

CÂU HỎI.— *Chiếc xe hơi tả trong bài này chạy bằng gì? Chú «ét» quạt than để làm gì? Tại sao hành khách nóng ruột? Sau hồi «ma-ni-ven» cuối cùng, chiếc xe chuyển động thế nào? Tại sao hành khách tỏ ý mừng? Họ tranh nhau lên xe trước để làm gì? Đến quãng đường xấu thì xe chạy thế nào?*

93.— BẮC PHU XE

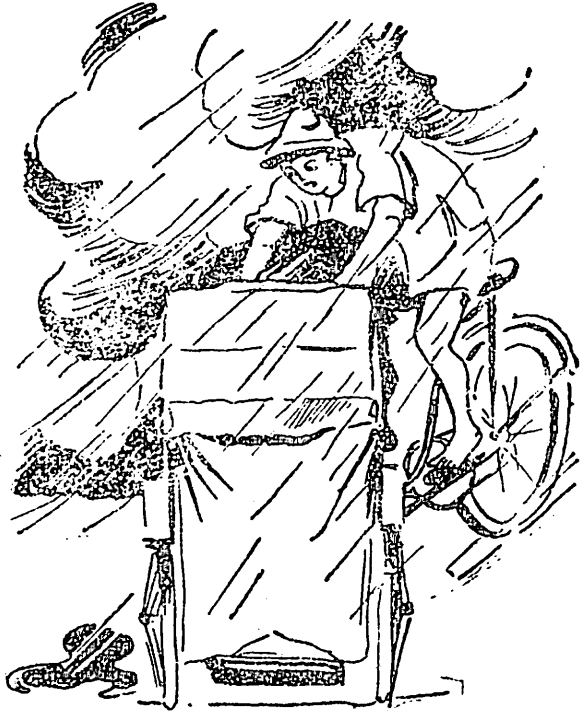
Trời mưa như trút
nước,
Đường nhựa bóng
như gương.
Gió rung, gào, gió
thét,
Nhìn cây cối mà
thương.

Giờ chỉ còn mấy
bác,
Phu xe cứ chạy
đều.
Chân đạp, tay bẻ
lái,
Gắng lướt gió
ngược chiều.

Dưới trời mưa
ướt át,
Dưới gió rét căm-
căm.

Người phu xe cảm thấy,
Cả thân thể như dần.

..



Trong cơn mưa gió đó,
Ai ngồi ở trong nhà,
Có dễ ý nhìn qua,
Những con người lao khổ?

Theo Xuân-Chính



GIẢI NGHĨA.— Trút nước : đổ dốc xuống. Lướt : rập
ngã về một bên. Căm-căm : nói bộ run rẩy bầy. Dần : đập
cho mềm ra ; đau như bị đánh đập khắp mình. Lao khổ :
làm lụng vất-vả.

CÂU HỎI.— Trời mưa thế nào ? Gió thế nào ? Ngoài
đường chỉ còn ai đi lại ? Tại sao bác phu xe phải gắng sức
đạp ? Vận động quá sức mình, bác phu xe thấy thân-thể thế nào ?
Trong lúc ấy những ai được êm ả ? Họ có nghĩ đến đời sống
vất-vả của người phu xe không ?

IX.—CHỦ-ĐỀ: NGHỀ-NGHIỆP

97.— LÒ RÈN

Lò rèn bác Kha ở gian lều cuối chợ. Suốt ngày, tiếng búa đập chan-chát vang dội cả góc thôn.

Bác phó mặc chiếc may-ô mỏng, mồ hôi thấm, dính liền da, cái quần xanh cũ, nhọ đen nhiều chỗ. Những bắp thịt cánh tay bác nổi lên rắn-chắc không kém thoi sắt bác đang đặt vào lò.

Cạnh lò, một em bé kéo bễ, hai tay lên xuống nhịp-nhàng. Tiếng bễ thổi phì-phò. Những ngọn lửa nhỏ thập-thò ở kê than và cháy lem-lém. Trong giây lát, than và sắt đều biến thành sắc đỏ hồng.

Bác lấy kim gấp thoi sắt để trên đe, cầm búa đập vào đóm-đóp, hàng ngàn tàn lửa bắn tung ra tứ phía.

Thoi sắt dẹp ra và nguội dần. Bác lại bỏ vào lò nung và rèn mãi cho đến khi thành cái lưỡi dao mới thoi.

Như-Tuyệt



PHÁT ÂM.— Lò rèn, suốt, rắn chắc, thoi sắt, giây lát.

GIẢI NGHĨA.— Rèn : luyện sắt, dọt sắt thành khi-cụ. Bễ : thứ ống thụt bằng gỗ hay bằng sắt để dẫn không-khí vào lò than làm cho lửa cháy. Đe : đồ dùng bằng sắt, mặt phẳng, người thợ rèn để sắt lên mà dọt.

CÂU HỎI.— Lò rèn bác Kha ở đâu ? Khi làm việc, bác ăn vận thế nào ? Tại sao biết tay bác khỏe ? Một em bé làm gì ? Than cháy thế nào ? Khi thoi sắt đã đỏ, bác làm gì ? Khi bác cầm búa đập vào thoi sắt hồng, người ta trông thấy gì ? Bác rèn sắt một lần có thành lưỡi dao không ? Bác phải làm thế nào nữa ?

98.— THỢ HỚT TÓC

Bác xoa phần quanh cổ tôi rồi cái kéo tóc - tách, chiếc tông - đơ tành-tạch, tành-tạch cùng hai bàn tay uốn éo, múa lộn trên đầu tôi. Tôi ngồi yên nghe sự ngạc-nhiên mới-lạ bay trên thóp.

Mỗi chốc, bác giơ lên một miếng gỗ tròn có răng như răng lược thưa. Bác cứ cầm cái lược răng thưa ấy mà xát mạnh mạnh quanh chòm đầu tôi nhiều không biết là bao nhiêu lần. Bụi gàu bay trắng lộp, tôi nhắm miệng nheo mắt, đau đớn nghiêng-ngả theo đà tay bác xát. Đến lúc bác buông đầu tôi ra, tôi mở mắt, hai vành mắt nhắm chặt quá đã ướt - ướt. Bác lấy cái gương cho tôi soi. Tôi ngo-ngác, dần dần mới nhận ra được mình.

T. H.



PHÁT ÂM.— Rồi, trên, sự, giờ, tròn, răng, trắng soi.

GIẢI NGHĨA.— **Tóc tách** : tiếng kéo kều. **Tông đơ** : thứ kéo có nhiều răng sắc dùng để hớt tóc. **Thóp** : chỗ lỗ hở ở sọ trẻ con mới sinh, chưa liền hẳn. **Chòm** : phần cao nhất trên đầu. **Gàu** : da mụn ở trên đầu.

CÂU HỎI.— *Bác phó cạo xoa phần rồi àm gì ? Bác dùng chiếc lược tròn có răng thưa để làm gì ? Khi bác xát mạnh chiếc lược ấy trên đầu em, thì em thấy thế nào ? Tại sao em phải nhắm mồm, nheo mắt ? Khi em mở mắt, thấy hai vành mắt thế nào ? Tại sao khi soi gương, em lại ngo-ngác ?*

99.— CÔNG-NGHỆ LÀNG TÔI

Làng tôi chuyên
việc canh-nông,
Nhưng dân còn giữ
mấy công-nghệ
thường.

Sắn tre, đan thúng,
đan sàng,
Làm bàn, làm ghế, làm
giường bằng mây.
Lại nghề dệt cối,
xe đay,
Chiếu hoa, chiếc đậu
khắp nơi ra dùng.
Quay tơ kéo chỉ ra
công,
Dệt the, dệt lụa bán
trong xóm làng.
Từ ngày công-nghệ
mở-mang,
Xem ra đời sống dễ-
dàng hơn xưa.

Cổ công học-hỏi thi đua,
Hàng ta tinh-xảo há thua kém người.

Như-Tuyết



PHÁT ÂM.— Sắn, tre, sàng, giường, đời sống.

GIẢI NGHĨA.— Công-nghệ: các nghề chế-tạo ra đồ vật. Chuyên: làm riêng về một nghề gì. Đậu: hai sợi xe lại với nhau. Tinh-xảo: rành và khéo.

CÂU HỎI.— Dân làng em chuyên về nghề gì? Họ còn làm thêm những công-nghệ gì nữa? Thúng và sàng làm bằng gì? Họ dệt mấy thứ chiếu? Họ quay tơ kéo chỉ để làm gì? Tại sao đời sống làng em được dễ-dàng? Muốn cho nghề được tinh-xảo thì người thợ phải thế nào?

100.— XƯƠNG CỬA MÁY

Xương cửa Hiệp-Hòa ở ngay ven rừng Liên-Khang. Dưới mấy mái tôn cao ráo, những động cơ nổ đầy đó sinh-sịch như máy xe hơi.

Một súc gỗ lớn nằm giữa hai đường rầy, có đinh móc chặt xuống đất. Ở trên đường rầy, hai người thợ từ từ đẩy cái cửa máy đến. Lưỡi cửa nằm ngang, cuộn theo hình bầu dục treo ở, quay nhanh loang-loáng, bập vào đầu súc gỗ rồi tiến sâu vào. Tiếng cửa đi soèn-soẹt. Những mặt cửa đỏ đỏ và thơm hắc bắn ra hai bên như mưa. Chỉ trong vài phút là được một tấm ván phẳng-phiu, đều-dặn.

Người ta vác tấm ván đó sang « lưỡi cửa đĩa », hình tròn cạnh có răng như bánh xe đồng hồ để dọc cho thẳng cạnh hoặc cắt thành những thanh nhỏ.

Ngoài sân, mấy chiếc xe vận-tải lớn đang xếp những ván, những lách, những đà để chở về các trại định-cư.

Vũ-Bá-Ngọc



PILÁT ÁM.— Rừng, cao ráo, đường rầy, súc gỗ, sâu, soèn-soẹt, răng, sân, trại.

GIẢI NGHĨA.— Đường rầy: do tiếng Pháp, đường sắt cho xe lửa chạy; đây là đường cho máy cửa lăn đi. Lách; những thanh gỗ nhỏ và dài. Đà: những sà, những cột vuông. Trại định cư: khu các người di cư lập nghiệp.

CÂU HỎI.— *Xương cửa máy ở đâu? Máy chạy bằng gì? Chiếc cửa máy thế nào? Nó chạy thế nào? Còn thứ lưỡi cửa gì nữa? Lưỡi cửa đĩa dùng để làm gì? Xương cửa này sản xuất ra những hàng gỗ gì? Người ta mua những thứ gỗ này để làm gì? Dùng cửa máy, tiện lợi thế nào?*

101.— CẦN CÓ MỘT Lò ĐÚC THÉP

Những nông-cụ của ta như mai, cuốc, cày, bừa đều làm bằng thép. Muốn sản-xuất những dụng-cụ này, từ hàng chục thế-kỷ nay, ông cha chúng ta chỉ có một cách là « rèn », nghĩa là lấy cục thép bỏ vào lửa nung đỏ cho mềm ra, rồi dùng búa đập, nắn thành dụng-cụ.

Với phương-pháp cổ-truyền này, chúng ta không thể nào sản-xuất ra hàng lò sưởi cày, cuốc, hái, liềm, ván ván, đủ cung-cấp cho nhà nông với giá rẻ.

Vì thế, chỉ có lò đúc thép mới có khả-năng sản-xuất hàng loạt nông-cụ vừa nhanh chóng vừa rẻ tiền. Lò đúc thép này rất giản-dị, chỉ chuyên nấu « thép vụn » để đúc những điện-khí và vật-dụng nhẹ thôi.

Có một lò đúc thép như thế, nông-cụ mới đỡ khan hiếm và nông-nghiệp nước nhà mới mau phát-triển được.

Nam-Thanh



PHÁT ÂM.— Sản-xuất, rèn, cổ-truyền, sản ra, giá rẻ, rất giản-dị, phát-triển.

GIẢI NGHĨA.— Nông - cụ : đồ dùng của người làm ruộng. Sản-xuất : làm ra. Thế kỷ : khoảng thời-gian 100 năm. Cổ-truyền : từ đời xưa để lại. Cung-cấp : giúp cho những thứ cần dùng. Khả-năng : cái sức có thể làm được. Điện-khí : đồ dùng để làm ruộng. Phát-triển : mở-mang ra.

CÂU HỎI.— Nông-cụ của ta có những thứ gì ? Muốn làm các thứ ấy, người ta phải làm thế nào ? Cách rèn như thế có điều gì bất-liện ? Người ta có thể làm bằng cách nào nữa ? Có một lò đúc thép thì được những lợi gì ?

102.— NHỮNG BÀN TAY

Có những bàn tay
sạm nắng,
Tình thương gửi
luống cày thơm.
Quần chi cày sâu,
cuốc nặng,
Đất lành hò hẹn
áo cơm.



Có những bàn tay
lao động,
Bạn cùng sắt, thép,
tro, than.
Xưởng máy rộn-
rào sức sống,
Mai chiều búa thét
vang vang.



Có những bàn tay
rắn-rỏi,
Đáp lời đất nước lên đường.
Ôm súng giữ « mùa hoa mới »,
Cho toàn dân Việt vinh-quang.

Theo Trường-Linh

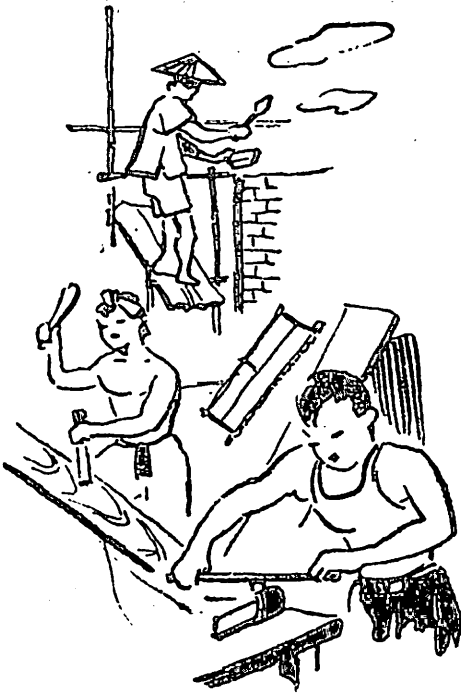


PHÁT ÂM.— Sạm, tro than, rộn-rào, súng.

GIẢI NGHĨA.— Sạm : r ám đen lại. Lao động : làm việc nặng nhọc. Rộn-rào : rộn-r ả, ồn- ào. Rắn r ỏi : c ồng chắc. Mùa hoa : mùa xuân. Vinh-quang : vẻ-vang.

CÂU HỎI.— Bàn tay sạm nắng là bàn tay người nào ? Người làm ruộng không quần khó nhọc để làm gì ? Bàn tay lao động là bàn tay ai ? Người thợ máy làm việc gì ? Tại sao biết công việc người thợ khó nhọc ? Bàn tay rắn r ỏi chỉ h ạng người nào ? Những người chiến-sĩ lên đường để làm gì ? Đối với những người nông-phu, thợ-thuyền, chiến-sĩ, ta phải tỏ lòng thế nào ? Tại sao ?

103.— QUÍ-TRỌNG NGHỀ LAO-LỰC



Chính vì con mà người nông - phu phải dầm mưa dãi nắng, mà người thôn - nữ phải quay tơ kéo chỉ thâu đêm. Vì con mà người thợ may thợ giày phải còng lưng, vì con mà tay người thợ nề, thợ mộc thành trai.

Chính vì con mà người bác-sĩ phải dẫn mình vào những nơi dịch - lệ, mà người thợ máy phải đứng trên đầu xe hỏa và người chiến-sĩ phải nằm gai nệm mật ở chốn sa - trường. Những người ấy có chết tại chỗ làm việc của họ, cũng vì con.

Tóm lại, những người ấy đã lao-tồn, đã hy-sinh cho đời con được êm-ấm, đầy-đủ.

Khi con đã hiểu thấu điều đó, không những con quý-trọng những người lao-lực là ân-nhân của con, mà về phần con, con cố học-hành để mai sau thành người hữu-ích.

Mai-Ngọc

PHÁT ÂM.— Thợ giày, trai, chiến-sĩ, sa-trường, hy-sinh.

GIẢI NGHĨA.— Nông-phu : người làm ruộng. Thôn-nữ : cô gái quê. Trai : chỗ da dầy lên vì làm việc nhiều. Dịch lệ : những bệnh truyền-nhiễm phát ra. Sa - trường : khoảng đất rộng-rãi nhiều cát ; nơi quân hai bên đánh nhau ; chiến-trường. Lao tồn : nhọc mệt, hao mòn người đi. Hy-sinh : bỏ cả quyền-lợi và sinh-mệnh của mình để làm một việc gì. Lao-lực : dùng nhiều sức để làm việc nặng nhọc.

CÂU HỎI.— Người nông-phu, người thôn - nữ giúp ích gì cho ta ? Tại sao tay những người thợ nề, thợ mộc thành trai ? Người bác-sĩ tận tâm thế nào ? Người chiến-sĩ hy-sinh thế nào ? Để làm gì ? Nhờ những người ấy, đời ta được thế nào ? Bồn-phận ta đối với những người lao-lực phải thế nào ?

104.— LỜI KHUYÊN-NHỦ HỌC-SINH CỦA NGÔ TÔNG-THÔNG

Các cháu học-sinh thân mến,

Hôm nay các cháu cùng nhau họp mặt vui vẻ và thân mật trong buổi lễ phát phần thưởng. Ngày mai các cháu sẽ xa trường, xa thầy, xa bạn về nghỉ hè với gia-đình.

Trong những tháng hè, các cháu sẽ chơi đùa cho thỏa thích, ăn cho nhiều, ngủ cho ngon. Ở trường, các cháu đã là những học-sinh ngoan ngoãn; về nhà, các cháu là những người con hiếu thảo.

Ngày nay các cháu là những học-sinh của một Quốc-gia Độc-lập. Các cháu phải xứng đáng với hân-hạnh ấy.

Muốn thế, các cháu nên nhớ : ở nhà vâng lời cha mẹ, hòa thuận với anh chị em. Ra đường, lễ phép với mọi người, giúp đỡ những người tàn tật già yếu. Đến trường, chăm chỉ học thầy, học bạn, trọng kỷ-luật học-đường.



PHÁT ÁM.— Học-sinh, gia-đình, trường, quốc-gia, giúp đỡ, già yếu, trọng.

GIẢI NGHĨA.— Hiếu-thảo : ăn ở hết lòng với cha mẹ. Hân-hạnh : vui mừng được may-mắn. Kỷ-luật : phép-lệnh đặt ra cho có một đoàn-thể phải theo.

CÂU HỎI.— Hôm nay là ngày gì ? Các em họp mặt để làm gì ? Ngày mai các em trở về đâu ? Để làm gì ? Ở trong nhà, các em phải tỏ ra là người con thế nào ? Muốn xứng đáng là học sinh của một Quốc-gia Độc-lập, các em phải ăn ở thế nào khi ở nhà ? Lúc ra đường ? Đến khi tựu trường, các em có bổn-phận gì ?

105.— MÙA HÈ

Ai yêu cánh đồng?
Ai yêu bãi cát?
Ai yêu những ngọn
 đồi cao ngất,
Hãy mừng đi! Chờ
 đón buổi hè sang.
Hãy mừng đi! Sửa
 soạn bước lên
 đường!
Ra biển rộng, núi
 ngàn, đồng bát-
 ngát.
Mùa hè! Mùa hè:
Cánh trời muôn
 sắc.
Xa mái trường
 yêu,
Giã từ bạn tác,
Hẹn gặp ngày mai.
Mây nước cỏ cây,
Đợi chờ bạn trẻ,
Mùa hè: vui vẻ!
Mùa hè: xinh tươi!
Hoa phượng rợp trời,



 Đón hè muôn tiếng reo cười,
Mừng hè thêu dệt vạn lời thơ hoa.

Phượng-Hải

PHÁT ÂM.— Sang, sửa soạn, rộng, trời, trường, giã từ, rợp trời.

GIẢI NGHĨA.— Ngàn: rừng núi. Bát-ngát: rộng mênh mông. Giã từ: từ biệt. Bạn tác: bạn hữu. Hoa phượng: thứ hoa cánh đỏ thắm giữa có tua dài, nở về mùa hè.

CÂU HỎI.— Tại sao học-sinh mừng rỡ buổi hè sang? Mùa hè các em thường được nghỉ mát ở những nơi nào? Ở đâu có cánh đồng bát ngát? Ở đâu có bãi cát bao la? Các em từ giã ai? Đi đi đâu? Cánh trời về mùa hè thế nào? Đi nghỉ mát có ích-lợi gì?

MỤC LỤC

ĐỀ MỤC	Số trang	ĐỀ MỤC	Số trang
<u>I. — THÂN - THỂ</u>			
1 Khỏe đề phụng sự Tò-quốc	1	31 Tặng quần áo Tết	31
2 Trái tim đập	2	32 Xếp quần áo	32
3 Óc và chân tay	3	33 Áo tây và áo ta	33
4 Cờ đầu người.	4	34 Đói gãy của ông Hiền	34
5 Chỉ cần vận-dộng	5	35 Một việc thiện	35
6 Mồm và chân tay	6	36 Sáo sậu khoác lông công	36
7 Trên bàn mồ	7		
8 Thằng Tý ốm	8	<u>IV. — GIA-ĐÌNH</u>	
9 Em đau	9	37 Một gia-đình nghèo kh	37
10 Bác Xâm di-cư	10	38 Gia-đình tan nát	38
11 Anh thương-binh	11	39 Lời cha khuyên con	39
12 Cô nữ cứu-thương	12	40 Đứa con bất hiếu	40
		41 Một gia-đình di-cư	41
<u>II. — ĂN UỐNG</u>		42 Thương nhớ	42
13 Bữa cơm đoàn-kết quân-dân	13	43 Lòng hiếu thảo	43
14 Bữa quà trưa	14	44 Một người anh tốt	44
15 Múc hòng trà cò	15	45 Giỗ mẹ	45
16 Đói	16	46 Về thăm nhà	46
17 Bài thuốc tràng sinh	17	47 Gia-đình ông Thằng	47
18 Cậu bé tham ăn	18	48 Lòng mẹ	48
19 Tiệc trà cuối năm	19		
20 Uống trà đàm đạo	20	<u>V. — NHÀ CỬA</u>	
21 Ma-men	21	49 Ngôi nhà ngói	49
22 Hàng nước	22	50 Túp lều tranh	50
23 Anh hàng nước mía	23	51 Nhà tôi	51
24 Nhấn anh nghiện hút	24	52 Nhà sàn	52
		53 Nhà gác	53
<u>III. — QUẦN ÁO</u>		54 Làm ườn	54
25 Quyên quần áo	25	55 Tòa nhà cò	55
26 B quần áo mới	26	56 Một đám giỗ	56
27 Tặng áo chiến sĩ	27	57 Vườn cà tím	57
28 Rét	28	58 Cái đèn	58
29 Bác hàng giò	29	59 Cái cối xay	59
30 Chiếc ngự-bào	30	60 Núi gương người trước	60

ĐỀ - MỤC	Số trang	ĐỀ-MỤC	Số trang
<u>VI.— THÔN-QUÊ</u>		<u>VIII.— THÀNH THỊ</u>	
61 Năm mới	61	85 Sài-gòn	85
62 Một làng nhỏ	62	86 Những công-thự ở Saigon	86
63 Tỉnh Nam-Bắc	63	87 Quang cảnh Đô-thành	87
64 Cảnh thôn dã	64	ngày bầu Quốc-hội	
65 Đường về quê	65	88 Đà-lạt	88
66 Quê tôi	66	89 Một thành-phố nhỏ	89
67 Những khóm lúa non	67	90 Kính mừng	90
68 Tát nước	68	Ngô Tổng-Thống	
69 Quê anh dâu ?	69	91 Buổi sáng trong thành-phố	91
70 Gặt lúa	70	92 Đối với thành-phố em	92
71 Đêm trắng ngày mùa	71	93 Cảnh thành-phố ban mai	93
72 Người nông-phu	72	94 Cồng xe lửa	94
<u>VII.— THÚ VẬT</u>		95 Xe dò ban đêm	95
73 Gà gáy	73	96 Bác phu xe	96
74 Chim bói cá	74	<u>IX.— NGHỀ NGHIỆP</u>	
75 Em bé và con chim	75	97 Lò rèn	97
76 Cá vàng	76	98 Thợ hớt tóc	98
77 Bắt cá ao	77	99 Công-nghệ làng tôi	99
78 Gà mẹ và gà con	78	100 Xưởng cưa máy	100
79 Con hồ	79	101 Căn có một lò đúc thép	101
80 Cảnh sơn-lâm	80	102 Những bàn tay	102
81 Chim Việt	81	103 Quý trọng nghề lao-lực	103
82 Trại định cư Hồ-Nai	82	104 Lời khuyên-nhủ học-sinh	104
83 Đi săn	83	của Ngô Tổng-thống	
84 Một ngày về	84	105 Mùa hè	105

NHÀ IN XUẤT BẢN VIỆT-LIÊN

193 GIA-LONG — SAIGON



ĐÃ XUẤT BẢN :

LUYỆN THI ĐỆ THẤT

NGUYỄN-HUY-CÔNG

TẬP ĐỌC QUỐC-VĂN LỚP BA

ĐẶNG-DUY-CHIỀU

VÀ HÀ-MAI-ANH

TẬP ĐỌC QUỐC-VĂN LỚP TƯ

Ủ-HUY-CHÂN

MUỐN CHỐNG GIỎI TOÁN ĐỒ TẬP I

ĐẶNG-DUY-CHIỀU

ĐANG IN :

MUỐN CHỐNG GIỎI TOÁN ĐỒ TẬP II

Phần Đo Lường và hình học

của ĐẶNG-DUY-CHIỀU

SẴN XUẤT BẢN :

TẬP ĐỌC VÀ HỌC THUỘC LÒNG LỚP NĂM

ĐẶNG-DUY-CHIỀU

TẬP ĐỌC VÀ HỌC THUỘC LÒNG TỚP TƯ

ĐẶNG-DUY-CHIỀU

MUỐN ĐỒ VÀO TRUNG-HỌC

của ĐẶNG-DUY-CHIỀU

NGUYỄN-MẠNH-TUÂN.

*Giấy phép xuất bản của Nha Thông - Tin Nam - Việt
số 375/TXB — Ngày 13.3.1957*

Giá : 20\$